



Số 63
5/2016

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE MONASTERY

Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản



BẢY

ĐÓA

SEN

HỒNG

NÂNG

GÓT

NGỌC

BA

NGÀN

THÉ

GIỚI

ĐÓN

NHƯ

LẠI

PL 2560

DL 2016



NỘI DUNG

CHỦ TRƯỞNG
Cổ Hòa Thượng
Trưởng lão
thượng Phước
hạ Huệ

TỔNG THƯ KÝ
TÒA SOẠN
Đại Đức
Thích Phước Thái

BAN BIÊN TẬP
Phước Thái,
Phước Thanh
Đồng Minh, Minh Quang,
Diệu Thông, Tịnh Đức, Thanh
Trì, Thanh Dung,
Tâm Hòa.

BAN THƯ KÝ
Phước Viên
Phước Thanh,
Phước An,
Thảo Phạm.

CỘNG TÁC VIÊN
Phước Hỷ,
Chúc Thanh
Viên Anh,
Ngọc Hân
Ánh Mai,
Nguyễn Điện,
Thiện Tuệ.

NHIỆP ẢNH
Mã Gia Tường
Tâm Lộc, Ngọc Anh

TRANG TRÍ
HÌNH BÌA
Phước Quảng
Hán Dân

Lá thư tòa soạn	<i>Ban Biên Tập</i>	1-2
Thiệp mời Đại Lễ Phật Đản 2640	<i>Ban Tổ Chức</i>	2
Thông bạch Phật Đản PL 2560	<i>Hòa Thượng Thích Phước Bổn</i>	3
Ý nghĩa cúng dường Phật Đản	<i>Thanh Trì</i>	4-8
Mừng ngày Phật Đản (thơ)	<i>Văn Thân</i>	8
Đức Phật một bậc Thầy tâm linh ...	<i>Lê Văn</i>	9-13
Kinh A Di Đà mộng giải	<i>Liên Hương Tịnh Lạc</i>	14-16
100 câu hỏi Phật pháp tập 2	<i>Phước Thái</i>	17-20
Hãy thực hành hạnh Bố tát	<i>Văn Thân</i>	21-23
Chữ Tu trong đạo Phật	<i>Phước Thái</i>	24-28
Con đường chánh pháp (thơ)	<i>Trí Lạc</i>	28
Hãy ứng dụng bí pháp trong Kinh ..	<i>Đồng Minh</i>	29-32
Đạo Tâm (thơ)	<i>Trí Lạc</i>	32
Vai trò và trách nhiệm của người ..	<i>Tịnh Đức</i>	33-36
Dòng tâm thức	<i>Tịnh An</i>	37- 38
Buổi sáng mùa thu tại Dame Phyllis.	<i>Hoa Vô Ưu</i>	39-42
Phật Đản (thơ)	<i>P.T.</i>	42
Nhất Đại Sự Nhân Duyên	<i>Tâm Hòa sưu tầm</i>	43-44
Tự thán (thơ)	<i>Thanh Trì</i>	44
Rời hoàng cung	<i>Diệu Thông</i>	45-47
Buông gánh (thơ)	<i>P.T.</i>	47
Hoàng Ngọc Thanh Tịnh (gia chánh)	<i>Tâm Hòa sưu tầm</i>	48
Lịch sinh hoạt ngày thứ Bảy	<i>Tổ đình Phước Huệ</i>	48
Danh sách ủng hộ ĐTLPG	<i>Ban Tài Chánh ĐTLPG</i>	49
Thơ cảm tạ	<i>Tổ đình Phước Huệ</i>	50
Hình ảnh sinh hoạt chùa	<i>Tổ Đình Phước Huệ</i>	51-55
Quảng cáo	56-62

Tạp chí Tổ Đình Phước Huệ xin tri ân mọi sự đóng góp thư từ, bài vở của chư Tôn Đức và đồng hương, Phật tử khắp mọi nơi. Ban Biên Tập cũng xin hoan nghênh sự ủng hộ của các cơ sở thương mại, quý đồng hương, Phật tử, bằng cách quảng cáo, mua báo dài hạn, ủng hộ tài chánh, cộng tác và phát hành tạp chí Phước Huệ. Thư từ, bài viết, chi phiếu xin gửi về:

Phuoc Hue Temple

365 Victoria Street, Wetherill Park NSW 2164 Australia

Happy Vesak Day



Chúng quý độc giả thân mến,

Phật đản về, trong niềm hân hoan thiết tha đón chào của muôn triệu trái tim nhiệt thành trên khắp tinh cầu này. Khác nào như trăm hoa đua nở chào đón ánh sáng mặt trời. Trái tim mặt trời vật lý luôn soi sáng sưởi ấm trường dưỡng cho muôn loài. Trái tim tâm lý cũng luôn soi sáng ngát tỏa hương thơm từ bi để làm xoa dịu vơi đi bao nỗi ưu phiền khổ lụy của chúng sinh. Sự ra đời của Đức Phật là một trái tim tâm linh từ bi, bình đẳng, vị tha không có biên giới. Một trái tim tràn đầy chất liệu tình người và hướng chúng sinh về con đường chánh giác vượt thoát khỏi vòng sanh tử khổ đau.

Chính vì thế, nên từ lúc sanh ra, xuất gia, thành đạo cho đến khi nhập Niết bàn, không lúc nào mà Đức Phật không đề cao tinh thần giác ngộ và giải thoát. Vì đó là tôn chỉ, là mục đích cứu cánh của đạo Phật. Xây dựng đạo đức nhân bản, cải hóa xã hội lành mạnh, làm đẹp con người thánh thiện... đó là nền tảng giáo dục cơ bản mà đức Phật luôn quan tâm hướng đến. Bất luận thời đại xã hội nào mà mỗi cá nhân, thiếu phẩm chất đạo đức, thiếu chất liệu yêu thương tình người, thiếu tinh thần đoàn kết hòa hợp, bao dung, thiếu cái nhìn cảm thông, công bằng và hỗ trợ v.v... thì thời đại xã hội đó, chắc chắn không sao tránh khỏi những tệ nạn xáo trộn bất an, mà hậu quả là thối nát sa đọa. Đó như là một định luật hệ lụy tất yếu hiển nhiên của con người thời đại.

Hiện nay loại đang sống trong thời đại mới, thời đại của một nền khoa học kỹ thuật tân tiến, phát minh những máy móc cực kỳ tinh vi sắc xảo và mọi thứ tiện nghi vật chất... nhằm để cung ứng mọi nhu cầu thiết yếu cho con người. Ấy thế mà, con người vẫn còn phải chịu đựng nhiều bức bách đau khổ triền miên như: thiên tai, chiến tranh, khủng bố, nghèo đói, bệnh tật, dốt nát v.v... Ta tự hỏi: nguyên nhân đó do



Là
Thư
Tòa
Soạn

đâu? Phải chăng do con người thiếu ý thức, thiếu chất liệu tình người, thiếu lương tâm đạo đức, thiếu nhơn tính tình thương... nên mới gây ra những thảm nạn chiến tranh, khủng bố tàn sát lẫn nhau và làm cho môi trường sinh thái phải bị ô nhiễm ngày càng tồi tệ hơn. Những lý do nói trên, chưa phải là nguyên nhân chính. Mà nguyên nhân chính là do con người còn quá nhiều tham vọng, luôn nuôi dưỡng ba thứ độc tố nguy hiểm "**Tham, Sân, Si**". Ngày nào mà nhơn loại còn dung dưỡng ba thứ độc tố nguy hiểm này, thì ngày đó thế giới loài người sẽ không bao giờ có được đời sống an ổn để sống chung hòa bình. Chiến tranh hay hòa bình đều phát nguyên từ tâm thức của con người. Tâm loạn thì thế giới loạn. Tâm an thì thế giới an. Tâm bình thì thế giới bình. Như vậy, muốn cho một thế giới được an ổn, hòa bình, thì chúng ta không cần phải tìm kiếm ở đâu xa. Mà mỗi người chúng ta nên tự quán chiếu thật sâu sắc ở nơi chính mình. Tâm ta còn nặng lòng chấp ngã đảo điên, còn theo cảnh theo duyên tạo nhiều nghiệp ác, thì đừng mong nhơn loại có một đời sống an vui hạnh phúc và thế giới không bao giờ có được hòa bình! Và như thế, hòa bình chỉ là một cái bánh vẽ hư ảo mà thôi.

Thiết nghĩ, chúng ta thiết lễ kỷ niệm cúng dường Phật đản, không phải chỉ có một bề phô trương hình thức bên ngoài không thôi, mà chúng ta còn cần phải có phẩm chất nội dung cao đẹp. Chính cái phẩm chất nội dung đó mới thật là quan thiết. Phẩm chất

nội dung được thể hiện qua những suy tư, nói năng và hành động trong chánh niệm. Có chánh niệm, tỉnh thức, thì mọi việc làm của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa và mới đem lại nhiều lợi lạc cho đời sống tâm linh. Bằng không, thì mọi hình thức lễ nghi chỉ có tác dụng làm đẹp bề ngoài, còn phẩm chất nội dung thì thật là rỗng tuếch, vì sự và lý không viên dung với nhau vậy.

Mong sao trong mùa Phật đản này, chúng ta nên cố gắng thật hành qua bài kệ mà Đức Thế Tôn đã dạy:

*"Chớ làm các điều ác
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý mình trong sạch
Đó là lời chư Phật dạy"*

Bài kệ tuy có bốn câu ngắn gọn, nhưng nội hàm thật vô cùng sâu sắc. Có thể nói nó

chứa đựng tóm tắt tất cả những yếu nghĩa mà trong kinh điển Phật dạy. Được thế, thì chúng ta mới thực sự thành tâm cúng dường Đức Phật vậy.

Nhân mùa Phật đản lần thứ 2640, tòa soạn xin chân thành kính chúc quý độc giả xa gần luôn được an lạc hạnh phúc và luôn thăng hoa hạnh thông trong cuộc sống.

Trân Trọng

Ban Biên Tập



Tổ đình Phước Huệ

Thiệp Mời

Đại lễ Phật Đản lần thứ 2640

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản 2640

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

vào ngày:

- Chủ Nhật 22/05/2016:**
- **Đại lễ Phật Đản vào lúc 10:30**
 - Văn nghệ mừng Phật Đản vào lúc 13:30
 - Cúng thí thực thập loại cô hồn vào lúc 15.00

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ chung của Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Kính nguyện kết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức





THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2560

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch: Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni.

Kính thưa: Quý vị lãnh đạo tinh thần, quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện,

Kính thưa: Chư Phật tử và quý đồng hương,

Thay mặt Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, chúng tôi trân trọng kính gọi đến chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý vị lãnh đạo tinh thần quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện và chư Phật tử, đồng hương lời chào mừng nồng hậu trong ánh hào quang của đức Bổn sư Thế tôn.

Hôm nay hàng Phật tử chúng ta và nhơn loại khắp nơi trên thế giới hân hoan thành kính chào mừng đức Phật đản sanh lần thứ 2640 Phật lịch 2560 nhằm tưởng niệm và tán dương đức đại từ đại bi, đại hỉ đại xả mà Ngài đã thương xót dẫn dắt cứu vớt muôn loài. Kính ngưỡng nhơn cách giác ngộ, lời dạy nhân bản mà đức Phật đã đem lại niềm an lạc cho nhơn loại.

Nhơn loại đã trải qua và đang tiếp tục gánh chịu sự xung đột, chiến tranh, khủng bố, sát hại và sự thống trị chuyên chế, độc tài, áp bức, bất công..., bởi các thế lực mạnh động bạo ngược, tham vọng hận thù; không có lòng nhơn ái, không có lòng thương yêu đồng loại, không tôn trọng sự sống và quyền sống giữa đồng loại với nhau.

Nhìn thảm họa, nổi thống khổ mà con người phải chịu đựng, chiêm nghiệm thực trạng, chúng ta nhận thức rõ ràng lời Phật dạy, giáo pháp Ngài thuyết minh, và giá trị tuyệt đối của con đường giải thoát mà đức Phật là vị đạo sư mở đường hướng dẫn muôn loài vượt qua đêm dài tăm tối, nổi khổ đau do ba độc tố tham lam, sân hận, si mê gây nên.

Trong hoàn cảnh hiểm nguy, họa hoạn mà nhơn loại phải gánh chịu ngày càng chồng chất, mỗi người trong chúng ta hãy nên mở rộng lòng thương yêu, từ bỏ hận thù, từ bỏ tham vọng, hướng vào nội tâm và nhơn cách, hướng đến nền nhân bản; hay nói theo thuật ngữ Phật học là mỗi người trong chúng ta hãy cố gắng sống bằng tâm niệm từ bi hỉ xả và tinh thần thiếu dục tri túc, trau dồi huệ giác, làm lợi ích cho người và vật. Đây là con đường duy nhất để tự cứu lấy mình và giúp người thoát khỏi hiểm họa khôn cùng, thoát khỏi sự đắm chìm trong biển nghiệp như lời dạy của đức Phật.

Trong giờ phút trang nghiêm long trọng cử hành đại lễ khánh đản hôm nay, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông trưởng, Tổ sư khai sơn Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, khai Tổ Phật giáo Việt Nam Úc châu, Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư; đồng thời nhứt tâm cầu nguyện chư tiên linh đã bỏ mình vì những bất hạnh, sớm được tiêu điều tự tại và người hiện tiền, an cư lạc nghiệp.

Kính nguyện đức Bổn sư Thế Tôn thù từ gia hộ chư tôn đức và toàn thể liệt vị vô lượng kết tường.

Trân trọng – Trân trọng

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Hòa thượng Thích Phước Bổn

Tông Trưởng

Ý nghĩa cúng dường Phật Đản



Thanh Trì

Kỷ niệm ngày Đức Phật ra đời, người Phật tử thường hay biểu lộ lòng kính trọng của mình qua nhiều cách thể khác nhau. Tùy theo trình độ nhận thức hiểu biết mà người Phật tử biểu hiện qua những tâm thành dị biệt. Một trong nhiều cách thức biểu hiện tâm thành đó là pháp thức cúng dường. Từ ngữ cúng dường nguyên chữ Hán là cung dưỡng. Vì hai chữ này có hai âm đọc: cung dưỡng hoặc là cúng dường. Cung có nghĩa là cung cấp; dưỡng có nghĩa là nuôi lớn. Cúng dường có nghĩa là cung cấp và nuôi lớn. Cung cấp và nuôi lớn có hai phương diện: vật chất và tinh thần.

Về phần vật chất thì có nhiều thứ, nhiều loại. Nhưng dù bất cứ loại nào cũng đều xuất phát từ cái tâm thành của người dâng cúng. Sử ghi lại, khi Đức Phật ra đời, thì hàng chư thiên rất đổi vui mừng tung hoa cúng dường. Đó là biểu lộ lòng thành kính đối với một đấng siêu phàm giáng thế. Không chỉ có chư thiên không thôi mà cả Nhơn loại cũng đều hân hoan quy kính chào đón. Trong niềm quy kính đó, người Phật tử thường hay biểu lộ tâm lòng thành kính của mình qua nhiều cách thức cúng dường. Thông thường có ba loại cúng dường:

1. Tài cúng dường
2. Vật cúng dường
3. Pháp cúng dường

1. Tài cúng dường

Về tài cúng dường, nói cho đủ gọi là tịnh tài. Nghĩa là người Phật tử dùng những đồng tiền mà chính do mình bỏ ra nhiều công sức tạo nên. Đó là đồng tiền trong sạch chớ không phải thứ đồng tiền dơ bẩn. Đồng tiền bất tịnh là đồng tiền không phải do sức lực mồ hôi nước mắt của mình tạo ra. Như là đồng tiền qua những hành động ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp, ăn giựt hay cờ bạc, buôn bán nha phiến

v.v... Gọi chung đó là những đồng tiền phi pháp, phi nghĩa. Sử dụng đồng tiền phi nghĩa, phi pháp này mà cúng dường, thì gọi đó là đồng tiền bất tịnh. Phật, Bồ tát không chứng minh và chư Tăng, Ni biết rõ cũng không thọ dụng. Ngược lại, dùng đồng tiền trong sạch để cúng dường, thì người Phật tử sẽ được tăng trưởng phước báo. Tuy nhiên, có điều ta cũng cần nên lưu ý. Khi cúng dường, ta không nên có cái tâm cầu danh hoặc có ý niệm cúng ít, cúng nhiều. Cầu danh là muốn mình có tên tuổi để cho nhiều người biết đến. Hoặc ý mình có tiền nhiều cúng nhiều, khởi tâm chê bai người khác cúng ít. Cúng dường mà còn có cái tâm niệm như thế, thì phước báo đâu có bao nhiêu. Cho nên khi cúng dường là do phát xuất từ cái tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề là tâm giác ngộ, cái tâm này không bị dính mắc vào đâu. Có người tự động bỏ tiền vào thùng phước sương, không cần ai biết tới. Cũng không cần phải ghi tên tuổi của mình. Cúng xong lạy ba lạy rồi nguyện cầu cho Tam bảo được trường tồn ở thế gian, để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chỉ cần nguyện như thế là đủ, không cần phải nguyện vãi dài dòng. Nói chúng sinh thì trong đó có thân nhân ruột thịt của mình rồi. Cúng dường và cầu nguyện như thế, đó là người Phật tử hiểu đạo và lòng thành của Phật tử sẽ được chư Phật chứng minh cho. Nếu cúng dường bằng cái tâm không mong cầu, thì sẽ được phước báo vô lậu. Ngược lại, cúng dường mà còn mong cầu lợi lộc cho mình, hay có cái tâm phân biệt chấp trước, người cúng như thế chỉ được hưởng phước báo hữu lậu mà thôi. Nghĩa là cái phước báo có giới hạn.

2. Vật cúng dường

Cúng dường về vật chất, nói chung là các loại phẩm vật. Thông thường, trong Kinh thường nêu ra có bốn việc cúng dường cần thiết mà người Phật tử thường hay dâng cúng. Đó là:

"Âm thực, y phục, ngọa cụ và y dược". Nói rõ ra là đồ ăn thức uống, vải sớ y áo để mặc, giường chông hoặc bàn ghế và thuốc men v.v... Chư Tăng, Ni là những người tu theo hạnh xuất thế. Các vị đó dồn hết thời giờ để lo tu học và làm những công việc Phật sự. Đó là bổn phận nhiệm vụ của chư Tăng, Ni. Vì thế, mà các vị này nhận những đồ cúng dường do quý Phật tử tại gia dâng cúng, với mục đích là giúp cho Tăng, Ni có thêm phương tiện để yên tâm tu học. Đó cũng là bổn phận của người Phật tử tại gia ủng hộ Phật pháp. Muốn cho chánh pháp được trường cửu ở thế gian, thì cả hai giới xuất gia và tại gia phải hỗ trợ giúp đỡ cho nhau để hoàn thành sứ mạng hoằng pháp lợi sinh mà Đức Phật đã giao phó. Do đó, giữa người Phật tử xuất gia và Phật tử tại gia giống như thuyền với nước. Nếu thiếu một trong hai thì cũng không thể nào đạt được mục đích giác ngộ giải thoát được. Tất cả đều là phương tiện. Phương tiện tốt thì việc hành trì tốt. Tuy nhiên, đối với người xuất gia, thì Phật Tổ thường dạy phải tam thường bất tức. Nghĩa là ăn, mặc và ngủ nghỉ phải vừa đủ không được hưởng thụ dư thừa quá mức. Tổ Quy Sơn dạy: "Thọ dụng ân phần, thí lợi nòng hậu". Nghĩa là, thọ dụng càng nhiều, thì thí chủ càng có lợi lớn.

Nói tóm lại, cúng dường về phần vật chất, tùy theo khả năng và sự phát tâm của Phật tử mà cúng dường Tam bảo. Khi cúng dường, đừng vì ham có phước nhiều mà quên đi gia cảnh hay khả năng của mình. Tuy cúng dường là một việc làm tốt rất có ý nghĩa, nhưng cũng không nên quá đáng mà làm mất đi sự hòa khí yêu thương trong gia đình. Điều này, phải nói nhất là phái nữ. Có nhiều gia đình, chỉ vì ham cúng dường nhiều mà gia đình xảy ra những chuyện bất hòa mất hạnh phúc. Điều đó, Phật, Bồ tát và chư Tăng, Ni không ai muốn như thế cả. Cho nên, tốt nhất là phải lượng sức mình mà cúng để cho gia đình được hòa thuận êm ấm. Có thể, thì sự cúng dường dù phẩm vật ít, nhưng phước báo vẫn hơn. Phước báo có ra không phải do của ít hay nhiều, mà do ở nơi lòng chí thành của mình. Phật và Bồ tát, các Ngài chứng minh là chứng minh cái lòng chí thành của mình, chớ đâu phải chứng minh tiền của ít hay nhiều. Không phải cúng ít thì Ngài

cho phước ít, cúng nhiều thì Ngài cho phước nhiều. Cúng dường với quan niệm Phật, Bồ tát ban cho mình phước báo, đó là quan niệm sai lầm. Dứt khoát, người Phật tử không nên có ý niệm này. Phước nhiều hay ít, không phải ở nơi đồ vật dâng cúng mà ở nơi tâm thành của mình. Hiểu rõ như thế, thì sự phát tâm lòng thành hiến cúng của Phật tử mới là quan trọng. Thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên biện biệt về các cách cúng dường cho đúng pháp. Đại khái, có ba cách thức cúng dường:

- a. Cúng dường Tam bảo.
- b. Cúng dường Trai tăng
- c. Cúng dường hay ủng hộ riêng cho chư Tăng, Ni.

a. Cúng dường Tam bảo: Phật tử dùng tài vật dâng lên cúng dường Tam bảo: Phật là Phật tượng, pháp là Kinh sách, Tăng là các vị Thánh tăng hoặc phạm tăng. Những tài vật cúng dường Tam bảo này thì Tăng hay Ni của một ngôi chùa nào đó, sẽ không được hưởng dụng riêng cho cá nhân mình. Vì Tăng trong Tam bảo là chung cho thập phương tăng chứ không phải riêng vị Tăng ở chùa đó. Vì thế, khi cúng dường Phật tử phải nói rõ là cúng dường Tam bảo hay ủng hộ riêng cho vị Tăng hay Ni đó. Nếu cúng dường ủng hộ riêng, thì Tăng hay Ni đó mới dám thọ dụng tài vật được cúng.

b. Cúng dường trai tăng: Đây là noi theo truyền thống cúng dường từ thời Phật còn tại thế. Bởi do thân mẫu của Tôn giả Mục kiên liên, gây tạo nghiệp ác, nên bị quả báo ở nơi địa ngục hành phạt đau khổ. Thấy thế, Ngài Mục kiên liên tự mình không thể cứu được nên mới bạch Phật nhờ Phật chỉ phương pháp cứu mẹ Ngài. Phật bảo phải thiết lễ trai nghi cúng dường mười phương tăng. Nhờ sức chú nguyện của mười phương tăng tu hành thanh tịnh mà mẹ ông mới thoát khỏi ngục hình. Ngài Mục kiên liên làm y theo lời Phật dạy và mẹ Ngài đã thoát khổ. Từ đó, mới có lễ cúng dường trai tăng. Như vậy, những phẩm vật và tịnh tài mà Phật tử dâng cúng trong buổi lễ cúng dường trai tăng này, thì chư Tăng, Ni hiện tiền được quyền thọ dụng tài vật đó.

c. Cúng dường hay ủng hộ riêng cho chư Tăng, Ni: Như đã nói, khi cúng dường Phật tử nên nói rõ về sự cúng dường của mình. Nếu Phật tử muốn cúng dường hay ủng hộ cho vị Tăng hay Ni nào đó, thì Phật tử nên nói là con thành kính cúng dường Thầy hoặc Sư Cô...Như thế, thì người được cúng mới được quyền sử dụng riêng tư tài vật này. Các cách cúng dường trên đều thuộc về "Sự" cúng dường. Còn pháp cúng dường thuộc về "Lý" cúng dường.

3. Pháp cúng dường

Phân cúng dường này hoàn toàn thuộc về lĩnh vực tinh thần. Chúng ta nghe và học hỏi chánh pháp để ứng dụng vào đời sống thực tế hằng ngày của mình. Nhờ học hiểu giáo pháp rồi hành trì đúng theo những gì Phật dạy, đó là người Phật tử khéo biết tu hành để nuôi lớn căn lành. Người Phật tử cúng dường không phải chỉ một bề nghiêng về phần sự tướng không thôi, mà cũng cần nghe và học hỏi chánh pháp. Phần này, tuy là vô hình, nhưng rất quan trọng trong sự tu hành. Nếu chúng ta một bề cúng dường tài vật bên ngoài, thì chỉ được phước báo, chứ đó không phải thuộc về Trí huệ. Có nghĩa là Phật tử chỉ mới tu phước, chứ chưa phải tu huệ. Phước và huệ cả hai đều phải song hành, như thế thì mới được lợi lạc lớn. Muốn tu huệ, phải tu qua ba phương diện: "Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ". Đây gọi là Tam huệ học. Văn huệ là chúng ta phải nghe pháp, hoặc tụng đọc nghiên tầm kinh điển... Đó là giai đoạn đầu mà người Phật tử cần phải có. Từ chỗ nghe học hỏi và hiểu rồi y theo kinh điển hay những lời thuyết giảng của Tăng Ni mà tư duy cho thấu đáo lý lẽ. Nghĩa là những gì phù hợp với chân lý Phật dạy, thì chúng ta nên nỗ lực nghiên tầm tra cứu học hỏi. Đó là giai đoạn cần phải nghiên ngẫm tư duy những gì nghe thấy. Sau khi tư duy nhận hiểu sáng tỏ vấn đề rồi, thì chúng ta cần phải gia công nỗ lực thật hành. Phần thật hành tu tập này mới thật là quan trọng. Có thể nói hai phần trước chỉ là nằm trong phạm vi lý thuyết. Nhờ lý thuyết ta mới nghiên ngẫm và mới thật hành được. Nếu không có phần lý thuyết chỉ đạo đúng hướng chân lý, thì chúng ta làm sao hiểu rõ được mà hành đúng pháp. Nói theo thứ lớp là chúng ta cần phải trải qua như thế. Kỳ thật,

trong khi nghe, cũng có phần tư duy và thật hành trong đó. Một là ba mà ba cũng là một. Hiểu thế, thì ta mới hiểu sâu được vấn đề theo lý "Tương tức, tương nhập".

Như vậy, cúng dường cũng là một pháp tu. Khi cúng dường ta phải hết lòng cung kính. Cung kính phát xuất từ tâm. Vật chất chỉ là hình thức biểu lộ bên ngoài. Không phải chỉ có đến ngày Phật đản, người Phật tử mới phát tâm cúng dường. Cúng dường như thế chỉ là trong giai đoạn nhứt thời. Đến ngày Phật đản, người Phật tử các nơi khắp năm châu bốn biển đều rầm rộ tổ chức linh đình nào là xây dựng lễ đài, kết thành xe hoa, cờ phướn trang hoàng, băng rôn biểu ngữ, công chào hoành tráng v.v... nói chung là thiết kế trang trí đủ mọi thứ hình thức để cúng dường. Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ biết cúng dường phô trương biểu dương hình thức bên ngoài không thôi, thiết nghĩ, điều đó cũng chưa đúng với ý nghĩa của sự cúng dường. Như trên đã nói, trong tất cả các loại cúng dường, thì pháp cúng dường là quan trọng hơn cả. Nói cách khác để hiểu hơn là chúng ta phải cúng dường bằng cái tâm lực. Có cúng dường bằng cái tâm lực, thì mới cảm thông được với Phật lực. Thí dụ, như có một người nào đó, họ đang lâm vào một hoàn cảnh cực kỳ đau khổ, họ liền nghĩ đến cần phải cầu cứu với người thân của họ ở phương xa, khi đó họ đem hết tâm lực bày tỏ kẻ rõ sự tình trong một bức thư. Người thân, khi nhận được bức thư đọc thấy lời lẽ trong đó mỗi lời, mỗi chữ đều biểu lộ cái nỗi đau khổ bi ai thống thiết của họ, thế là, động lòng trắc ẩn từ bi người đó liền vội vã tìm cách gởi tiền về để giúp cho thân nhân của mình. Đó là tâm lực và Phật lực cảm thông nhau. Tại sao cảm thông nhau? Tại vì người viết đem hết cái tâm thành của mình mà trút hết trong bức thư. Do đó, nên người đọc mới cảm động. Tức đánh động được cái tấm lòng từ bi của người mà mình hướng về cầu cứu. Như cùng một dòng điện lực đúng tần số thì cả hai đều cảm thông nhau.

Lần khác, cũng người đó, cũng viết một lá thư, nhưng với ý đồ lợi dụng, không còn có cái tâm thành như trước kia, khi đọc, người kia nhận biết ngay đây là một lá thư chứa đầy lòng tham lam trong đó, vì thế người kia chẳng những

không giúp mà còn trách cứ người đó nữa. Thế thì mất đi sự cảm thông nhau rồi. Vì không đúng tần số với nhau. Vì chỗ dụng tâm khác nhau, nên kết quả khác nhau. Qua thí dụ này cho chúng ta thấy, khi cúng dường hay tụng Kinh v.v... ta cần phải biểu lộ tất cả bằng cái tâm thành của mình. Nếu không đem hết cái tâm lực của mình gói gắm vào trong đó, thì khó mà có kết quả tốt đẹp được. Bởi tâm lực và Phật lực không tương đồng nhau. Như thế, thì làm sao có sự cảm thông? Muốn có một sự cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, thì khi cúng dường hay tụng niệm... ta phải hết lòng thành kính chớ không thể chỉ làm qua loa, lấy lệ bề ngoài. Cho nên, hình thức mà thiếu phẩm chất nội dung, thì hình thức đó chỉ là phô trương rỗng tuếch bề ngoài mà thôi.

Nói thế, để chúng ta thấy rằng, khi thiết lễ kỷ niệm cúng dường Phật đản, dù cúng dường dưới bất cứ hình thức nào, chúng ta cũng phải biểu lộ bằng tất cả cái tâm thành kính của chúng ta. Hình thức tuy cũng rất cần, nhưng nó cũng chỉ là bên ngoài ngoại diện của sự tướng. Nếu chỉ có "Sự" mà Không có "Lý" thì việc làm đó cũng không có được lợi lạc bao nhiêu.

Như vậy, cúng dường Phật đản, theo thiên nghĩ của chúng tôi, thì ngoài việc biểu lộ phô trương hình thức ra, chúng ta cũng nên dùng ba nghiệp để cúng dường Đức Thế Tôn. Ba nghiệp cúng dường là như thế nào?

- Thứ nhất, là dùng thân nghiệp để cúng dường. Trong ngày Phật đản, thân chúng ta nên chí thành giữ gìn ba giới cấm là quyết không sát hại sinh vật, không gian tham trộm cắp tài sản của ai và không làm những điều tà hạnh bất chánh. Ngoài ra, ta cũng nên đem cái thân này để lễ bái sám hối và tụng niệm v.v... Đó là dùng thân nghiệp cúng dường. Thay vì, thân tạo nghiệp ác, thì ta phát nguyện thân làm những điều lành.

- Thứ hai, là dùng khẩu nghiệp để cúng dường. Nói rõ hơn là phải nói ngữ nghiệp mới đúng. Vì ngữ là lời nói. Còn khẩu chỉ là hình thức cái miệng. Nhưng lâu rồi người ta cứ nói là khẩu nghiệp nên thành thói quen. Nghĩa là chúng ta phải dùng lời nói từ tốn nhã nhặn ôn hòa. Đó

là lời ái ngữ. Lời nói không chứa đựng ác ý, dối gian, lường gạt, thù ghét, trau chuốt v.v... Nói với mục đích là để hại người, thì đó là lời nói ác. Người Phật tử không nên sử dụng những lời quái ác ngữ, ác tâm hại người. Mà phải dùng những ngôn từ hòa ái, yêu thương, thành thật, đoàn kết, xây dựng, tôn kính, có thể thì mình và người mới được lợi lạc. Lời nói luôn tưới tắm những hạt giống tốt cho mình và người, đó là ta khéo dùng khẩu nghiệp để cúng dường. Vì cúng dường mang ý nghĩa vừa nuôi lớn căn lành của mình mà cũng không làm tổn thương đến căn lành người khác. Như vậy, thì ta có một đời sống an vui và hạnh phúc và mọi người cũng được an vui hạnh phúc vậy.

- Thứ ba, là dùng ý nghiệp để cúng dường. Trong ba nghiệp (tức thói quen) thì ý nghiệp là quan trọng hơn hết. Tại sao gọi ý là nghiệp? Nói thân nghiệp, khẩu nghiệp, thì ta dễ hiểu, còn ý là cái gì mà gọi nó là nghiệp. Ý nói ở đây, tức chỉ cho ý thức, tức thức thứ sáu. Thức có nghĩa là hiểu biết phân biệt. Vì thức này có thói quen là luôn luôn nghĩ ngợi. Do nó suy nghĩ tính toán không dừng, nên người ta gọi nó là ý nghiệp (thói quen suy nghĩ). Nếu nó suy nghĩ điều lành, thì nó khiến cho cái miệng nói ra lời lành và thân hành động lành. Ngược lại, nếu nó suy nghĩ điều ác, thì nó sai sử cái miệng nói điều ác và thân hành động ác. Ý là chủ động tạo thành nghiệp lành, dữ. Cho nên nó rất quan trọng. Luận về công trạng, thì nó đứng đầu. Bởi do nó suy nghĩ tính toán phát minh nhiều thứ máy móc tiện nghi vật chất làm lợi ích cho đời sống của con người, nên công nó rất lớn. Nhưng nếu luận về tội, thì nó cũng đứng trước. Chính nó suy tính những thủ đoạn ác độc, gian manh, xảo quyệt... với mục đích là để hại người hại vật. Những cuộc chiến tranh đẫm máu, những trận khủng bố ôm bom cảm tử, sát hại con người, gây ra không biết bao nhiêu tai ương họa hại, tất cả đều do nó mà ra. Thế nên nó suy tính về hướng lành, làm lợi ích cho nhơn sinh, thì nó sẽ trở nên những bậc hiền nhân quân tử. Thành Phật, tác Tổ cũng do nó mà ra. Cho nên, nếu ta luôn nghĩ đến điều lành, thì đó mới thật sự là cúng dường chư Phật. Trước tiên là nuôi lớn căn lành cho ta ngày càng phát huy mạnh mẽ và sau làm lợi ích cho muôn loài chúng sinh.

Kinh nói: "*Phục vụ chúng sinh là cúng dường chư Phật*". Như thế, thì muôn loài chúng sinh sẽ mang ơn ta rất nhiều. Vì thế, nên nói không có cách cúng dường nào hơn bằng cách sử dụng ý nghiệp cúng dường. Kinh nói: "*Ba nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương*" là ý này vậy.

Tóm lại, qua sự trình bày vài nét khái yếu trên, thiết nghĩ, chúng ta cũng hiểu được phần nào về ý nghĩa của sự cúng dường. Nhân ngày Đại lễ Phật đản, không gì hơn, chúng ta dùng ba nghiệp thân tâm thanh tịnh để thành kính dâng

lên cúng dường mười phương chư Phật. Khi ba nghiệp ta thanh tịnh, thì ngay giây phút đó là Phật ra đời, khi ba nghiệp ác khởi lên, thì ngay giây phút đó là Phật nhập diệt, tức ta đã bị rơi vào địa ngục rồi. Thế thì, mỗi người chúng ta nên cố gắng làm cho chất Phật trong ta luôn xuất hiện để được lợi mình và lợi người vậy.



Mừng ngày Phật Đản

*N*gày Phật đản tôi đi chùa lễ Phật,
Dọc đường đi đông đúc đủ hạng người.
Áo đủ màu nét mặt hiện vui tươi,
Từ em bé đến cụ già hớn hởi.
Nơi cửa Phật người gặp người mừng rỡ,
Chào hỏi nhau nhắc nhớ niệm Di Đà.
Tiếng trống chuông từ chánh điện vang ra,
Các Phật tử trẻ già vào làm lễ.
Nhìn tượng Phật trang nghiêm ngồi trên bệ,
Miệng mỉm cười thật dễ mến làm sao!
Giữa chặng mây tỏa ánh sáng bạch hào,
Trên nhục kế ôi chao trông đẹp thật!
Nơi chánh điện khói hương trầm nghi ngút,
Mỗi ngọn đèn sáng rực tỏa hào quang.
Hoa quả tươi chưng sắp đầy trên bàn,
Tiếng chuông mõ nhịp nhàng lời kinh tụng.
Chư tăng, ni Phật tử đều quỳ cúng,
Cầu nguyện cho dân chúng sống yên lành.
Phật ra đời để cứu khổ chúng sanh,
Khắp ba cõi hoan nghênh cùng ngưỡng mộ
Ngài về đây mở lòng từ cứu khổ,

*Phá xích xiềng san bằng hó bất công.
Đập tan đi bao áp bức cùm gông,
Đưa nhân loại thoát khỏi vòng khốn khổ.
Ngài về đây là mở ra sinh lộ,
Dem đạo màu dạy dỗ cho chúng sanh.
Khiến mọi người bỏ ác làm điều lành,
Lo cố gắng tu hành và tinh tấn.
Ngài là đấng cha lành tâm bình đẳng,
Đã tự mình chiến thắng lũ ma vương.
Lòng từ bi trí tuệ thật vô lường,
Công đức lớn sánh dường trời cao rộng.
Con từ lâu đã sống trong ảo mộng,
Mang thân người phước mỏng lại hôi tanh.
Suốt đêm ngày đeo đuổi bã lợi danh,
Mãi lặn hụp trong biển tình u tối.
Ngày hôm nay con thành tâm sám hối.
Cầu xin Ngài chỉ lối dẫn đường con.
Kể từ đây bao chương nghiệp không còn,
Theo chân Phật trên con đường giải thoát.*

Văn Thân



Đức Phật, Một Bậc Thầy Tâm Linh Vĩ Đại

Có lẽ trong các truyền thống tâm linh xưa nay, không có một truyền thống tâm linh nào vượt hơn Phật giáo. Đó là điều chứng nghiệm xác minh hùng hồn của các sử gia và các nhà khoa học hiện đại. Chúng ta đang sống trong một thời đại khoa học, dĩ nhiên, các tôn giáo đều được phê phán dưới lăng kính khoa học. Những nhà trí thức, các khoa học gia, các nhà bác học, các học giả, các nhà văn, các chính trị gia lừng danh nổi tiếng thế giới không ngớt ca tụng Phật giáo và bày tỏ tấm lòng ưu ái tri ân ngưỡng mộ Đức Phật. Họ tôn kính ngưỡng mộ Đức Phật và cho Đức Phật là một bậc Thầy tâm linh vĩ đại. Bởi Ngài là một con người gương mẫu toàn giác. Giáo lý của Ngài có công năng chuyển tải nguồn đạo lý siêu việt khai sáng tuệ giác cho muôn loài. Trong đó có loài người chúng ta thừa hưởng một gia tài tâm linh vô cùng quý giá. Việc "chuyên mê khai ngộ, phá tà hiển chánh", là trách vụ chung của những người con Phật. Vì mọi người đã thừa kế cái di sản quý báu đó của Ngài.

Trong phần mở đầu nói về nguyên do xuất bản cuốn sách: "Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức" có đoạn viết: "Đạo Phật là một Tôn giáo vĩ đại đã giác ngộ hơn loại từ hơn 25 thế kỷ qua, giải thoát con người khỏi tất cả những xiềng xích nô lệ, các tập tục mê tín dị đoan. Ngày nay tất cả các nhà văn hóa trí thức trên thế giới dù có hay không liên hệ gì đến Phật giáo, đều tôn kính Đức Phật Cồ Đàm trong khi những nhà khai sáng các tôn giáo khác chỉ được các tín đồ của chính mình tôn kính mà thôi. Không phải chỉ những người thuộc một số tôn giáo mà ngay cả những người được gọi là tự do tư tưởng cũng rất kính trọng Đấng

Giác Ngộ Tối Cao Độc Nhất trên hoàn vũ này...".

Qua đoạn văn trích dẫn trên, cho chúng ta thấy rằng, Đức Phật đã khai phóng con người, mở ra một lối thoát, hướng dẫn con người thoát khỏi mọi ách thống trị, ràng buộc, nô lệ, bởi những quy ước định kiến giáo điều cố chấp bất toàn của xã hội. Những tư tưởng độc tôn, độc quyền, thống trị không chế đời sống tâm linh, làm cho con người mất hết quyền tự do tư tưởng cũng như mọi quyền làm người khác. Những giáo điều quy định này quả thật không có chỗ đứng trong giáo lý đạo Phật. Bối cảnh xã hội Ấn Độ trước khi Đức Phật ra đời, là một xã hội rối loạn bất công, kỳ thị, đầy dẫy hận thù tranh chấp. Một xã hội vô cùng phức tạp rối ren, nhân phẩm giá trị con người luôn bị chà đạp, quyền sống của con người luôn bị áp bức, bởi một số người có quyền lực, nhân danh thần thánh không chế áp đảo tư tưởng con người. Họ chia xã hội ra thành bốn giai cấp rõ rệt: "Giai cấp Bà la môn, Sát đế lợi, Phệ xá và Thủ đà la". Trong bốn giai cấp này, chỉ có giai cấp Bà la môn mới có đủ quyền hành quyết định chi phối tất cả. Bởi họ chiếm độc quyền ưu thế về tư tưởng và mọi thứ lễ nghi tế tự. Giai cấp thứ hai, tức giai cấp của những nhà làm chính trị điều hành bộ máy quốc gia, tất cả đều phải phục tùng nghe theo mệnh lệnh của họ sai khiến. Còn lại hai giai cấp dưới, nhất là giai cấp Thủ đà la là một giai cấp đê tiện thấp hèn nhứt trong xã hội. Có thể nói, trong lịch sử hơn loại, chưa từng thấy một xã hội nào bất công, chia thành bốn giai cấp để thống trị đè đầu cỡi cổ dân chúng như xã hội Ấn Độ thời Phật. Một xã hội tước đoạt hết quyền sống của những con người không may rơi vào hoàn

cảnh giai cấp thấp hèn. Quyền làm người của họ không còn, thì nói chi đến những quyền lợi khác. Đó là chỉ nêu ra tiêu biểu một xã hội Ấn Độ thời xưa, còn đối với xã hội thời nay thì sao? Có được trọn quyền làm người không? Hay vẫn còn bị hạn chế trong một khía cạnh nào đó? Và vẫn còn bị xã hội ngược đãi áp bức tước đoạt mọi quyền sống khác? Những vấn đề bi thiết bức xúc thực tế đau thương này, thiết nghĩ, không cần phải nói trắng ra, chắc chắn ai ai cũng đều thừa biết.

Trong lúc xã hội bị áp bức bất công đè nặng trong tâm thức của con người, lòng người luôn khao khát ước mong có một bậc vĩ nhân nào đó xuất hiện để cứu nguy bao nỗi thống khổ cùng cực của họ. Niềm ước vọng đó họ đã được toại nguyện, vì đã có Đức Phật ra đời kịp lúc. Chính Đức Phật là người đứng lên hô hào cổ vũ phá tan mọi thế chế bất công và đem lại sự bình đẳng an vui hạnh phúc cho con người. Ngày nay, người ta tôn vinh Ngài là một Nhà đại cách mạng, cải tiến xã hội Ấn độ và đưa con người thoát khỏi kiếp sống nô lệ tù đày để được an hưởng quyền sống tự do giải thoát.

Hơn thế nữa, sự ra đời của Đức Phật không phải chỉ có ngàn ấy, mà sự ra đời của Ngài nhằm mục đích là chuyển mê khai ngộ. Tư tưởng siêu việt này ta thấy rất rõ ở Phẩm Phương Tiện thứ hai trong Kinh Pháp Hoa. Một bộ kinh nhằm đưa con người đến tiêu đích giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Đức Phật nêu rõ lý do, khi Ngài có mặt ở cõi đời này. Lý do đó là gì? Là mở bày "Tri Kiến Phật" hay nguồn tuệ giác cho hết thảy chúng sinh. Cụm từ "Khai, Thị, Ngộ Nhập" đó là tiêu đề chính mà Đức Phật đã triển khai và chỉ thẳng đến chỗ cứu cánh toàn triệt. Đó là con đường thẳng hoa thẳng tắt thành Phật.

Qua nguồn giáo lý khai thông con đường phá tà hiển chánh, chuyển mê khai ngộ, cho đến hôm nay và mãi về sau, tất cả đều nêu cao tôn chỉ giác ngộ và giải thoát. Rồi ngoài tôn chỉ này ra, thì đạo Phật sẽ không còn là đạo Phật nữa.

Như phần mở đầu của bài viết này đã nói, hiện nay có rất nhiều các nhà trí thức họ bỏ nhiều

công sức để nghiên cứu về cuộc đời của Đức Phật. Sự nghiên cứu này họ đánh giá Đức Phật qua nhiều lĩnh vực khác nhau. Đứng về mặt nào, họ cũng phải nhìn nhận Đức Phật là một con người vĩ đại hơn bất cứ con người nào có mặt ở thế gian này. Như ông Bertrand Russell (1872 - 1970) Toán học gia, Triết gia, Nhà cải cách xã hội Anh quốc, được tặng giải Nobel về văn chương năm 1950 đã viết trong quyển: "Tại sao tôi không theo Thiên Chúa Giáo": *"Nếu nói đến trí tuệ và đức hạnh thì tôi không thể nào nghĩ rằng Chúa Christ ở một vị thế cao như mọi người biết đến qua lịch sử. Tôi nghĩ rằng tôi phải đặt Đức Phật trên Chúa về những phương diện đó"*. (Cannot myself feel that either in the matter of virtue Christ stands as high as some other people know to history. I think I should put Buddha above him in those respects.

Bertrand Russell

"Why I am not a Christian"

Nói đến đức hạnh của Đức Phật, dù người Phật tử hay không phải Phật tử, hầu như ai cũng phải thừa nhận là đức hạnh của Đức Phật không ai có thể sánh kịp. Dù đó là các vị Đại Bồ Tát cũng không thể nào dám tự hào so sánh đức hạnh của các Ngài ngang hàng với Đức Phật được. Vì thế, mà Giáo sư Max Müller, một học giả người Đức đã ca ngợi: *"Đức Phật là hiện thân của tất cả các đức hạnh mà Ngài thuyết giảng. Trong thành quả của suốt 45 năm dài hoằng pháp, Ngài đã chuyển những lời nói thành hành động; không nơi nào Ngài không trình bày từng cái yếu đuối của con người hay từng cái nền tảng của dục vọng. Luân lý, đạo đức căn bản của Đức Phật là toàn hảo nhất mà thế giới chưa bao giờ biết đến"*. (Buddha was embodiment of all the virtues he preached. During his successful and eventful ministry of 45 years he translated all his words into action; and in no place did he give vent to any human frailty, of any base passion. The Buddha's moral code is the most perfect which the world has never now).

Từ sau ngày thành đạo, Đức Phật không bao giờ ngừng nghỉ trong công việc hoằng pháp lợi sinh. Trên bước đường vân du hóa đạo của Ngài, Ngài đã dựa vào ba nguyên tắc lớn để

hóa độ. 1. Hóa độ theo thứ lớp căn cơ. 2. Hóa độ tùy phương tiện. 3. Hóa độ theo tinh thần bình đẳng. Nhờ dựa vào ba nguyên tắc hóa độ này mà Ngài đã hóa độ đủ mọi hạng người trong xã hội. Từ hạng thấp hèn như Ưu Ba Ly, một người chuyên gánh phân mướn đờ bản, cho đến hạng cao sang quyền uy thế lực như các ông vua: Ba tư nặc và Tần bà sa la v.v...

Trên đường đi hành khất, giáo hóa, lúc nào Ngài cũng tỏ ra gần gũi thân thiện với mọi người. Dù là một đấng Đại Giác Thế Tôn, nhưng chưa bao giờ Ngài tỏ ra là mình cao cả hơn hết. Chính vì với tinh thần từ bi, vị tha, bình đẳng, vô ngã, phá chấp, nên sự hóa độ của Ngài đã được mọi người quý mến. Ngài đi đến đâu, cũng được mọi người long trọng đón rước. Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là Ngài không bị sự chống đối từ phía ngoại đạo cũng như sự khuấy rối trong nội bộ tăng đoàn. Nhưng tất cả không gì làm cản trở chương ngại trên bước đường hoằng hóa của Ngài. Lấy đức độ người, dùng trí tuệ để soi sáng mọi việc làm và lời nói, nên Ngài chuyên hóa từ kẻ thù hằn trở thành người bạn tốt. Ngài từng tuyên bố: *"Chiến thắng vạn quân không bằng tự thắng lấy mình, tự thắng lấy mình mới là chiến công oanh liệt nhất"*. Quả thật, chiến thắng được những dục vọng đam mê thèm khát, vị kỷ của mình mới thật là khó. Cái khó khăn đó, người nào vượt qua được mới đánh giá người đó là một kẻ anh hùng. Còn anh hùng xông pha ngoài trận địa hò hét ra oai làm cho ngàn quân địch phải khiếp sợ, đó chưa phải đích thực là anh hùng. Đức Phật, người ta thường gọi Ngài là đấng Đại Hùng, Đại Lực và Đại Từ Bi. Vì Ngài đã hùng dũng chiến thắng một cách vẻ vang hiên ngang trước những thế lực vô minh. Nếu Ngài không chiến thắng nổi lũ giặc vô minh phiền não, thì không một ai đề cao và tôn trọng Ngài là một bậc Đại Hùng. Ngấm lại, vì chúng ta chưa chiến thắng được lòng dục vọng cao độ của mình, nên chúng ta chỉ là một anh hùng rơm rỗng tuếch mà thôi.

Đạo Phật là đạo nội quan. Đạo Phật không chủ trương khám phá phát minh những gì bên ngoài. Mà cái đạo Phật cần là con người hãy tự quán chiếu thật sâu sắc lại chính mình. Chính

cái quán chiếu sâu sắc đó mới có thể nhận diện và chuyển hóa được những thứ phiền não nhiễm ô. Được thế, thì chúng ta mới có được một đời sống tâm linh phong phú và vững chãi.

Muốn có một đời sống tâm linh như thế, tất nhiên, chúng ta phải có một đời sống đơn giản. Đơn giản về vật chất cũng như đơn giản về tinh thần. Đức Phật hay các vị Tổ Sư, sở dĩ các Ngài có được một đời sống an vui và hạnh phúc lớn lao, là vì các Ngài khéo biết sống một cách cực kỳ đơn giản. Về cơm ăn áo mặc, nói theo bây giờ là cơm áo gạo tiền, các Ngài không có mưu cầu lợi lộc tích trữ nhiều như chúng ta. Bản thân Đức Phật sống một đời sống của một con người đi xin ăn. Các hàng đệ tử xuất gia của Ngài cũng sống đời sống khất thực. Vì thế nên gọi các Ngài là khất sĩ. Tài sản của các Ngài chỉ có ba chiếc y và một bình bát. Nếu có thêm, thì cũng chỉ có cây tích trượng, dao cạo, kim chỉ, tọa cụ, chỉ có ngần ấy thôi. Đời sống của các Ngài cực kỳ đơn giản như thế thì bảo sao không giải thoát cho được. Đâu có thứ gì ràng buộc các Ngài. Do đó mà các Ngài có một đời sống tâm linh an nhàn tự do tự tại. Có lẽ do nhận thấy đời sống Đức Phật quá đơn giản và nhiều lợi lạc như thế, nên triết gia người Anh Herbert George Wells, cũng là Nhà tiểu thuyết, Nhà cải cách xã hội, Văn hào nổi tiếng, đã tán thán ca tụng Đức Phật như sau:

"Các bạn thấy rõ Ngài là một nhân vật đơn giản, chân thành, lễ loi, một mình tự lực phấn đấu cho ánh sáng, một nhân vật sống chứ không phải là thần thoại. Trong số các truyền thuyết thần kỳ, tôi cảm thấy có một Người, đó là Ngài. Ngài đã gửi bức thông điệp cho nhân loại hoàn vũ. Có nhiều những tư tưởng tuyệt diệu hiện đại của chúng ta rất gần gũi tương đồng với thông điệp của Ngài. Tất cả những đau khổ, bất mãn trong cuộc sống, theo Ngài dạy, là do lòng ích kỷ. Lòng ích kỷ có ba dạng: một là tham vọng thỏa mãn cảm giác; hai là tham vọng muốn bắt tử; ba là tham vọng thành công và trần tục. Con người trước khi có thể trở nên thanh tịnh, người đó phải ngưng sống theo giác quan hoặc cho riêng chính mình. Rồi con người đó mới trở thành một bậc đại nhân."

Đức Phật, qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, năm trăm năm trước Chúa Christ, đã dạy con người đức tính vị tha. Trong một số chiều hướng Ngài rất gần gũi với chúng ta hơn, và đáp ứng được nhu cầu của chúng ta. Đức Phật cũng tỏ ra sáng suốt hơn Chúa Christ trong sự quan tâm phục vụ con người chúng ta và ít mơ hồ đối với vấn đề trường tồn bất tử của kiếp nhân sinh".(You see clearly a man, simple, devout, lonely, battling for light, a vivid human personality, not a myth. Beneath a mass of miraculous fable I feel that there also was a man. He too, gave a message to mankind universal in its character. Many of our best modern ideas are in closet harmony with it. All the miseries and discontents of life are due, he taught, to selfishness. Selfishness takes three forms; second, the craving or immortality; and the third, the desire for prosperity and worldliness. Before a man can become serene he must cease to live for his senses or himself. Then he merges into a great being. Buddha in a different language called men to self, forgetfulness five hundred years before Christ. In some ways he was near to us and our needs. Buddha was more lucid upon our individual importance in service than Christ, and less ambiguous upon the question of personal immortality).

Kiểm định lại, thế giới loài người của chúng ta hôm nay, có quá nhiều thiên kiến tranh chấp hận thù. Chúng ta đang sống trong một thế giới đảo điên thác loạn, trong sự lo âu phiền muộn sợ hãi. Biết bao cảnh tang thương nhiều nhưng hệ lụy luôn dồn dập xảy đến đe dọa sự sống của chúng ta. Chiến tranh, nghèo khổ, đói khát, bệnh tật, dốt nát, thiên tai họa hại, như tai khủng bố, đã thường xảy ra. Cuộc sống của con người như đang trực diện đứng trên bờ vực thẳm, không biết rơi xuống hố sâu từ vong vào lúc nào. Thế mà con người vẫn chưa tỉnh thức, vẫn còn gây ra bao cảnh thương tâm, bạo động, tàn sát, giết hại lẫn nhau, chưa biết đến bao giờ con người mới thực sự được sống an ổn! Những cảnh thương tâm xảy ra hằng ngày như thế, chúng tỏ đời sống đạo đức tâm linh của con người ngày càng mất gốc và tuột giốc đến mức độ thê thảm. Chính vì thấu rõ được tâm địa của con người gây nhiều nghiệp ác,

nên Đức Phật luôn kêu gọi con người hãy mau tỉnh thức và hãy thương yêu nhau trong tinh thần tương kính hòa ái. Ngài luôn quan tâm lưu ý đến những vấn đề cải hóa xã hội, xây dựng giáo dục con người theo chiều hướng thánh thiện. Tuy nhiên, muốn cải hóa xã hội, giáo dục làm đẹp con người, trước hết, mỗi người hãy tự quán chiếu sâu vào tâm thức của mình, để nhận diện chuyển hóa những thứ vô minh phiền não. Đó là cái gốc mà mỗi con người cần phải gạn lọc tẩy trừ. Một khi tâm được an bình, thì thế giới sẽ trở nên an bình. Đức Phật luôn quan tâm đến mọi lĩnh vực sinh hoạt trong cộng đồng như loại. Nếu ai chỉ hiểu Đức Phật qua lĩnh vực chứng ngộ tâm linh không thôi, thì người đó cái nhìn vẫn còn phiến diện thiếu sót. Do nhận thức thấy rõ điều đó, nên Thượng Tọa tiến sĩ Sri Rahula Maha Thera đã nói: "*Những ai nghĩ rằng Phật giáo chỉ chú trọng đến lý tưởng cao thượng, đạo đức uyên thâm và tư tưởng triết lý, và không lưu ý đến xã hội kinh tế an lạc của con người, là nhầm lẫn. Đức Phật chú trọng đến hạnh phúc của con người. Với Ngài, hạnh phúc không thể có được nếu không có một đời sống trong sạch căn cứ vào đạo đức và nguyên tắc tinh thần. Nhưng Ngài biết là thực hành một cuộc sống như vậy khó khăn trong những điều kiện vật chất và xã hội không tốt đẹp.*

Phật giáo không coi an lạc vật chất là cứu cánh; đó chỉ là một phương tiện để đi đến cứu cánh cao cả và cao thượng hơn. Nhưng đó cũng chỉ là một phương tiện cần thiết trong việc hoàn tất mục tiêu cho hạnh phúc của con người. Cho nên Phật giáo cũng nhận sự cần thiết của một số điều kiện tối thiểu để đem lại thành công cho tinh thần - cả đến cho một vị thầy tu tham thiền ở một nơi hẻo lánh".

Hôm nay, chúng ta hướng vọng về Phật đản, kỷ niệm một bậc Thầy tâm linh cao tột đã ra đời và khai sáng nguồn tuệ giác cho muôn loài. Ngài đến với cõi đời bằng tất cả lòng từ bi và trí tuệ sáng ngời. Suốt cuộc đời hành hóa của Ngài, Ngài chỉ muốn truyền đạt nguồn sống tâm linh bất tận mà mỗi chúng sinh đều sẵn có. Chỉ vì chúng sinh còn mê muội, sống trong vô minh nghiệp thức nên chưa nhận ra đó thôi. Một khi bóng tối vô minh không còn, thì mặt

trời trí tuệ hằng chiếu sáng. Vô minh và tánh giác không phải là hai thực thể dị biệt. Cũng như sóng và nước không thể cho đó là hai phạm trù khác nhau. Tuy nhiên, nếu nói là một cũng không đúng. Ngay trong vô minh có tiềm tàng Phật tánh, vì "*vô minh thật tánh tức Phật tánh, ảo hóa không thân, tức pháp thân*". Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói rất rõ trong Chứng Đạo Ca. Thế thì, đi tìm Phật tánh ngoài vô minh thì không bao giờ có. Ngoài nước đục làm gì có nước trong. Lý "Tương tức, Tương nhập" trong Kinh Hoa Nghiêm đã cho chúng ta thấy rất rõ điều này. Hướng vọng về Phật đản cũng chính là hướng vọng nơi tự tâm của mỗi người. Phật đã từng tuyên bố: "*Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành*". Kinh Niết Bàn Phật cũng từng dạy: "*Nhứt thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh*". Nghĩa là tất cả chúng sinh đều sẵn có tánh giác. Như vậy, Đức Phật đã minh định rõ ràng ai cũng có khả năng thành Phật như Ngài cả. Tuy nhiên, với điều kiện là phải chuyên cần nỗ lực công phu tu tập giống như Ngài vậy.

Hẳn chúng ta còn nhớ, trong Kinh Pháp Hoa ở Phẩm Tín Giải thứ tư, có diễn tả thân phận của một anh chàng nghèo khổ (cùng tử), đây là một đứa con đi hoang ngày tháng xin ăn, mà không biết cha mình có một gia tài đồ sộ quý báu. Cứ đi làm thuê ở mướn, ngày lại tháng qua, cho đến khi nhận lại gia tài lớn lao của cha mình, chùng đó mới thấy mình là kẻ ngu khờ đại dốt. Gia tài sự sản của cha mình giàu có như thế, tại sao mình lại cứ cam tâm làm một kẻ nghèo nàn đói khổ? Nhìn lại, thật là hối tiếc và buồn trách cho sự ngu khờ của mình, cũng như thật uổng phí thời gian một cách vô ích. Thân phận của chúng ta hiện nay cũng đâu có khác gì thân phận của anh chàng khờ khạo nghèo đói đó. Mỗi người chúng ta ai lại chẳng có sẵn một gia tài quý báu như thế. Thế mà, chúng ta cứ mãi lo chạy tìm kiếm ở nơi này, nơi kia mà quên rằng mình sẵn có châu báu. Sơ Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông đâu chẳng nói: "*Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch*" Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, đừng tìm kiếm nơi đâu chi cho nhọc sức. Muốn nhận ra kho báu, (tức chứng ngộ đời sống tâm linh sâu sắc đó, nói cách khác là thể nhập Chơn như), thì khi tiếp cảnh xúc duyên, chúng ta chỉ cần vô

tâm, nghĩa là không để tâm dính mắc vào sáu trần. "*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*". Được vậy, thì còn hỏi thiên, học thiên làm chi nữa. Nhận lại kho báu của mình là chúng ta hết làm đứa con đi hoang để phá nát gia tài của báu, vì của báu đó có mặt đây đây chung quanh chúng ta.

*Sáng nay nghe chim hót
Chào đón ánh bình minh
Hoa lá thật đẹp xinh
Ngồi nhìn lòng tươi mát*

*Bao tâm hồn đói khát
Bế tắc giữa cuộc đời
Lang thang giống ma trôi
Cõi lòng như tan nát*

*Gã cùng tử trôi dạt
Mang kiếp sống phong trần
Cả bầu trời tối tăm
Quên của báu sáng ngời*

*Nhận lại của báu rồi
Hết làm đứa con hoang
Một đời sống an nhàn
Thật tự do tự tại*

Lê Văn





KINH A DI ĐÀ

Mông giải

Thuật giả: Ngài Hưng Từ hiệu Quán Nguyệt Tử
tại núi Thiên Thai.

Hán dịch: Ngài Cưu Ma La Thập

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc.

Đa số hành giả tiểu thừa nông cạn không tin có Tịnh độ ở Tây phương hay các phương khác. Một số thiền giả bên Thiên Tông cũng có người chê bai pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Đây là lối hiểu ngoài da và đây cũng là những tri kiến thiên cận, không đạt được thâm ý của Phật, nên mới có những lời thô ngộ như thế.

Đến những bậc long tượng của Thiền gia như các ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền Sư, Sở Thạch Thiền Sư ... cũng đều đem pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ để hướng dẫn cho mọi người, lời của các ngài nói, pháp của các ngài dạy đều khế hợp với giáo điển. Bởi vì các bộ Đại Thừa trong Đại Tạng đều khen ngợi pháp môn Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, đều cho là con đường thẳng tắt, dễ tu mà chóng thành. Nói về những kinh chuyên dạy về Tịnh độ, thì có: Kinh Vô Lượng Thọ (Đại bản), Kinh Thập Lục Quán và Kinh A Di Đà (Tiểu bản) này đều nhiếp thấu hết ba căn cơ (trình độ). Tỷ như trăm sông đều chảy về biển cả, nếu muốn tìm một pháp dễ tu, dễ chứng trong các pháp dễ, con đường tắt ngắn nhất trong tất cả những con đường tắt, thì chỉ có Kinh tiểu bản này! Bởi vì văn từ trong kinh tuy ngắn gọn, nhưng lời lẽ thật đầy đủ. Nghĩa thú bao gồm cái rộng rãi của Đại bản, Quán Kinh, lý thú thật đầy đủ cái nhiệm màu trong các bộ của Đại Tạng, như muốn sao được trùm chứa trong bầu vũ trụ bao la.

Cho nên từ đời nhà Tấn, ngài Huệ Viễn bắt đầu tổ chức thành Liên Xã tại Lô Sơn cho đến bây giờ đã trải qua một ngàn mấy trăm năm,

đại đa số người tu hành giải thoát đều từ Kinh này, bởi thế ngày xưa các vị Tổ sư thay nhau chú sớ rất đông, như: Hải Đông sớ, U Khê Viên trung sao, Vân Thê sớ sao, Linh Phong yếu giải ... đều như mặt nhật chiếu ở giữa trời, soi khắp thiên hạ, người trí nên xét nét, chớ nên hờ hững. Sở dĩ vì kẻ sơ cơ vẫn còn chưa khỏi sự bối rối bởi văn từ quá rộng, nghĩa lý mênh mang, thật khó hiểu cho hết, nên tôi không sợ phiền, không ngần ngại làm ra bộ Kinh giải ngắn gọn này, dành cho kẻ mới học đạo ít bị trở ngại, chắc chắn dù không lợi lạc nhiều, hy vọng vẫn được thiếu phần lợi ích.

Trước khi giải danh đề của Kinh này, theo chủ trương của Thiên Thai, có lập ra năm lớp huyền nghĩa:

- I. Kinh này lấy đơn nhơn làm **danh đề**
- II. Kinh này lấy thật tướng làm **thể**
- III. Kinh này lấy tín, nguyện, trì danh (hành) làm **tông chỉ**
- IV. Kinh này lấy vãng sanh bất thối làm **dụng**
- V. Kinh này lấy đại thừa sanh tô làm **giáo** tướng

I. Kinh này lấy đơn nhơn làm danh đề
(Phật nói Kinh A Di Đà)

Kinh này có 2 danh đề:

- 1) Phật thuyết A Di Đà Kinh
- 2) Phật thuyết Như Thích Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh

Đây chỉ lược giải danh đề 1 mà thôi. Danh đề 2 đọc trong văn Kinh có thể hiểu.

Phật: Chỉ đức Phật Thích Ca, Giáo chủ cõi Ta Bà, là đấng Cực quả năng thuyết.

A Di Đà: Chỉ đức Phật A Di Đà, Giáo chủ cõi Cực Lạc, là đấng Cực quả sở thuyết.

Sở dĩ nói Cực quả vì Phật đã đoạn trừ tất cả phiền não, sanh tử, trọn thành đạo quả Bồ Đề Niết Bàn, đầy đủ muôn đức trang nghiêm, hiện đủ ba thân viên mãn để hoá độ chúng sanh, vị cao tột vô thượng.

Nói như vậy, chúng ta đã biết được Phật Thích Ca và Phật A Di Đà đều là Cực quả, cần gì phải lấy lời của Phật này khen Phật kia, bằng cách nói ra Kinh này? Bởi do cảnh giới Ta Bà cực ác thời y báo, chánh báo đều do vọng tưởng, hoặc nghiệp cảm ra, khởi lên vòng sanh tử vô cùng, nổi trôi trong ba cõi, không nơi nương tựa. Cho dù có Phật Thích Ca giáng thế, chẳng qua chỉ một thời kỳ ngắn ngủi làm sao nhiếp hoá cho hết, thậm chí những kẻ vô duyên bung tai bịt mắt, làm sao độ được!

Nếu nói Cực lạc Tịnh độ thời y báo, chánh báo trang nghiêm, đều do chơn tâm đầy đủ công đức hiện thành. Đức Di Đà hoá hiện rừng cây, chim chóc nói pháp không dứt, chúng sanh nghe xong ba căn cơ đều được thêm tuổi đạo, tôn sanh tử, hướng đến đạo Bồ Đề rất nhanh chóng.

Thế nên, đâu phải chỉ mình Phật Thích Ca khen bày mà thật là chư Phật đồng khen, mục đích đều vì cảnh tỉnh chúng ta và khuyên nhắc chúng ta phải tin những lời khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn này mà gấp phát tâm dũng mãnh để cầu sanh Tịnh độ.

A Di Đà là tiếng Phạn (*Amitabha*) dịch có 2 nghĩa:

- ♦ Vô Lượng Quang, trong văn Kinh: "Bỉ Phật quang minh vô lượng chiếu thập phương quốc vô sở chướng ngại"
- ♦ Vô Lượng Thọ, trong văn Kinh: "Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhơn dân vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp."

Nói về hào quang thời xứng tánh trùm khắp pháp giới. Nói về thọ mạng thời xứng tánh

hằng không sanh diệt. Tóm lại, Trí huệ, Thần thông, Y báo, Chánh báo, Căn cơ, Giáo pháp mỗi mỗi đều gọi là vô lượng cả. Thế thời, khi tâm chúng ta niệm Phật, mỗi câu rõ ràng, tương ứng với tâm Phật, tức là nghĩa Quang, mỗi câu không gián đoạn, nhứt tâm bất loạn tức là nghĩa Thọ. Quang tức là Trí như như, Thọ tức là Lý như như. Trí chiếu nơi Lý, Lý minh thời Trí hiển, Lý Trí nhứt như, Quang, Thọ là một, tự tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ, mỗi niệm chiếu suốt, niệm Phật được như vậy, chắc chắn Quang, Thọ sẽ hiện rõ nơi tâm ta. Song có Lục tức phân vị không đồng:

1. Vì tâm hiện tiền của chúng sanh, tuy có đủ Quang, Thọ, nhưng vì mê mờ không biết, chỉ được gọi là Lý tức Quang Thọ.
2. Nghe hiểu Phật hiệu, Tịnh độ ... gọi là Danh tự tức Quang thọ,
3. Đã nghe, tin hiểu, chấp trì danh hiệu ... gọi là Quán hạnh tức Quang thọ,
4. Phiền não thô cấu đã tạm dứt ... gọi là Tương tự tức Quang thọ
5. Phần phá vô minh, hiển tự tánh Phật ... gọi là Phần chứng tức Quang thọ,
6. Vô minh phá sạch, lý trí viên mãn cùng cực là Cứu cánh tức Quang thọ.

Phật A Di Đà là Cực Quả, là Cứu Cánh quả, thời Quang Thọ trùm khắp vô tận, những ai muốn cầu giải thoát, bỏ pháp môn này, đâu còn pháp môn nào dễ hơn nữa!

II. Kinh này lấy thật tướng làm thể

Thể là lý, kinh mà không có lý thú thì làm sao hợp với Phật pháp, làm sao hợp với trình độ (*căn cơ*) của chúng sanh, như vậy có khác gì tiểu thuyết của thế tục. Thật tướng là cái tâm hiện tiền của chúng ta. Tâm này vốn không hình, không tướng, chẳng sanh, chẳng diệt, rộng thông sáng suốt chiếu soi muôn tượng mãi mãi không sót.

Song những cái gì có sanh, có diệt là những hình bóng hư dối của tất cả vọng tưởng trong tâm, còn cái tâm thật tướng thì tuy hằng ngày ở trong vọng mà hằng ngày vẫn là chơn, từ việc nghe tiếng, thấy sắc, cho đến tất cả những hành động, cử chỉ đều thấu suốt rành rõ, vượt hẳn căn, trần; cho nên nếu để nhứt niệm vụt

khởi thì phân biệt lẫn lẫn; khi tâm đã đuổi rượt theo trần cảnh, thì sanh tử vô cùng.

Bởi vậy, Đức Như Lai đã chứng thật tướng, từ trong tâm thật tướng phát khởi từ bi mà diễn nói ra kinh này, mỗi câu là thật, lời lời hiển lý làm cho người niệm Phật mỗi niệm đều chứng thật tướng tự tánh duy tâm này mà thôi.

III. Kinh này lấy TÍN, NGUYỆN, TRÌ DANH (hành) làm tông chỉ

Chữ Tông có nghĩa là Tông yếu, Tông thú. Văn Kinh chép: "Đương tín thị xưng tán (khuyến tín). Lại nói: Ứng đương phát nguyện (khuyến nguyện). Lại nói: Chấp trì danh hiệu (khuyến hành). Kinh Di Đà yếu giải nói: Phi tín bất túc khải nguyện, phi nguyện bất túc đạo hành, phi trì danh diệu hành bất túc mãn sở nguyện nhi chứng sở tín. Nghĩa là: Không có niềm tin thì không đủ để mở lời nguyện, không có nguyện thì không đủ để dẫn đến thật hành, nếu phi diệu hành trì danh hiệu Phật thì không đủ thành mãn sở nguyện để chứng sở tín. Thật mầu nhiệm thay! Đây là ba món tư lương để cầu sanh Tịnh độ, như cái đỉnh có ba chơn thiếu một không đứng được.

Tín có 6 thứ:

- | | | |
|------------|------------|-------------|
| 1- Tín tự | 2- Tín tha | 3- Tín nhơn |
| 4- Tín quả | 5- Tín sự | 6- Tín lý |

1. Tín tự: Biết tự tâm mình dọc cùng ba thời gian, ngang khắp cả mười phương, vốn sẵn thanh tịnh mầu nhiệm, nay bị một niệm vô minh làm mê loạn, không thể thấu suốt, giờ thì, nếu ta mỗi niệm đều là tự tánh Di Đà, thời quyết định hiển bày tự tánh duy tâm Phật độ.

2. Tín tha: Phải biết Đức Thích Ca Thế Tôn nói ra kinh này đều là lời chơn thật, chư Phật với tướng lưỡi rộng dài đều không lường dối, cộng với những lời thệ nguyện chơn thật rộng lớn của Đức A Di Đà, những mong chúng sanh y tín khởi nguyện, quyết định có phần.

3. Tín nhơn: Người niệm Phật dù định, dù tán đều thành giống Phật.

4. Tín quả: Dù định thiện, dù tán thiện đều gồm với bốn nguyện đầy đủ quyết định đến Liên đài.

5. Tín sự: Ngoài mười muôn ức cõi chắc chắn có cõi Phật Di Đà để nguyện để cầu, không giống như ngụ ngôn, bởi sự do lý thành, không phải lời bịa đặt.

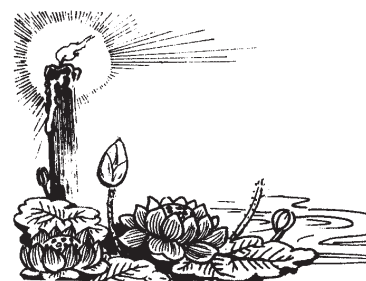
6. Tín lý: Cùng tận hư không pháp giới duy tự tâm hiện, huống chỉ 10 muôn ức cõi có gì là xa! Bởi lý do sự hiển. Kinh Tịnh Danh chép: "Tâm tịnh quốc độ tịnh, tâm ược thế giới ược." Tịnh độ thời hưởng thọ cái vui vô sanh, ược độ thời thọ cái khổ sanh tử. Thế nên, mọi người chúng ta cần phải phát nguyện, nguyện bỏ ược độ mà cầu sanh Tịnh độ, khởi diệu hạnh trì danh, tín, nguyện đầy đủ, niệm Phật tức niệm tâm Phật, niệm tâm Phật tức là niệm Phật, tâm, Phật nhưt như, không còn thủ xả thành thanh tịnh Phật, há không phải là đầu mối do 3 món tư lương sao! Nguyện tức là nguyện xả Ta bà ưa sanh Tịnh độ.

IV. Kinh này lấy vắng sanh bất thối làm dụng

Dụng tức là lực dụng, trước nhờ sức của 3 món tư lương, ắt có chín phẩm thật chứng, đã được vắng sanh đều trụ bực bất thối chuyển (A bệ bạt trí).

Song các kinh khác cũng có nói 4 độ, cũng đều có luận đến 9 phẩm, về bất thối cũng có 4 thứ. Kinh này 4 độ đều thanh tịnh, 9 phẩm tùy sanh, hễ sanh thì trụ 3 thứ bất thối, có thể nói là vượt ngang qua 3 cõi, thẳng đến quả vô sanh.

(còn tiếp)



1. Tượng Phật bị sứt mẻ có thờ được không?

100

Câu hỏi Phật pháp

Tập 2

PHƯỚC THÁI

Hỏi: Bạch thầy, nhà con có thờ tượng Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tượng Phật này con thỉnh tại chùa, nhưng tượng bị mẻ cánh tay, con không biết thờ tượng bị mẻ có được không? Và có mang tội không? Xin thầy giải đáp cho con được rõ.

Đáp: Dĩ nhiên là được, không có gì mang tội. Tuy nhiên, tượng Phật mà bị sứt mẻ dù bất cứ nơi đâu trên hình tượng của Ngài, khi nhìn vào sẽ gây cho người ta một ấn tượng không tốt và mất đi vẻ thâm mỹ tượng hảo trang nghiêm. Như thân hình của một người lành lặn, khi người ta nhìn vào sẽ dễ coi hơn là một người bị khuyết tật. Nếu như tượng Phật bị mẻ cánh tay nhiều, mà Phật tử để vậy tôn thờ, thì tôi nghĩ sẽ không được trang nghiêm tốt đẹp cho lắm. Và như thế, thì mình thật có lỗi với các Ngài. Hình thức lễ nghi thờ phụng tuy là bề ngoài, nhưng nó biểu hiện cho cả tâm lòng tôn kính bên trong của chúng ta. Nếu không thờ thì thôi, còn đã thờ thì chúng ta nên thỉnh tượng Phật hay Bồ tát cho có tướng hảo quang minh mà tôn thờ.

Như Phật tử đã biết, trong Kinh điển thường diễn tả thân hình của đức Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Bởi vậy, nên có những bài kệ khen ngợi tán dương sắc thân vi diệu của Phật. Đại để như bài:

*Phật thân thanh tịnh tựa lưu ly
Phật diện do như mãn nguyệt huy
Phật tại thế gian thường cứu khổ
Phật tâm vô xứ bất từ bi.*

Nghĩa là:

Thân Phật thanh tịnh trong sáng giống như lưu ly. Gương mặt của Phật tròn trịa đầy đặn như vàng trắng sáng và thân Phật thị hiện ở thế gian luôn luôn cứu khổ. Còn tâm Phật thì lúc nào cũng từ bi thường nghĩ đến thương tưởng cứu độ chúng sinh, không có hạn cuộc nơi chốn. Đó là ý nghĩa của bài kệ. Bài kệ, vừa khen ngợi thân Phật mà cũng vừa tán thán lòng từ bi vô lượng không ngần ngại của đức Phật.

Qua đó, chúng ta thấy thân Phật tướng hảo quang minh, ai trông thấy cũng khởi tâm hoan hỷ chiêm bái kính ngưỡng. Vì vậy, các nhà nghệ thuật, hay điêu khắc chuyên điêu khắc, tạc tạo tượng Phật, người ta thường phải tập trung tư tưởng thiền quán và phải trai giới thanh tịnh, dụng hết tâm lực vào việc điêu khắc, chạm trổ hoặc tô đắp tượng Phật và Bồ tát cho có tướng hảo trang nghiêm đẹp đẽ. Nhờ thế, mà ai trông thấy hình tượng của các Ngài cũng đều phát tâm hoan hỷ tôn kính ngưỡng mộ phụng thờ.

Trong trường hợp của Phật tử, mặc dù Phật tử có tâm tốt thỉnh cốt tượng Phật về nhà để tôn thờ, nhưng vì tượng Phật bị mẻ một cánh tay (xin lỗi không biết bị mẻ nhiều ít, vì Phật tử không có nói rõ), nên dù ít nhiều gì cũng mất đi phần tướng hảo trang nghiêm. Do đó, mà lòng của Phật tử luôn áy náy lo lắng không biết có nên thờ như thế không? Và thờ như vậy, có mang tội gì không?

Tôi xin thưa rõ để Phật tử an tâm khỏi phải băn khoăn lo lắng. Thật ra, thì Phật tử không có gì là mang tội. Bởi việc quy ngưỡng tôn thờ Phật là điều rất tốt. Là Phật tử ai cũng muốn tôn thờ tượng Phật hay tượng Bồ tát trong nhà, để khi lễ bái tụng niệm mình có chỗ để hết lòng quy hướng. Dù là Phật tượng, nhưng chúng ta cũng phải hết lòng tôn kính Ngài như Ngài còn tại thế. Vì ân đức giáo hóa của Phật thật rộng lớn vô biên. Nhờ đó, nên hôm nay chúng ta mới biết được đường lối tu hành thoát khổ.

Vì nhớ đến công ơn lớn lao sâu dày của Phật nên chúng ta mới thành kính tôn thờ Ngài. Tuy

nhiên, như đã nói, tướng hảo của Phật lúc nào cũng trang nghiêm đẹp đẽ, dù đó chỉ là hình tượng. Thế thì, muốn cho cõi lòng của Phật tử được an ổn vui vẻ, không còn phải ưu tư lo sợ nữa, thì tôi thành thật khuyên Phật tử nên tìm cách sửa lại. Tùy theo mức độ bị hư mẻ nhiều ít, mà Phật tử tùy đó sửa lại. Nếu tự mình làm không được, thì nên nhờ người nào khéo tay trét sửa lại giùm. Nếu sau khi sửa lại mà vẫn thấy không vừa ý, thì tôi đề nghị với Phật tử nên thỉnh tượng Phật khác về thờ. Nếu không thỉnh tượng Phật cốt được, thì cũng có thể thỉnh tượng Phật giấy để thờ. Trường hợp như tượng Phật giấy thờ lâu quá phai màu cũ đi, thì ta cũng nên thay đổi tượng mới.

Như vậy, thì Phật tử không còn gì phải lo lắng áy náy trong lòng. Và như vậy, mỗi khi hành lễ tụng niệm, chiêm ngưỡng, thì lòng của Phật tử cũng cảm thấy rất an lạc vui tươi hơn. Đồng thời Phật tử cũng sẽ được tăng thêm phước báo nhiều hơn. Kính chúc Phật tử an khỏe tinh tấn tu hành chóng đạt thành sở nguyện.

2. Thọ bát quan trai có lạy bàn vong được không?

Hỏi: *Người Phật tử đang thọ bát quan trai trong ngày, có lạy bàn thờ vong được không?*

Đáp: Phật tử đến chùa thọ Bát quan trai giới, tức thọ giới luật tu theo phẩm hạnh cao đẹp của người xuất gia, dù chỉ trong một ngày đêm, thì cũng không được lạy các bàn thờ vong ở trong chùa. Ngoại trừ các bàn thờ của chư vị tôn túc xuất gia. Tại sao không được lạy? Như thế có phải là người Phật tử thọ Bát quan trai giới rồi, sanh cái tâm cống cao ngã mạn khinh người lắm không? Thưa, không phải như thế đâu, chớ vội lầm hiểu. Người tu hành mà còn có cái tâm ngã mạn khinh người, thì đó là người chưa phải thực sự tu hành. Vì bệnh chấp ngã, chấp pháp, đó là điều tối kỵ trong Phật giáo. Phật giáo chủ trương phá ngã chấp, chớ không bao giờ đề cao cái ngã tướng. Người tu hành mà còn chấp ngã nặng, thì người đó đã tu sai đường lối Phật dạy rồi, cần phải chỉnh đốn chuyển đổi tâm niệm lại.

Chúng ta nên nhớ rằng, Phật nói công đức của

người thọ trì Bát quan trai giới trong một ngày đêm, thật vô cùng lớn lao chớ không phải nhỏ. Vì trong thời gian một ngày đêm, họ gìn giữ giới luật oai nghi rất tinh nghiêm. Họ đang thật hành hạnh tu cao cả xuất trần của người xuất gia. Trong khi đó, thì những vong linh kia, là những vị chỉ thọ năm giới, hoặc có khi chưa thọ giới nào. Chúng ta thấy có nhiều người, tuy họ cũng theo đạo Phật, nhưng khi còn sống, họ không chịu quy y thọ giới, đến khi chết, gia đình thân quyến vì thương xót họ, nên mới đem linh cốt hoặc hình ảnh vào trong chùa để thờ. Như vậy, thì làm sao họ có thể để cho một người đang tu hạnh xuất thế đánh lễ họ? Vì như thế là họ sẽ bị tổn phước rất lớn. Chính vì sợ họ bị tổn phước mà không lạy, chớ không phải những người tu hạnh xuất gia khinh khi coi thường họ mà không lạy. Đó là căn cứ theo giới luật Phật chế mà có sự tôn trọng như thế.

Tóm lại, người Phật tử đến chùa thọ Bát quan trai giới, khi cúng vong, thì không nên lạy bàn thờ vong. Chúng ta chỉ nên thành tâm tụng niệm cầu nguyện cho các vong linh sớm được siêu thoát mà thôi. Nếu mọi người đem công đức tu trì Bát quan trai giới của mình mà cùng nhau hướng tâm thành cầu nguyện cho các vong linh kia, tất nhiên họ sẽ nhờ công đức chú nguyện của đức chúng như hải này, mà họ chóng được siêu sanh thoát hóa. Việc làm này rất hợp với lẽ đạo và cũng rất tốt cho hương linh vậy.

3. Tu ở nhà một mình có tiến bộ không?

Hỏi: *Con thường lẩn chuối niệm Phật, nhưng khi tụng chuyện thì tâm con động, buồn phiền không vui. Con cũng không dám đến những nơi có đông người, con chỉ tu ở nhà một mình, xin hỏi tu như thế có tiến không?*

Đáp: Qua câu hỏi của Phật tử, gồm có ba vấn đề nhỏ mà Phật tử thắc mắc:

1. Phật tử thường lẩn chuối niệm Phật, nhưng khi tụng chuyện thì tâm Phật tử vẫn động, buồn phiền không vui.
2. Phật tử không dám đến những nơi có đông người.

3. Tu một mình ở nhà có tiến bộ không?

Qua ba điều thắc mắc trên, chúng tôi cũng xin được lần lượt giải đáp góp thêm chút ý kiến qua từng vấn đề một như sau:

Vấn đề thứ nhất, Phật tử lần chuỗi niệm Phật, đó là việc rất tốt. Tôi hết lòng tán dương tùy hỷ việc làm này của Phật tử. Tuy nhiên, như Phật tử nói, lần chuỗi niệm Phật, nhưng khi tụng chuyện tâm vẫn bị động, buồn phiền không vui. Điều này, không phải chỉ riêng Phật tử có, mà đây là tâm bệnh chung của tất cả mọi người. Bởi vì, mặc dù chúng ta tu, nhưng những tập khí phiền não nghiệp chướng của chúng ta vẫn còn đầy ắp nặng trĩu nên khi đối cảnh xúc duyên, nhất là gặp nghịch cảnh, thì phiền não rất dễ phát sanh. Tùy theo sức huân tu của mỗi người mà cường độ của chúng sanh khởi nặng nhẹ có khác nhau. Nếu như người có nội lực huân tu khá, thì những thứ phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, mừng, giận, thương, sợ, buồn, ghét, muôn v.v... nó phát khởi hiện tướng nhẹ và vi tế hơn. Nghĩa là không đến nỗi thô bạo độc ác gây tổn hại cho người và vật. Ngược lại, nếu người vụng tu, thì các thứ phiền não sanh khởi rất mạnh bạo thô trọng.

Phiền não, theo các nhà Duy Thức phân chia, thì nó có rất nhiều thứ. Nhưng tựu trung không ngoài hai thứ: "*căn bản phiền não và tùy phiền não*". Về phần căn bản phiền não, thì nó có sáu thứ (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến). Những thứ này chúng có gốc rễ rất sâu dày, thật khó trừ khó đoạn. Còn tùy phiền não tuy nó nhẹ hơn, nhưng cũng không phải dễ trừ. Buồn phiền không vui nó thuộc về tùy phiền não. Nói tùy là vì những thứ phiền não (gồm có 20 thứ: phần, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô úy, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, tán loạn, thất niệm, phóng dật, bất chánh tri) này, chúng nương vào những phiền não căn bản mà có ra. Như cành lá của cây là do từ gốc rễ thân cây mà có.

Những thứ phiền não này nó luôn khuấy động tâm ta không lúc nào yên. Không phải đợi đến khi tụng chuyện như Phật tử nói mà nó mới sanh khởi. Có khi đang lúc ngồi tĩnh tọa tham

thiền hay niệm Phật, thì nó vẫn sanh khởi đều đều. Nếu là người thiết thiết nhiếp tâm niệm Phật khá, thì những tạp niệm phiền não khó phát khởi, nếu có thì cũng ít và rất yếu. Điều quan trọng là chúng ta phải thường xuyên giữ gìn chánh niệm. Khi có chánh niệm, thì chúng ta rất dễ nhận diện khi chúng phát sanh.

Do đó, Phật dạy người tu chúng ta phải luôn luôn tỉnh thức. Có hằng tỉnh thức, thì lũ phiền não không làm gì được ta. Việc sanh khởi là việc của chúng, việc sáng suốt nhận diện chuyển hóa chúng là việc của chúng ta. Được thế, thì chúng ta không phải lo sợ phiền não dấy khởi, mà chỉ sợ chúng ta giác ngộ chậm, không kịp thời nhận diện ra chúng nó thôi. Nếu khi chúng ta nhận diện rõ bộ mặt thật của chúng rồi, thì chúng sẽ tan biến ngay, vì bản chất của chúng là giả dối không thật. Do đó, chúng không làm gì được ta. Ngược lại, nếu chúng ta theo chúng để làm nô lệ cho chúng sai sử, từ đó mới có nói năng, hành động tạo thành ác nghiệp. Một khi đã tạo thành nghiệp ác rồi, thì khó tránh khỏi sa đọa thọ khổ.

Niệm Phật cũng là một phương pháp đối trị vọng tưởng phiền não. Nhờ niệm Phật miên mật mà phiền não sẽ tiêu mòn dần, cho đến khi nào chúng không còn nữa, thì đó là hành giả đã đạt được như tâm bất loạn rồi. Đó là mục đích tối hậu của pháp môn niệm Phật, mà trong Kinh A Di Đà đã nói. Vậy Phật tử cố gắng niệm Phật cho được sâu dày miên mật, thì khi đó phiền não sẽ không còn có cơ hội khuấy rầy làm khổ đau Phật tử nữa. Như thế, thì Phật tử sẽ được an lạc hạnh phúc ngay trong hiện tại và mai sau.

2. Vấn đề thứ hai là Phật tử không dám đến chỗ đông người. Điều này, tôi rất tán đồng với Phật tử. Không phải vì sợ mọi người mà chúng ta không đến. Trong lúc chúng ta đang tập tu thì cần phải tránh bớt ngoại duyên, đó là điều rất tốt. Xưa nay, chư Tôn thiên đức trong thiên môn cũng đã từng làm và khuyên ta như thế. Vì có tránh chỗ đông người nhộn nhịp phiền toái, phức tạp, thì tâm của chúng ta mới dễ tập trung thiền quán hoặc niệm Phật tương đối được yên tịnh hơn. Vì chúng ta chưa được: "*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh*". Nếu như

tâm mình đã được thanh tịnh rồi, thì cảnh nào đối với chúng ta mà chẳng thanh tịnh. Nếu chưa được như vậy, thì Phật Tổ khuyên chúng ta nên tránh bớt duyên trần để nhiếp tâm niệm Phật.

Bởi tâm của chúng ta giống như con khi, con vượn, con ngựa rất dễ chuyên nhảy rong ruổi phan duyên theo trần cảnh. Người biết chăm lo tu hành, thì tránh cảnh duyên nhiều chừng nào thì càng tốt cho mình nhiều chừng nấy. Vì từ xưa tới nay, tâm và cảnh không lúc nào rời nhau. Chính vì không rời nhau, nên hễ cảnh mà xao động, thì tâm ta cũng lộn xộn loạn động không an. Cho nên người chân tu là người luôn nhìn kỹ quán chiếu lại mình để lo hàng phục vọng tưởng phiền não.

Khi nào tâm ta đã khá thuần thực rồi, thì nơi nào cũng tu, cũng niệm Phật được cả. Nếu ở trong cảnh vắng vẻ mà tâm của chúng ta vẫn còn lăng xăng, lao xao, loạn động, thì có khác gì chúng ta đang ở trong cảnh phiền toái náo động. Ngược lại, nếu ở trong cảnh náo động phiền tạp, mà tâm ta vẫn yên tịnh, thì cũng đâu có gì chướng ngại. Nhưng đây phải là bậc thượng thừa xuất cách mới có thể làm nổi. Đối với phàm phu chấp chững tập tu như chúng ta, thì việc “*đối cảnh vô tâm*” không phải dễ làm đâu! Xin chớ vội bắt chước các ngài mà mang họa hại vào thân.

Trên bước đường tu tập, không ai biết rõ mình bằng chính mình tự biết lấy mình. Nên lượng sức mình mà cố gắng tu tập. Người xưa nói: “*liệu cơm gắp mắm*” là ý này. Được thế, thì mới mong có phần nào kết quả tốt đẹp. Nếu như mình còn phiền não tạp loạn dầy dầy, thì nên tránh bớt duyên trần để gắng công niệm Phật là thượng sách nhất.

3. Vấn đề thứ ba, tu một mình ở nhà có tiến bộ không? Vấn đề này, thật khó trả lời một cách dứt khoát khẳng quyết. Bởi lẽ, còn tùy theo hoàn cảnh và ý chí cương quyết tu hành của mỗi người mà sự tiến bộ có khác nhau. Tuy nhiên, theo tôi, nếu chúng ta không tu thì thôi, mà hễ có tu thì dù ít hay nhiều gì, cũng đều có tiến bộ cả. Sự tiến bộ đó, còn đánh giá tùy thuộc vào ở nơi tâm tánh và sự hành trì đúng

pháp hay không đúng pháp của mỗi người. Nếu Phật tử tu một mình ở nhà, thì nó cũng có một vài điều bất tiện lợi:

Thứ nhất, là sự sống chung đụng với nhau trong gia đình dễ sanh ra phiền não giận tức buồn bực. Thứ hai, là không có ai nhắc nhở khuyên tấn mình, khi mình giải đãi, làm lỗi. Thứ ba, trong lúc mình niệm Phật mà những thành viên khác trong gia đình thiếu thông cảm, hiểu biết, không biểu đồng tình với mình, thì cũng dễ gây ra trở ngại khó khăn cho sự nhiếp tâm niệm Phật của mình. Vì tâm mình cũng dễ bị dao động theo, nếu mình không khéo chế ngự phiền não, thì cũng dễ bị rạn nứt sút mẻ tình thân thuộc trong gia đình. Đó là những khuyết điểm của việc tu ở nhà. Bởi cảnh nhà không làm sao tránh khỏi sự chung đụng với người khác. Ngược lại, nếu Phật tử cùng tu chung với đại chúng trong một đạo tràng, thì được cái lợi là có thầy bạn đồng hành, khuyên tấn thức nhắc lẫn nhau và nhưt là có những thời khóa tu học nhưt định, để mình noi theo tinh tấn hành trì. Vì đó là môi trường tốt rất thuận lợi để mình thực tập. Có các bạn đồng hành, đồng tu nên dễ khích lệ mình hơn. Người xưa nói: “*ăn cơm có canh, tu hành có bạn*” là thế.

Như thế, dù mình có muốn giải đãi cũng không thể được. Tu trong một tập thể, nhờ có những con mắt của tăng thân soi sáng, giúp cho mình nhiều thắng tiến hơn. Tuy nhiên, nếu tu ở nhà một mình, mà mình nắm vững được pháp môn tu, đúng theo lời Phật Tổ chỉ dạy, và khéo sắp xếp thời khóa, hoàn cảnh thích nghi, đồng thời có sự nỗ lực quyết tâm, thì tôi nghĩ, Phật tử cũng có thể tu tập đạt được kết quả tốt đẹp rất cao.

Tóm lại, việc tu ở nhà một mình, tùy theo hoàn cảnh và trình độ thâm hiểu giáo lý của Phật tử, mà ứng dụng đúng pháp, thì cũng sẽ được tiến bộ lợi ích lớn. Bằng trái lại, thì tôi khuyên Phật tử nên tìm đến các đạo tràng tu học sinh hoạt cùng với đại chúng, thì sẽ được thắng tiến tốt đẹp nhiều hơn.

(còn tiếp)

Trong bài trước, chúng tôi đã đề cập đến Nội Minh, hôm nay xin bàn đến Thịnh Minh, một trong Ngũ Minh mà đức Phật đã dạy cho hàng Bồ tát thực hành cứu độ chúng sanh.

Thịnh Minh là môn học về truyền thông gồm có các loại như: thông dịch, ngữ văn, sáng tác và kỹ thuật hiện đại: điện tín, tin học, hữu tuyến điện, vô tuyến điện, điện thoại, điện báo, truyền hình v.v... Trong sinh hoạt hiện đại, vấn đề truyền thông được xem là quan trọng hơn cả. Ngay vào thời đức Phật, Ngài cũng cho rằng sự truyền thông hay Thịnh Minh đứng hàng đầu trong Ngũ Minh, bởi nó ảnh hưởng đến văn tự và ngôn ngữ rất nhiều. Đức Phật khuyến khích mọi người nên học thế nào để diễn tả chính họ và làm sao họ hiểu được người khác. Vì vậy họ cần phải học hỏi chính ngôn ngữ của mình thật tốt và nếu có thể học thêm ngôn ngữ của người khác để hiểu biết và giao tiếp với mọi người ở các quốc gia trên thế giới. Mặt khác đức Phật còn khuyến khích mọi người học loại ngôn ngữ chuyên môn.

1. TRUYỀN THÔNG BẰNG LỜI NÓI

Theo trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài là một Phật tử trẻ, trên đường đi tham bái 53 vị thiện tri thức, lúc đến tham bái vị thứ 4 là một nhà ngôn ngữ học tên Di Già. Ông biết được nhiều thứ tiếng và chuyên tu pháp môn Minh Chú Phương Tiện Diệu Âm. Ông nói với Thiện Tài: “Tôi chỉ biết Bồ tát Diệu Âm Đà La Ni Quang Minh thôi, pháp môn này có thể thẳng vào biển tư tưởng và ngôn ngữ chúng sanh khác nhau, cũng như có thể chuyển bánh xe trang nghiêm âm thanh”. Ông còn là một giáo sư dạy về ngôn ngữ và dạy miễn phí cho mọi người 42 chữ cái phạn ngữ, được xem như vòng mẫu tự trang nghiêm và tiếng nam Ấn Độ, sau đó là Phật pháp. Ông đã phá trừ hết các chướng ngại ngôn ngữ, hợp nhất các loại tư tưởng và văn hóa nên ông có đủ khả năng

khiến cho quốc gia được tự do, giàu mạnh về mặt văn hóa và kinh tế vậy.

2. TRUYỀN THÔNG BẰNG VĂN TỰ

Ưu thế của nền văn minh tùy thuộc vào kinh sách xưa để lại do các nhà hiền triết và học giả ghi chép. Những kinh sách này được viết bằng ngôn ngữ đặc biệt. Mặc dầu có nhiều ngôn ngữ trên thế giới, nhưng kinh sách xưa được viết theo một ngôn ngữ khác nên ngôn ngữ cộng đồng nhân loại không hiểu được, do đó việc phiên dịch nó rất cần thiết. Kinh Phật khởi đầu bằng tiếng Ấn Độ, khi truyền sang Trung Hoa các nhà sư phải dịch từ chữ Phạn ra Hán văn, nhu cầu dịch kinh Phật do hai yếu tố chính:

- Do sự thèm khát kiến thức mới lạ.
- Do đạo Phật chỉ cho sự giải thoát mọi phiền não khổ đau của con người mà triết học cổ Trung Hoa không giải quyết được.

Kinh tiếng Phạn sớm được dịch ra tiếng Trung Hoa do ngài Trúc Pháp Hộ từ Ấn Độ Tây-Tây Á đến Trung Hoa vào năm 285 sau Tây lịch, phiên dịch kinh Pháp Hoa được 210 quyển, đây có thể xem như Phật kinh ở Trung Hoa đầu tiên.

Tuy nhiên, sau đó có một sự phiên dịch rộng rãi hơn vào năm 405 sau Tây lịch do Ngài Cưu Ma La Thập đảm trách. Lúc này Trung Hoa chia ra Nam, Bắc triều. Ngài Cưu Ma La Thập đến Trường An ở Bắc Trung Hoa vào năm 401 sau Tây lịch và học tiếng Trung Hoa suốt thời gian dài. Ngài được lệnh nhà vua lo việc phiên dịch, nên Ngài cho mời vài ngàn tăng sĩ nổi tiếng và các đệ tử làm việc dưới sự hướng dẫn của Ngài.

3. TRUYỀN THÔNG BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN KHÁC

Nhiều người cho rằng: Phật pháp không thể dùng ngôn ngữ giải thích được, bởi vì Thiên tông có câu: “Bất lập văn tự, trực chỉ chơn

tâm, kiến tánh thành Phật”. Nếu nói như vậy thì làm cách nào để có thể diễn tả được đây? Chúng ta biết rằng chân như siêu hình tượng, nhưng con người chỉ có thể cảm giác đến hình tượng, cho nên việc truyền pháp có thể dùng nghệ thuật như: hội họa, điêu khắc, âm nhạc, vũ điệu, kịch nghệ, điện ảnh v.v... Riêng Mật tông nhờ vào sự gia trì thần lực, còn thiên tông thì mỗi khi truyền pháp lấy tâm truyền tâm. Như vậy, việc dùng ngôn ngữ văn tự và hình tượng truyền pháp đối với đại chúng thì dễ hiểu hơn nhiều. Như dùng mấy câu thơ khuyên người tu hành giải thoát thì dễ dàng hơn là ngồi hàng giờ niệm thần chú;

*“Mắt trông thấy sắc rồi thôi,
Tai nghe thấy tiếng, nghe rồi lại không.
Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng,
Nhẹ nhàng ta bước ra vòng trần ai.”*

4. TRUYỀN THÔNG BẰNG PHIÊN DỊCH

Sự phiên dịch Phật pháp cũng giống như phiên dịch khoa học hiện đại, đòi hỏi phải đúng tiêu chuẩn chính xác. Ngài Cưu Ma La Thập tổ chức dịch kinh tương tự như sự phân công hợp tác khoa học hiện nay. Mỗi nhóm dịch vào khoảng 100 người và có một trưởng nhóm chịu trách nhiệm duyệt xét bản dịch và nguyên bản. Ngài Cưu Ma La Thập là tổng phiên dịch và luận giải nghĩa kinh, sửa chữa câu văn, sao chép, gom góp lại rồi đóng thành quyển. Tổ chức dịch kinh của Ngài Cưu Ma La Thập không chỉ dịch được nhiều kinh chữ Phạn mà còn đạt đến tiêu chuẩn cao, khiến người đọc hiểu được ý nghĩa trong sáng chính xác của đạo Phật. Đây là thời kỳ vàng son của Phật giáo Trung Hoa về mặt trí tuệ vậy.

5. TRUYỀN THÔNG BẰNG ĐIỆN THOẠI

Trong kinh Di Đà đức Phật có ý dùng truyền thông điện thoại, liên lạc đại chúng để truyền bá phương pháp niệm Phật Di Đà cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Ngài nhắc lại nhiều lần trong kinh và các đức Phật ở mười phương cũng đã dùng tướng lưỡi rộng dài để bảo cho chúng sanh về sự ích lợi niệm Phật Di Đà. Tướng lưỡi rộng dài đó hiện nay được xem như các vệ tinh truyền thông trong không gian. Đức Phật Thích Ca đã biết rõ con người có trí tuệ có thể lợi dụng tướng lưỡi rộng dài để truyền đạt pháp Phật được rộng rãi

hơn. Nhân đây, tướng cũng nên nhắc lại quá trình phát triển truyền thông như sau: Năm 1945 ông Arthur Clark thấy trước việc lập trạm không gian trong trục quỹ đạo cho các vệ tinh nhân tạo truyền thông đến các điểm trên trái đất, sau đó ông John Pierce phân tách hệ thống ở phòng thí nghiệm vào năm 1954. Năm 1957 Nga phóng vệ tinh không gian Sputnik đầu tiên, cho thấy khả năng sử dụng các loại vệ tinh khác nhau. Năm 1961 tổng thống Mỹ John F. Kennedy đã từ tốn tuyên bố: “Để thế giới được hòa bình thân thiện, tôi xin mời hết các nước tham gia vào hệ thống vệ tinh truyền thông”.

Tổng thống F. Kennedy đề xướng được quốc hội Mỹ thông qua dự luật cho phép thành lập vệ tinh truyền thông vào năm 1962. Năm 1963, thành lập công ty vệ tinh truyền thông Comsat. Năm 1964 công ty Comsat liên hợp với các nước thành lập tổ chức đơn vị vệ tinh truyền thông quốc tế lấy tên Intelsat khiến các nước trên thế giới đều sử dụng được. Năm 1965 thành lập vệ tinh thương mại đầu tiên tên Intelsat I, bay vào không gian phục vụ nước Mỹ và cả các nước Âu châu, mở đầu một kỷ nguyên mới. Ngày nay Intelsat nói rộng trên địa cầu có nhiều vệ tinh hơn nó. Hệ thống này có 500 đơn vị thông tin ở 80 quốc gia, kể cả Đài Loan với 150 trạm điện đài trên trái đất, cùng lúc nó mở ra 8000 đường thông tin hai chiều như điện thoại, điện tín, điện báo, sao chép truyền hình và máy phiên dịch, được xem như tướng lưỡi rộng dài hiện đại vậy.

6. TRUYỀN THÔNG BẰNG HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Sự phát triển mọi việc khác nhau đều có liên hệ đến truyền thông. Quan trọng nhất trong việc giáo dục là chìa khóa mở ra một nền văn minh tiến bộ cho nhân loại. Tất cả việc giáo dục không luận là tôn giáo hay thế tục, quân đội hay dân sự, người lớn hay trẻ con, đều đòi hỏi đến truyền thông. Sự giáo dục hiện đại được dễ dàng hơn là nhờ vào hệ thống thính thị, sử dụng ở nhà như một tiến bộ kỹ thuật khoa học. Hiện nay lại còn phát minh dạy học trên màn ảnh ti vi hoặc trên mạng máy điện toán, giúp giáo sư và học sinh có thể dừng lại bất cứ chỗ nào để thảo luận hoặc giải thích.

Lúc đầu hệ thống này chỉ có ở viện nghiên cứu hoặc do học sinh tự học làm tại nhà nhưng nay được sử dụng rộng rãi hơn nhất là ứng dụng vào việc nghiên cứu kinh Phật vậy.

7. TRUYỀN THÔNG TRONG TƯƠNG LAI

Theo trong kinh, đức Phật dự đoán trong tương lai điện thoại sẽ thay đổi và một vệ tinh truyền thông khổng lồ sẽ được đặt trong không gian sử dụng năng lượng mặt trời, có dung lượng gấp năm lần vệ tinh hiện nay. Nếu có trục trặc phi thuyền con thoi sẽ thông báo và kịp thời sửa chữa trong quỹ đạo ngay, đồng thời dưới biển các dây cáp điện cũng được thay bằng dây cáp quang. Năm 1990 mỗi dây cáp quang có thể truyền đạt đến 25000 đường, xuyên qua đại dương thế giới và gấp 6 lần dây cáp điện thoại hiện thời. Những vệ tinh mới và những hệ thống dây cáp mới này có thể lót đường cho việc giảm thấp giá điện thoại quốc tế. Hội nghị truyền hình mới “Mặt đối mặt” tiết kiệm thời gian và giá máy bay du lịch đắt đỏ. Dịch vụ mới này hấp dẫn ít nhất một phần mười trong số 12000 người bay qua đại Tây dương mỗi ngày và họ có thể chủ tọa hội nghị truyền hình cách xa 4800km.

8. NHIỆM VỤ TĂNG NI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Trong kinh đức Phật dạy: “Sau khi Như Lai diệt độ, người nào có thể thọ trì, đọc, tụng, biên chép, giải nghĩa kinh, khiến cho kinh lưu bố ở đời, sẽ được Phật lấy y trùm lên mình, lấy tay xoa đầu người đó, khiến người đó không thối thất quả vô thượng Bồ đề...” cho thấy đức Phật rất chú trọng đến việc hoằng truyền chánh pháp.

Đối với Phật giáo Việt Nam hiện nay, Tăng Ni và Phật tử phải có trách nhiệm hoằng dương Phật pháp. Công việc đầu tiên mang nhiều ý nghĩa nhất là phiên dịch kinh Phật bằng chữ Hán ra tiếng Việt. Muốn thực hiện được điều này những người thông dịch phải thông suốt việt ngữ và phải có trình độ đại học về văn chương để phân định rõ ràng dấu hỏi, ngã và cách chấm, phết câu khiến người đọc bản dịch hiểu được ý nghĩa dễ dàng. Tránh dùng những từ hoa mỹ rỗng tuếch vô nghĩa và từ Hán Việt

khó hiểu. Phải có một ban phiên dịch duyệt xét các kinh sách đã duyệt rồi mới cho xuất bản lưu hành.

Về hình thức thì phải điều chỉnh câu văn lưu loát, đúng chánh tả văn phạm, về nội dung thì giải rõ ẩn nghĩa trong kinh.

Ngoài ra Tăng, Ni còn phải học thêm ngoại ngữ như: Anh, Pháp, Nhật, Đức, Hoa, Nga, Ấn, Ả-rập và tiếng nước khác kể cả tiếng đồng bào thiểu số của nước mình. Một khi biết rõ tiếng nói của người khác, ta cũng hiểu được ý tưởng của họ, nhờ đó ta dùng Phật pháp hướng dẫn họ theo Phật dễ dàng. Hiện nay các vị sư Tích Lan, Thái Lan, Tây Tạng nhờ biết rành anh ngữ tiếp xúc với người Âu Mỹ và hướng dẫn họ tu theo Phật, nhất là đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng đã thu nhận nhiều người Âu Mỹ quy y với Ngài.

Các Tăng, Ni Việt Nam hiện ở ngoại quốc có đủ điều kiện học hành ngoại ngữ để truyền bá Phật pháp cho người bản xứ dễ dàng. Nhưng tiếc thay, mấy thầy, mấy cô chỉ lo quyên góp tiền cất chùa cho lớn để đời mà quên đi những lời dạy của Phật. Thật là:

*“Việc sống chết chẳng lo lường,
Nỡ đem gương tánh mà vương bụi trần.”*

Để kết luận, xin mượn lời của nhà bác học Albert Einstein nói về Phật giáo như sau: “Tôn giáo tương lai sẽ là tôn giáo toàn cầu, vượt trên mọi thần linh, giáo điều và thần học... Chỉ có Phật giáo mới đáp ứng đầy đủ các điều kiện ấy”.

Vậy Thỉnh Minh hay truyền thông do Phật đề ra trong kinh Hoa Nghiêm cách đây hơn 2500 năm vẫn còn thích hợp cho việc truyền bá Phật pháp trong thời đại tân tiến hiện nay.

VĂN THÂN



Chữ Tu trong đạo Phật



Khi đề cập đến chuyện tu hành, thì đại đa số người đời, họ đều trề môi chế giễu cho những kẻ tu hành là bi quan yếm thế, là núp bóng từ bi, là ẩn dương nương Phật, trốn tránh thiếu trách nhiệm xã hội, là ngôi nhà mát ăn bát vàng, làm cho xã hội thoái hóa văn minh và văn minh. Nghĩa là, họ dùng nhiều lời lẽ thiếu nhã nhặn châm biếm chê bai đủ thứ.

Những người nói như thế, quả thật, họ chỉ đứng bên lề Phật pháp để chê bai chỉ trích, nhưng kỳ thật họ chưa hiểu gì về ý nghĩa của chữ "Tu" cả. Vì thiếu hiểu, nên họ mới có những quan niệm sai lầm và chê trách một cách rất hời hợt, thiên cận và vô ý thức như thế.

Ngược lại, nếu là người có chút ít hiểu biết về chữ tu, thì họ lại nói khác. Họ cho rằng, nếu mọi người không ai biết tu, thì cả thế gian này trở thành đại loạn. Và chắc chắn là nhà tù không còn chỗ trống để dung chứa. Nhờ mọi người biết chút ít tu hành, nên thế gian này chưa đến nỗi đại loạn và nhà tù cũng còn có chỗ trống để kẻ ra người vào. Nếu mỗi cá nhân biết tu, thì mỗi cá nhân được lợi ích. Nếu mỗi gia đình biết tu, thì mỗi gia đình được hòa thuận hạnh phúc an vui. Nếu cả xã hội đều biết tu, thì xã hội sẽ được thái bình thanh trị.

Nói tu ở đây, xin chớ vội hiểu lầm là chỉ có quý vị xuất gia ở trong chùa mới tu, mà nghĩa của chữ tu là phổ cập cho tất cả đại chúng. Như vậy, có thể nói, người biết tu mới là người tích cực đóng góp lợi ích cho xã hội và làm cho xã hội ngày càng thêm văn minh tiên bộ, chớ không phải thoái hóa như người đời lầm tưởng. Dĩ nhiên, tu có nhiều trình độ cao thấp khác nhau. Vậy Tu là gì? Tu như thế nào mà đem lại sự lợi lạc như thế? Đó là những vấn đề mà chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu sau đây.

Trước hết thử tìm hiểu nghĩa của chữ tu là gì? Tu có nghĩa là sửa. Nhưng sửa cái gì? Và sửa

ở nơi đâu? Sửa ở nơi ba nghiệp: "thân, miệng và ý". Nói cách khác, chúng ta cần tu qua ba phương diện: Tu tâm, tu thân, và tu bổ. Vậy, tu qua ba phương diện là tu như thế nào? Trước hết, xin nói về tu tâm.

Tu Tâm

Sách xưa có câu:

*"Người đời sớm phải tri cơ
Gương lu vì bụi, trăng lờ vì mây.
Chở che nhờ đức cao dày,
Dầu tu cho mây, chẳng tây" tu tâm*".

Trong kệ kinh Phật có dạy: "tâm tánh của chúng sanh, xưa nay nó vốn là thanh tịnh sáng suốt, nhưng vì chúng sanh bị các thứ vô minh phiền não che mờ, nên nó không thể hiển lộ ra được". Khác nào như tấm gương, bản chất của nó vốn trong sáng, nhưng sở dĩ nó không hiển lộ ánh sáng ra được, là vì nó bị bụi bám bám vào. Cũng như mặt trăng hằng soi sáng, nhưng vì bị mây mù che ngăn bao phủ, nên ánh trăng dù sẵn có đó, nhưng cũng không làm sao hiển lộ ra được. Muốn cho tâm tánh của chúng ta hiển lộ sáng suốt thanh tịnh như xưa, thì Phật dạy, ta phải siêng năng chịu khó thường xuyên lau chùi cho hết những thứ bụi bặm cấu bợn phiền não. Những thứ "**Căn bản phiền não**" (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến) và "**Tùy phiền não**" (phân, hận, phú, não, tật, xan, cuốn, siểm, hại, kiêu, vô tâm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri), tất cả đều phải diệt trừ tận gốc. Có thể, thì chúng ta mới thật tu và mới mong hết khổ. Tu tâm như thế, mới thực sự là tu ở nơi cái gốc. Nếu cái gốc không sửa, mà chỉ sửa ở nơi cái ngọn, thì muôn kiếp ngàn đời, chúng ta cũng không bao giờ hết khổ được. Bởi thế, nên nói: "*Dầu tu cho mây, chẳng tây tu tâm*" là vậy. Đó là, chúng ta khéo

biết tu, đốn thẳng ngay cái gốc, khi cái gốc vô minh phiền não không còn, thì ánh trắng chơn lý sẽ hiển hiện, không cần tìm kiếm đâu xa. Đó mới thực sự là tu tâm.

Tu thân

Tu thân, là tu ở nơi cái ngọn. Tức là tu ở nơi phần thô. Còn tu tâm là tu ở nơi cái gốc thuộc về phần tế. Nhưng nếu chúng ta chưa đốn được cái gốc lớn, thì chúng ta chịu khó sửa dần ở nơi cái ngọn cũng rất là cần thiết. Như cái cây, nếu chúng ta chịu khó thường xuyên tưới lá, ngắt đọt, bẻ cành, thết rồi, thì cái cây kia cũng sẽ lần lần bị khô héo cần cỗi và mất đi nhựa sống. Nói tu thân, tức là sửa ở nơi cái thân, chúng ta không nên hành động ác độc sai quấy. Như giết hại sanh vật, trộm cướp tài vật của cải của người và không làm những điều phi pháp gian dâm tà hạnh. Ngoài ra, chúng ta còn phải gìn giữ thân thể ăn mặc đàng hoàng sạch sẽ, đi đứng đoan chánh nghiêm trang, phong cách lễ độ, ngồi không trạo cử v.v... đó cũng thuộc về tu thân. Người khéo biết tu thân, là luôn quan tâm chăm sóc kỹ ở nơi bản thân mình, cố gắng làm những điều chánh đáng. Nhưng cũng đừng quá coi trọng nô lệ cung phụng thân mình mà gây ra nhiều đau khổ cho mình và người. Nếu thế, thì chúng ta chưa phải là tu thân. Vậy tu thân là sửa đổi ở nơi cái thân tránh làm những việc bất thiện phi pháp. Được như thế, mới thực sự là người khéo biết tu thân.

Tu bổ

Tu bổ là sửa đổi những thứ vật dụng bên ngoài. Những vật dụng bị hư hao, hay cũ kỹ, thì ta nên tu bổ lại. Như cái nhà, cái ghế, cái bàn v.v... bị hư hao gãy đổ, ta liền tìm cách tân trang sửa lại hay thay cái mới khác vào, để có thể tiếp tục sử dụng. Việc làm mới lại một sự vật nào đó đã bị hư hại, thì cũng là điều cần thiết cho đời sống. Trong đời sống, việc tu bổ cũng rất là thiết yếu. Dù đây, chỉ là những hiện tượng sự vật bên ngoài. Nhưng còn có những nhu cầu thiết yếu cho đời sống, dĩ nhiên, chúng ta vẫn còn cần đến những vật dụng hằng ngày. Vì những thứ này nó cũng giúp ích phương tiện cho chúng ta rất nhiều. Do đó,

chúng ta cũng không nên xem thường phần tu bổ này.

Tu là cải tiến tịnh hóa thân tâm

Qua những phần định nghĩa và giải thích về chữ tu ở trên, đến đây, ta thấy tu là một nhu cầu quan yếu tối cấp thiết cho thân tâm ta. Nếu như ta sống buông lung, cầu thả, tha hóa trụy lạc, không phút giây cải tiến thân tâm, thì đời ta quả thật là đau khổ. Đời sống chỉ một bề chạy theo vật dục, nô lệ cho vật chất, tình dục, thì đó là một họa hại rất lớn. Muốn cho thân tâm ta được an ổn nhẹ nhàng, thanh thoát và đời sống ta có được an vui hạnh phúc, thì không còn cách nào hơn là ta phải thường xuyên quán chiếu kiểm soát lại tâm ta, để từ đó ta mới nhận diện rõ hơn những gì gây cho ta bất an đau khổ, mà mau lo cải thiện chuyển hóa phiền não, cho thân tâm ta được trong sáng thanh tịnh. Đạo Phật là đạo nội quan, là đạo giác ngộ. Mà muốn giác ngộ là ta phải nhìn thẳng lại chính mình. Có nhìn kỹ lại mình, thì chúng ta mới thấy được lỗi lầm, để chóng lo khắc phục chuyển hóa. Nhờ thế, mà thân tâm ta mới được an lạc giải thoát.

Thuở xưa, khi còn ngự trên ngai vàng, một hôm vua Trần Nhân Tông hỏi Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ: Cái gốc của người tu thiền là gì? Tuệ Trung vội đáp ngay: "*Phản quan tự kỷ, bốn phận sự*". Nghĩa là cái gốc của người tu thiền hay tu hành là phải hằng soi xét quán chiếu lại ở nơi chính mình. Phải hằng thấy lỗi mình mà không thấy lỗi người. Người tu hành cẩn trọng nghiêm khắc, khi một niệm dấy lên thì phải nhận diện ngay. Nhận diện để chuyển hóa. Vì niệm khởi là trái với tánh giác. Mà trái với tánh giác, tức rơi vào trần lao. Đó là bối giác hiệp trần. Người nào hằng quán chiếu sâu sắc như thế, thì mới được gọi là người tu hành chơn chánh. Chính đó mới là giải thoát. Vì không có một ý niệm nào ràng buộc người tu cả. Hằng ngày chúng ta luôn sống trong vọng niệm theo duyên, theo cảnh để phân biệt phải trái hơn thua tạo thành nghiệp lành hoặc nghiệp dữ. Tạo nghiệp lành thì được hưởng quả báo lành. Ngược lại, tạo nghiệp ác thì phải trả quả báo ác. Đó là nói theo luật tác bình diện thông thường. Tạo nghiệp lành đó là

chúng ta khéo biết tu. Tuy nhiên, tu như thế cũng vẫn còn theo nghiệp đi trong vòng luân hồi để hưởng phước báo. Ở đây, ta thấy, lối dạy của Tuệ Trung Thượng Sĩ là Ngài chỉ rõ đường lối tu đến chỗ cùng tột nghĩa là tu ngay cái gốc. Thật ra, nói tu mà kỳ thật không có tu gì cả. Chỉ cần quán chiếu và chuyển hóa mà thôi. Cách tu này tuy nhẹ nhàng, nhưng rất vi tế không phải dễ hành trì. Không phải ai cũng được có cái căn cơ bén nhạy như thế. Trong phạm vi chữ tu nói ở đây, là chỉ nói ở phương diện thông thường mà thôi. Tuy nhiên, ta cũng cần biết rõ đâu là gốc ngọn của sự tu hành.

Chính vì nhận được yếu chỉ tu thiền và thấu đạt được tâm tông cũng như nghệ thuật sống, nên sau này vua Trần Nhân Tông có làm bài Phú trong đó có bốn câu mà người ta thường hay dẫn chứng:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*

Tạm dịch:

*Ở đời vui đạo cứ theo duyên
Đối đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà kho báu tìm đâu nữa
Đối cảnh "không tâm" chớ hỏi thiền*

Xin chớ vội hiểu lầm hai chữ không tâm này. Không tâm không phải là không có cái tâm. Nếu không tâm thì sao biết trong nhà mình có kho báu. Không tâm nói ở đây là khi hành giả đối cảnh xúc duyên không nên để tâm dính mắc vào sự vật. Nói rõ hơn là không theo cảnh trần phân biệt tốt xấu, ưa thích v.v... Nếu còn có cái tâm dính mắc chấp trước vào sáu trần, thì làm sao giải thoát? Dụ như ta mang máy quay phim hay máy nhiếp ảnh mà ta không quay, không chụp gì cả. Thế thì, không có một hình ảnh nào lưu lại trong cái máy của ta. Ngược lại, nếu ta quay hay chụp thì những hình ảnh kia chắc chắn là ở trong cái máy của ta rồi. Máy quay phim hay máy nhiếp ảnh là dụ cho sáu căn, tức sáu giác quan của ta. Cho nên, Phật, Bồ tát hay các vị Thiền sư, các Ngài cũng đều có sáu căn như chúng ta, nhưng các

Ngài không để sáu căn dính mắc vào sáu trần cảnh. Còn phàm phu như chúng ta thì sáu căn luôn bị kẹt dính mắc vào sáu trần. Vì thế mà ta không được giải thoát như các Ngài.

Tu là tích cực đóng góp hữu ích cải thiện xã hội.

Xã hội bất an loạn lạc là do Nhơn loại thiếu tu. Mỗi cá nhân là một phần tử của xã hội. Muốn cải thiện lành mạnh hóa xã hội, tất nhiên, trước tiên là mỗi cá nhân phải cải ác hành thiện. Nếu mỗi cá nhân không tu, thì đừng mong xã hội an bình. Vì đó là chuyện hoang đường không tưởng. Ngày nay, Nhơn loại đang sống trong sự lo âu hồi hộp phập phồng sợ hãi, vì những biến động, thác loạn, chiến tranh khủng bố giết người. Đó là chưa kể đến có biết bao thảm trạng tệ nạn, tội ác xã hội đã và đang xảy ra nhan nhản hàng ngày, nhìn thấy đến độ khiếp đảm chóng mặt. Thử hỏi những tệ nạn phạm pháp tù đầy này do đâu? Phải chăng là do con người thiếu ý thức quan tâm đến đời sống nội tâm?! Đạo đức căn bản của đạo làm người càng ngày càng bị bật gốc tuột dốc đến mức độ thê thảm khủng khiếp. Con người đã đánh mất luân lý đạo đức nhân bản, thì thử hỏi làm sao xã hội an bình cho được? Đời sống mất thể cách quân bình trong tương quan giữa vật chất và tinh thần, thì đó là một hệ quả họa hại cho Nhơn loại ngày nay. Muốn cho đời sống được quân bình, tất nhiên, mỗi cá nhân phải phục hồi lại đạo đức làm người của mình. Phải thường xuyên quán chiếu lại mình. Phải có những phút giây yên tĩnh, để quán niệm những biến động của nội tâm. Nếu mỗi người đều ý thức, khéo biết chăm sóc đời sống nội tâm phong phú, thì xã hội sẽ giảm bớt những hệ lụy tang thương đau khổ rất nhiều. Như thế, người biết tu mới là người thực sự đóng góp cải thiện cho xã hội một cách rất tích cực vậy.

Những lợi ích thiết thực cho mình và người.

Người biết tu là người đang hướng đời mình về nẻo thiện, đang tìm lại cội nguồn và luôn thăng hoa trong cuộc sống. Đó là người khéo biết chọn cho mình một hướng đi vừa lợi mình, lợi người. Một hướng đi, trước mắt chỉ

có hoa và trái hạnh phúc. Hạnh phúc chẳng những cho bản thân mình, mà còn cho gia đình và xã hội nữa. Đó là con đường "Chân, Thiện, Mỹ". Chỉ có con đường đó mới thực sự cứu khổ cho mình và người. Ngoài ra, không còn có một lộ trình nào khác. Là Phật tử, chúng ta phải cương quyết đi trên lộ trình mà chư Phật Tổ đã đi. Các Ngài đã vạch sẵn cho chúng ta một con đường hướng thượng giải thoát quá ư là hạnh phúc. Nếu chúng ta đi lệch quỹ đạo của các Ngài, thì đó là do chúng ta si mê thiếu sự cân nhắc chọn lựa kỹ càng. Thế thì trách ai đây?! Không tu thì thôi, nếu người biết tu là chắc chắn sẽ có lợi ích ngay. Vì người tu đâu có làm những việc sai quấy, phạm pháp, hại người, hại vật mà phải lo sợ bị bắt bớ giam cầm tù tội. Đối với luật pháp thế gian, ta cũng được tự do thông dong. Đối với luật nhân quả, ta cũng không lo sợ quả báo trả vay. Thế thì chẳng những ta được lợi ích hiện đời mà đời sau ta cũng được an vui giải thoát.

Ta hãy thường xuyên xét nghiệm cho thật kỹ về lý nhân quả. Tuy nhân quả là một dòng chuyển biến không dừng. Từ nhân tới quả nó đòi hỏi cần phải có thời gian. Tuy hằng linh động chuyển biến từ nhân tới quả, nhưng không có một nhân nào mà thoát khỏi quả báo. Chẳng qua nó có thể thay đổi ít nhiều trong sự chuyển biến đó mà thôi. Dụ như, khi một người phạm pháp bị luật pháp bắt giam vào trong lao tù, trong thời gian mà họ thọ án chịu hình phạt, nặng hay nhẹ là tùy theo cái nhân mà họ đã gây tạo nặng hay nhẹ, để họ phải trả cái quả báo thọ khổ thích hợp. Nặng thì bị tử hình hoặc tù cấm cố chung thân, hay thời gian ngắn dài tùy theo tội trạng. Tuy nhiên, trong thời gian thọ án (ngoại trừ tội tử hình), nếu phạm nhân biết ăn năn cải hối về những tội lỗi mà mình đã gây, thì nên cố gắng làm những điều lành và luôn luôn tuân hành đúng theo nội quy của nhà tù. Đối với bản thân thì phải thành tâm sám hối, nguyện xin sửa đổi và quyết tâm tái tạo làm mới lại cuộc đời. Đối với tha nhân, tức những người bạn tù cùng chung cảnh ngộ khác, thì ta nên có những lời nói, hành động cư xử hài hòa, cởi mở, thông cảm giúp đỡ cho nhau. Mọi người phải biết tôn kính yêu thương lẫn nhau, không nên gây ra những hiềm khích thù hằn chống đối nhau bằng khẩu chiến hoặc

bằng thân chiến, làm cho nhà tù luôn bị xáo trộn bất an và phẩm chất hơn cách con người càng bị hạ thấp hơn. Nếu ai cũng hành xử trong tinh thần tương kính hòa hợp yêu thương lẫn nhau, và thể hiện những điều tốt theo quy luật nhà tù đã quy định, thì chắc chắn là cái án tù của mỗi người sẽ được nhà tù xét định lại và có thể giảm án nhẹ hơn. Do mỗi người tự ý thức hành xử như thế, tất nhiên là có sự chuyển biến từ nhân tới quả. Nhân đã thay đổi thì quả phải thay đổi theo. Nhân thay đổi tốt thì quả sẽ thay đổi tốt. Luật tắc nhân quả là như thế.

Tuy luật pháp thế gian cũng công bằng lắm, nhưng luật nhân quả lại càng công bằng hơn. Bởi vì luật pháp thế gian dù công bằng tới đâu, cũng còn có sơ sót kẽ hở. Chính vì thế, nên người ta mới xoay chiều đổi hướng được. Ngược lại, luật nhân quả thì không như thế, nghĩa là không thiên vị một ai cả. Nhân quả, không có vấn đề chạy chọt dứt lốt hôi lộ mà thoát được. Nhân quả như bóng với hình, hình như thế nào thì bóng như thế đó, một mảy may không hề sai lệch. Chẳng qua là chuyển quả báo nặng thành quả báo nhẹ đó thôi. Nhưng với điều kiện là người phạm tội phải biết ăn năn cải thiện. Không những cải ác tùng thiện thôi mà còn phải gia công tích cực làm các điều lành để chứng minh cho sự ăn năn cải hối sửa đổi của mình. Có thế, thì tội kia mới có thể giảm được. Nhưng dù nặng hay nhẹ cũng phải trả cái quả báo mà mình đã gây. Đó là luật tắc tự nhiên không ai có quyền thay đổi luật nhân quả cả. Trong đời sống hằng ngày, nếu chúng ta muốn không bị quả báo đau khổ, thì chúng ta đừng bao giờ khờ khạo đại dốt mà tạo tác những chủng nhân bất thiện. Như cướp của giết người, buôn bán nha phiến, trồng cần sa ma túy, hay tạt acid hủy hoại thân thể người khác v.v... đó là những điều mà luật pháp nghiêm cấm. Vì luật pháp lúc nào cũng muốn bảo vệ sự an toàn cho dân chúng. Nếu chúng ta vì ham mê lợi lộc, muốn bỏ túi nhiều tiền, làm giàu trên xương máu đau khổ của người khác... gây những điều bất an cho xã hội (đừng quên trong đó có chúng ta và có cả những người thân của chúng ta nữa) thì bảo sao luật pháp có thể dung tha cho được?! Luật pháp còn không dung tha, nói chi đến luật nhân quả. Người xưa

có nói: "*Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến cái hậu quả của nó*". Xin mọi người hãy chiêm nghiệm thật kỹ câu nói này để hành xử sao cho khỏi phải hối hận vì những suy nghĩ, lời nói và hành động dại khờ của mình. Một phút si mê thì ngàn đời ân hận!

Tóm lại, qua những điều trình bày khái quát về chữ "Tu" trong đạo Phật đã nêu trên, thiết nghĩ, ít nhiều gì cũng giúp cho chúng ta có một cái nhìn đúng theo tinh thần nhân quả của đạo Phật. Từ đó, chúng ta sẽ không còn có những quan niệm sai lệch hay bóp méo theo cái nhìn thiên kiến của thế gian. Thông thường, khi nghe nói đến chữ tu, người ta liền nghĩ đến những hình ảnh bi quan buồn chán. Đó là vì chúng ta chưa có dịp tìm hiểu cặn kẽ về chữ tu. Một khi chúng ta đã hiểu rõ rồi, thì chúng ta mới thấy sự tu hành thật là một điều tối cần thiết và lợi ích vô cùng. Thế thì đánh đổ mọi quan niệm sai lầm mà từ trước tới giờ ta đã lầm nhận, hiểu sai. Giờ đây, ta mới thấy sự tu hành thật là quan trọng trong đời sống. Bất cứ ai thuộc thành phần giai cấp nào trong xã hội mà không tu, thì chắc chắn cửa địa ngục đang mở rộng chờ đón họ.

Như vậy, con người từ địa vị phàm phu, nếu chúng ta khéo biết tu hành, đúng theo chánh pháp Phật dạy, thì chắc chắn chúng ta sẽ lần lần tiến lên đạt thành Thánh vị. Đó là điều tất yếu không bao giờ sai chạy. Vì đã gây chủng nhân hành thiện tốt, đương nhiên là phải kết quả báo tốt đẹp mà thôi. Kinh dạy:

*Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo*

Nghĩa là:

*Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý mình thanh tịnh
Đó là lời chư Phật dạy.*

Nếu chúng ta thật hành đúng theo lời dạy của bài kệ này, thì lo gì mà chúng ta không được giải thoát khổ đau.

Phước Thái

Tôi đứng bên con sông buồn
Lặng nhìn dòng nước chảy hắt hiu
Dập dìu từng cơn sóng vỗ
Ru tôi về dĩ vãng xa xôi.

Bao năm qua tôi như chiếc lá vàng
Lững lơ
Chỉ cần một cơn gió thoảng
Chiếc lá sẽ rơi.

Tôi như con thuyền lênh đênh giữa đại dương
mênh mông
Phiêu dạt bèo bọt không bến đỗ
Chỉ cần một cơn sóng dữ
Thuyền sẽ không còn.

Tôi bùi ngùi tự hỏi:
Quê hương của tôi ở đâu? Đâu là cội nguồn
tâm linh?
Con đường nào hoa nở dưới chân, chim hót
trên đầu
Con đường nào vang vọng lời kinh chú nguyện
Pháp âm vi diệu nhiệm mầu
Cho tôi lìa xa hồng trần, rời khỏi bến mê.
A ha!

Con Đường Chánh Pháp

Con đường chánh pháp
Bốn mươi chín năm giáo hóa chúng sanh
Con đường in dấu chân sen
Cam lồ pháp vũ
Tưới tâm tâm hồn hạ liệt
Sa mạc nóng cháy ruộng đồng hoang vu.
Con đường in dấu chân tịnh thức
Mỗi bước chân quang minh rực rỡ
Soi sáng màn đêm tối mù.

A ha!

Quê hương là tôi. Tôi là cội nguồn tâm linh.
Con đường chánh pháp
Đưa tôi về bản tánh chơn
như
Thiên thu bất sanh bất diệt.

A ha!

Trí Lạc



Hãy ứng dụng bí pháp trong Kinh Pháp Hoa vào đời



PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

Thế nào là phương tiện? Phương là phương pháp, tiện là tiện lợi. Vậy phương tiện là phương pháp tiện lợi thích hợp mọi căn cơ chúng sanh. Phương thuộc về lý, tiện thuộc về sự. Như “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, nghĩa là cái gì cố định là phương, còn cái biến đổi là tiện.

Ở phẩm này, đức Phật đã dùng phương pháp tiện lợi dẫn dắt chúng sanh từ chỗ mê mờ đến nơi giác ngộ giải thoát. Bởi vì các pháp nhất thừa vô thượng không thể cùng một lúc mà giáo hóa được. Hơn nữa, sự giác ngộ của Phật thì vô biên, trí tuệ của Phật thật vô lượng, sự thấy biết của Phật đã đạt đến chỗ tuyệt đối, tột cùng. Đó là: Tất cả là một, tất cả chúng sanh đều từ Phổ Quang Minh Trí mà ra thì tất cả sẽ trở về với ánh sáng trí tuệ ấy tức là thành Phật. Sự thật là như thế, nhưng vì chúng sanh mê muội nên đức Phật có nói ra sự thật đó chỉ làm cho chúng sanh sợ hãi không tin bèn phỉ báng, do đó sẽ bị đọa lạc vào ba nẻo ác chịu nhiều đau khổ. Sở dĩ chúng sanh khó thấy biết là vì đang ở trong đời ác năm thứ trước: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mệnh trước. Trong đời ác trước, chúng sanh mắc phải các bệnh nhỏ nặng: Bồn sển, tham lam, ghét ganh, tạo nên các nghiệp chẳng lành. Vì thế đức Phật không thể cho chúng sanh uống phương thần dược quá mạnh bằng cách nói sự thật mà phải dùng phương tiện như thuyết nhân duyên, thí dụ, dùng lời nói khiến cho chúng sanh lần lần xa lìa lòng chấp để khi thời cơ đến đem chân lý tuyệt đối ra nói. Bởi vì lý do đức Phật ra đời là “Khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến”, có nghĩa là mở bày chỉ cho chúng sanh nhận biết, vào Phật tánh của mình. Thiền sư Ngô Ấn đã làm bài kệ nói rõ Phật tánh của mình như sau:

*“Hư vô tánh ấy khó vịn nơi,
Riêng bụng hư vô hiểu được rồi.
Trên núi ngọc thiêu màu vẫn nhuận,
Trong lò sen nở sắc thường tươi.”*
(Ngô Tất Tố dịch)

Theo thiền sư thì cái tính hư vô vốn không thế nào vịn vào được, nhưng người nào trong lòng hiểu được nó thì tu hành cũng không khó. Một khi có được tánh ấy rồi thì mọi nghịch cảnh cũng không ảnh hưởng gì đến mình được, như hòn ngọc trong núi bị thiêu đốt sắc nó vẫn tươi nhuận và đóa sen nở trong lò lửa lúc nào cũng đẹp tươi. Viên ngọc và hoa sen được biểu trưng cho Phật tánh bất diệt luôn nằm trong thân ngũ uẩn giả hợp của chúng ta tức là lò lửa vậy.

Hơn nữa chúng sanh vốn sợ khổ nhưng nhiều kiếp lại phải lặn hụp trong biển đời đau khổ, nên mong mỗi sớm được thoát ra, do đó Phật mới phương tiện đưa ra một cảnh giới ngược lại là niết bàn an vui. Đó là một sự huyền biến tạm bợ để dẫn dắt chúng sanh từ thấp lên cao, từ dễ đến khó, chớ không có niết bàn thật sự. Sở dĩ đức Phật phương tiện nói pháp chia ra ba thừa hay ba thứ xe là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát, đó cũng tạm mà dạy vậy thôi, chớ thật sự không có ba thứ xe chở chúng sanh đến mút con đường đạo, mà chỉ có một thứ xe và xe ấy là xe Phật vậy. Thiền sư Phật Quốc cũng đã nhận ra ý đó nên có làm bài kệ như sau:

*“Tâm tâm tức Phật, Phật tâm tâm,
Phật Phật tâm tâm, tức Phật tâm.
Tâm Phật ngộ lai vô nhất vật,
Tướng quân chỉ khát vọng mai lâm.”*

Theo thiền sư thì Phật tánh vốn có sẵn trong tâm ta và tâm ta chính là Phật vậy. Một khi nhận ra ông Phật của mình rồi thì không còn vật gì cả, đó chẳng qua phương tiện nói vậy thôi, như ông tướng dẫn quân đi đánh giặc lỡ hết nước uống, mọi người đều khát, ông phương tiện chỉ khu rừng phía trước nói là rừng me khiến quân sĩ thèm chảy nước miếng, nhờ đó mà đỡ khát đi nhanh đến gặp nước suối mát tha hồ mà uống, nghỉ ngơi không còn bị khát nữa.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, sư Pháp Đạt đem

việc Phật chia ba thừa hỏi tổ Huệ Năng và được Ngài giải thích như sau: “Kinh nói hai ba thừa, cho đến vô số phương tiện, muôn ngàn nhân duyên, thí dụ, ngôn từ thì các pháp ấy cũng đều chỉ một Phật thừa mà thôi. Sao người chẳng xét rằng xưa nói thừa là giả, đó là vì thật mà dùng quyền, còn nay nói thừa là thật tức là mở quyền mà chỉ thật. Đó là chỉ dạy người bỏ giả về thật và sau khi về thật rồi thì cái thật cũng không còn cái tên nữa...” Vậy thì chữ Thật ở đây chính là thật tướng của các pháp trong kinh mà đức Phật đã nói: Tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy và rốt ráo như vậy gọi là mười cái như vậy hay thập như thị. Ngoài ra, khi chúng ta mới học Phật thì hiểu tướng của các pháp vốn là vô thường, nhưng khi nhập vào nhất thừa Pháp Hoa thì bắt đầu tu luyện để thâm nhập tướng các pháp vốn là chơn thường như trong phân thi kệ Phật dạy: “Pháp trụ trên ngôi pháp, tướng thể gian thường còn”. Chữ tướng ở đây là không tướng tức là Phật tướng cho nên nó vắng lặng vĩnh hằng.

Sau cùng đức Phật dạy chớ xem thường những việc làm như đúc tượng, dựng chùa, xây tháp, cúng dường, nghe pháp, tụng kinh, niệm Phật, bố thí, tu lục độ, các đồng tử vẽ tượng Phật, đắp đất làm chùa, hoặc có người vào chùa chấp tay, gơ tay, hơi cúi đầu ca tụng đức Phật, cho đến kẻ điên khùng vào tháp miếu xưng danh Phật đều sẽ thành Phật đạo.

Ý nghĩa phẩm kinh thật đã rõ ràng và trong đó có những bí pháp như sau:

MƯỜI NHƯ VẬY (THẬP NHƯ THỊ)

Muốn hiểu được mười như vậy thì trước nhất chúng ta phải hiểu rõ chữ Như. Như là tất cả tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, trước sau rốt ráo của các pháp thấy đều như nhau. Theo kinh Duy Ma Cật phẩm Bồ tát thì chữ Như có nghĩa là không hề có hai, chẳng hề khác biệt. Vậy Như là cái cùng cực của chân thật đồng nghĩa với các danh từ: Như pháp tánh, thực tế, thực tướng. Mặc dù thế giới hiện tượng và sự vật có nhiều dạng khác nhau, nhưng bản chất của các pháp chỉ là một và một

tức là Như. Theo kinh Thắng Man thì chữ như thị có nghĩa là trình bày đúng như thế, đúng đạo lý, như vậy đó, không hề sai khác. Bây giờ chúng ta tìm hiểu ý nghĩa của Thập như thị:

1. TƯỚNG NHƯ VẬY: Tướng chân thật, Thật tướng, đồng nghĩa với không tướng. Nói cách khác tướng các pháp là như thật, hằng còn tức là không sanh, không diệt, không tăng, không giảm. Như thế thì tướng của các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường mà là chơn thường. Trong phân thi kệ đức Phật cũng đã dạy: “Pháp trụ trên ngôi pháp, Tướng thể gian thường còn”. Vậy thì pháp nào trụ trên pháp nào? Khi tu chứng đắc đến trình độ chơn thường thì các pháp vốn đồng một pháp, nhưng muốn đạt đến pháp như thừa thì phải tu tập theo pháp phương tiện tức là mượn pháp tịnh trụ trên pháp động. Như một người nằm ngủ trên xe lửa, xe chạy suốt đêm, nhưng ông ta vẫn giữ được giấc ngủ yên lành qua đêm. Vậy thì người nằm ngủ trên xe là pháp tịnh, còn chiếc xe chạy là pháp động. Một ví dụ khác như biển bị động sóng to bởi bão tố nhưng các loài thủy tộc tôm cá vẫn sống bơi lội chẳng hề hấn gì cả.

Một đóa hoa hồng xinh tươi sau một tuần lễ, nó sẽ khô tàn và không còn thơm đẹp nữa, như thế nó vô thường và chúng ta chỉ thấy được giá trị của nó còn thật tướng của nó là màu hồng và mùi thơm, các nguyên tố, diệp tố bị khoảng không thu hút nằm vĩnh hằng ở đó, đợi khi có một cây hoa hồng khác trồng dưới đất trở hoa, nó sẽ hút màu hồng và mùi thơm cùng nguyên tố, diệp tố trong không gian về làm thành hoa hồng khác y như hoa trước và cứ thế từ đời này sang đời khác màu hồng và mùi thơm không bao giờ mất. Không những loài hoa, mà con người loài vật, vạn vật cũng đều như thế. Vậy tất cả hình tướng vật thể thế gian thì nó vô thường mà nó vẫn là thường. Dù thường, dù vô thường, nhưng bản chất của nó vốn thường trụ. Một thiền sư một hôm ngồi trước chùa thấy hoa Xuân nở và nghe chim Hoàng Oanh hót liền chột ngộ, nên làm bài kệ nói lên ý đó như sau:

*“Các pháp từ xưa lại,
Tướng thường tự vắng lặng.
Xuân đến trăm hoa nở,
Oanh hót trên cành liễu.”*

Theo bài kệ trên thì thiền sư đã vẽ lên được một bức tranh thực tại vừa thường, vừa vô thường. Thường là cái bản thể của vạn vật không thay đổi thêm bớt trong tất cả mọi hiện tượng vô thường. Chính hoa nở chim hót mùa xuân là những hiện tượng vô thường, nhưng đồng thời cũng là những hình ảnh của thực tại thường hằng. Vì thế, ta không nên quy định hay bắt buộc cái thường tại kia theo bất cứ một điều kiện nào mà cứ để cho nó tự nhiên xuất hiện như là chính nó trước cái tâm trống rỗng của ta mới thật sự là tròn đầy.

2. TÁNH NHƯ VẬY: Hiểu được nghĩa Tướng như vậy thì mọi quán chiếu để liễu ngộ Tánh như vậy, bởi vì tánh tướng chẳng hai. Vì thực tướng chơn không hằng còn thì thực tánh cũng chơn không hằng còn. Chúng ta học Phật pháp lúc ở cấp thấp thì phải quán chiếu để liễu ngộ riêng từng mỗi tánh, mỗi tướng của các pháp. Nhưng khi nhập vào Pháp Hoa nhất thừa thì phải hiểu các pháp đều vốn cùng bản tánh. Bởi vì tánh các pháp vốn là tánh chơn không. Chơn không chẳng phải không như lông rùa, sừng thỏ. Người nào liễu ngộ tánh không thì mới đắc ngộ tánh hòa hợp và có ngôi Tăng Bảo.

3. THỂ NHƯ VẬY: Thể các pháp vốn là chơn không. Chơn không còn gọi là thực thể và đồng nghĩa với bản thể không tức là bản thể các pháp đồng một thể chơn không như Bát Nhã Tâm Kinh có câu: “Thể trống không nên không nhãn giới”. Không làm sao dùng mắt để quan sát được thể, cũng chẳng dùng ý quán chiếu được thể. Liễu ngộ được thể của các pháp là chơn không thì mới hiểu được các pháp vốn nó hằng hữu và từ đó mới hiểu lời Phật dạy nơi kinh Pháp Hoa: Thể gian tướng thường trụ.

4. LỰC NHƯ VẬY: Khi các tướng, tánh, thể đều như vậy thì tự nhiên có năng lực. Phản ảnh đúng năng lực của nó, nên gọi là lực như vậy. Khi lực chơn thật là lực của lý không, vì nó không hề có pháp nào làm chủ thể. Như thuốc nổ, ngòi nổ, lửa duyên hợp lại thì tự nhiên nổ. Khi nổ lực của nó phá hủy các pháp khác. Vậy thì thuốc nổ, ngòi nổ, lửa đều không có thứ nào làm chủ thể cả. Nếu nói lửa làm chủ

thể của lực nổ thì sao lửa hợp với thuốc lại sáng mà không nổ. Do đó ta có thể nói rằng lực nổ công phá các pháp này nó tồn tại ở nơi chơn không và khi đủ duyên thì phát tiếng nổ. Chơn không đồng nghĩa với chơn lý cũng chính là thực lý vậy

5. TÁC NHƯ VẬY: Mọi tác động của các pháp đều không do từ một pháp nào cả. Như vậy sự biểu hiện của mỗi pháp không thể làm chủ được các pháp, cho nên không có pháp này tác động được pháp kia. Mọi sự tác động nó đều do duyên hợp của các pháp và cuối cùng nó trở về chơn không, tịch diệt vắng lặng, chẳng bị pháp nào tác động cả. Vậy thì mọi sự tác động là do từ nơi động. Giữ không cho động và luôn tịch mặc thì mọi tác động vẫn nằm nguyên nơi chơn không, chẳng bao giờ bị pháp nào tác động.

6. NHÂN NHƯ VẬY: Các pháp chẳng có pháp nào do từ một nhân mà nó phải từ nhiều nhân hợp lại mới thành một pháp. Đức Phật, Bồ tát và người liễu ngộ được lý như thì không bao giờ xử dụng tâm ý cá thể để di chuyển các nhân này hợp lại thành một pháp, dù là pháp ác hay thiện. Khi tâm sở và tâm vương chuyển từng nhân duyên lại thành một pháp thì pháp ấy là giả pháp. Bởi vì nhân của pháp vốn nó là chơn, mà ta dụng tâm chuyển nó thì tự nhiên nó biến thành giả. Như vậy là mưu mô, cơ mưu gần đồng nghĩa với cơ khí. Do đó các bậc trí giả không dùng tâm sở, tâm vương, mà cứ để tự nhiên cho chơn tâm bừng khai hóa hợp mọi nhân duyên nhau mà thành mới gọi chơn pháp, hay các pháp từ nơi chơn không.

7. DUYÊN NHƯ VẬY: Các nhân đều chơn không và tự nhiên duyên hợp lại mới là pháp chơn không, pháp chơn thật, pháp như vậy. Pháp nào mà con người có ý dùng tâm duyên thành thì pháp đó không phải là pháp chơn thật hay pháp của chơn không.

Một bông hồng từ những nhân tự nhiên và khi nở hoa nó cũng từ các nhân tự nhiên, chúng cũng duyên hợp thành cây bông hồng. Trong lúc bông hồng nở hoa nó cũng tự nhiên duyên với sắc tố, đạm tố, và hương tố... Các tố ấy từ chơn không chớ không phải sắc màu chứa

trong lọ, hương thơm chứa trong chai, các nguyên tố chứa trong kho tàng. Duyên như thế mới là các nhân từ chơn không, các nguyên tố từ chơn không tự duyên nhau thành bông hồng. Được như thế mới là duyên chơn không, duyên từ thực tướng gọi là duyên như vậy. Ngược lại nếu một bông hồng được con người cố tâm làm ra bằng giấy, hoặc nhựa cao su thì dù có giống như bông hồng thực đi nữa thì nó cũng là bông giả vậy.

8. QUẢ NHƯ VẬY: Khi các tánh, tướng... nhất là nhân và duyên đều không từ thực tướng từ chơn không thì sự đắc quả cũng chơn không cũng thật tướng cũng như vậy. Quả như vậy là sự đắc quả theo pháp tu nhất thừa đều đưa đến cùng tốt của quả vị là thành Phật. Đức Phật thuyết tam thừa là phương tiện, người tu có chịu rời tam thừa để tự chứng đắc quả nhất thừa mới gọi là quả như vậy tức là quả chơn không, quả thực tướng, quả đạt được lý sự

chơn thật.

9. BÁO NHƯ VẬY: Quả chơn thật thì ảnh hưởng chơn. Sự báo ứng thấy đều chơn thật. Ma ba tuần là phi chơn thật, mà lại giả Phật để dễ mục thị cho tôn giả A Nan thì sự báo ứng đối với tôn giả A Nan vẫn là phi chơn thật. Một người chưa đủ các yếu tố chơn thật mà giả làm vị sư, dù có giống hết một nhà sư thật thì sự báo ứng vẫn là phi chơn thật, vẫn là nhà sư giả. Tu Pháp Hoa kinh là xóa bỏ tam thừa, nhập vào nhưt thừa, hành trì các pháp chơn thật tức là luyện được các pháp như thật: Tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả thấy đều như thật nên báo cũng là như thật.

10. RÓT RÁO NHƯ VẬY: Khi tin tưởng tuyệt đối vào Phật thừa, liễu ngộ Phật thừa tu luyện chứng đắc Phật thừa, tất cả đều khởi tu các pháp... (còn tiếp)

Đông Minh

*T*ôi đang sống như chưa từng biết sống
Xuân hồng tươi hoa nở rộ hồn tôi
Bát ngát hương thơm tình đời thơ mộng
Vũ trụ chan hòa khúc hát tình khôi.

*Bạn hãy cùng tôi cất tiếng hát vang
Vút tận trời cao, cuối tận biển sâu
Mừng hạnh phúc, yêu thương và an lạc
Về trên thế giới đổ nát tang thương.*

*Tôi đang sống như chưa từng biết sống
Nắng hạ vàng dẹt lụa trên sông xanh
Tiếng hát đầu xuân vẫn còn vang vọng
Tâm thức tràn đầy mây trắng đường xưa.*

*Bạn hãy cùng tôi phát bồ đề tâm
Dũng mãnh tu hành thoát khỏi biển mê
Bao đời tù đày trầm luân trôi nổi
Buông tất cả ta dạo bước sơn khê.*

*Tôi đang sống như chưa từng biết sống
Trên thanh long đỏ dưới hoa cúc vàng
Gió thu mát thay nắng hè oi ả
Đôi bồ câu âu yếm rìa lông nhau.*

Đạo Tâm

*Bạn hãy cùng tôi ngắm lá vàng rơi
Thực chiêm nghiệm cuộc đời vốn huyễn ảo
Sanh diệt lẽ thường duyên hợp duyên tan
Chấp thủ ngã gốc luân hồi sanh tử.*

*Tôi đang sống như chưa từng biết sống
Thương người nghèo đói lạnh giữa trời đông
Màn trời chiếu đất áo mỏng manh run
Da tím bầm tay chân cóng tê cứng.*

*Bạn hãy cùng tôi trải rộng tấm lòng
Giúp người hoạn nạn cơ hàn khôn khổ
Hành hạnh từ bi tùy hỉ đạo tâm
Đánh lễ Như Lai chí thành hồi hướng.*

*Thời gian luân chuyển tựa cánh thoi đưa
Tâm cảm nhận nhưng không hề rong ruổi
Hiểu vô thường, biết tánh không vạn pháp
An lạc chết và hoan hỉ tái sanh.*

Trí Lạc



Vai Trò Và Trách Nhiệm Của Người Cư Sĩ Phật Tử

Chức năng và vị trí của người cư sĩ Phật tử

Dù trong thời đại nào, vai trò và trách nhiệm ủng hộ đạo pháp đối với người Phật tử tại gia cũng rất là quan trọng. Phật tử tại gia là một bộ phận đông đảo, là một trong bốn chúng đệ tử của Phật. Ngược lại, một bộ phận khác, dù số lượng ít, nhưng rất quan trọng trong việc hướng dẫn giáo hóa đúng theo đường hướng Phật dạy, đó là bộ phận xuất gia. Trước khi trở thành tăng sĩ, tất cả cũng đều xuất thân từ cư sĩ. Do đó, việc tu học của người Phật tử tại gia rất quan trọng, nếu muốn trở thành người Phật tử xuất gia.

Lực lượng đông đảo này, trong thời Phật cũng như trải qua nhiều thời đại, nhờ hấp thụ sâu xa lời Phật dạy, nên việc tự tu cũng như việc ủng hộ Phật pháp duy trì và phát triển rất mạnh mẽ, khởi sắc. Ngày nay ánh sáng Phật giáo được lan tỏa khắp nơi, phần lớn cũng nhờ vào sự tham gia đóng góp tích cực lớn lao của người Phật tử tại gia.

Như vậy, chức năng và vị trí của người cư sĩ Phật tử trong việc nỗ lực tu tập, thực hành cũng như góp phần vào công cuộc phát triển Phật giáo khắp nơi, thật vô cùng quan thiết trong hiện tại và mai sau.

Sự tu học và đóng góp Phật sự của người cư sĩ Phật tử trong thời Phật

Nhìn lại, thời Phật có rất nhiều vị cư sĩ Phật tử ủng hộ Phật pháp rất tha thiết nhiệt tình. Tiêu biểu như vua Bimbisara, tức vua Tần bà sa la, vua cha của A xà thế, thái tử Kỳ đà, trưởng giả Cấp cô độc v.v... Những vị cư sĩ Phật tử này, ngoài việc họ tự tu, áp dụng lời Phật dạy vào đời sống hàng ngày ra, họ còn ủng hộ cúng dường nhiều phương tiện cho Phật và các hàng

thánh chúng đệ tử của Phật trong việc trợ tuyên chánh pháp, bằng cách thuyết giảng như trường hợp cư sĩ Hatheka bên nam và Suppavasa bên nữ.

Từ đó, nghiêm nhiên đã trở thành một truyền thống hộ trì chánh pháp, ủng hộ tăng già rất đắc lực của người cư sĩ Phật tử tại gia trải qua nhiều thời đại. Và cũng nhờ nhận hiểu giáo pháp nỗ lực tu tập, thực hành và góp phần truyền bá giáo pháp, nên Phật pháp càng ngày càng truyền bá rộng rãi và phát huy mạnh mẽ trên khắp năm châu bốn biển.

Trọng trách bảo vệ chánh pháp của người cư sĩ Phật tử qua mỗi thời đại.

Như trên đã nói, việc ủng hộ và góp phần xiển dương Phật pháp trải qua từ thời Phật cho đến ngày nay và mãi về sau, người Phật tử tại gia đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chánh pháp. Riêng về Phật tử Việt Nam, kể từ khi Phật giáo du nhập vào đất nước ta, từ đó đến nay, đã có rất nhiều vị cư sĩ luôn nỗ lực chung vai sát cánh cùng với chư Tôn Đức Tăng, Ni trong việc bảo vệ và hoằng dương Phật pháp. Dân tộc Việt Nam đã trải qua bao sự thăng trầm, vinh nhục, thịnh suy suốt chiều dài lịch sử, Phật giáo cũng theo đó cùng chung số phận. Bởi lẽ, dòng sinh mệnh của Phật giáo và dân tộc Việt có một sự gắn bó sinh tồn bất khả phân ly. Do ý thức được trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy Phật giáo, nên những lúc Phật giáo bị pháp nạn, thì người Phật tử tại gia luôn sát cánh cùng với tăng già đồng lao cộng khổ, quyết tâm chống lại bất cứ mọi thế lực vô minh nào nhằm tiêu diệt Phật giáo, dù phải hy sinh cả tánh mạng. Điều này lịch sử chứng minh quá rõ ràng: nhất là trong giai đoạn cận đại năm 1963, toàn thể Phật giáo đồ đứng lên chống lại bạo quyền nhà Ngô nhằm chiêu sách tiêu diệt Phật giáo.

Trong thời này, vì bảo vệ chánh pháp và đòi hỏi sự tự do bình đẳng cho Phật giáo, nên có rất nhiều vị cư sĩ Phật tử đã hy sinh.

Tóm lại, việc bảo vệ chánh pháp có nhiều cách, nhưng cách nào cũng nhằm vào mục đích duy nhất là tòi tà phụ chánh, nêu cao ngọn đuốc chánh tín, phá tan mọi bóng tối mê mờ. Nhiều Phật tử tại gia trí thức khéo sử dụng ngòi bút của mình để ngăn chặn và đánh tan mọi tà thuyết đã và đang tìm cách len lỏi xâm nhập vào ngôi nhà Phật giáo, làm lung đoạn, lung lạc niềm tin của Phật tử. Tất cả những việc làm trên đều là trách nhiệm chung của người Phật tử xuất gia và tại gia.

Xây dựng hạnh phúc gia đình và đóng góp xã hội của người cư sĩ Phật tử đặt trên nền tảng Phật giáo.

Giáo lý Phật dạy có chia ra làm năm thừa, mà nhơn thừa là nền tảng cơ bản. Mất yếu tố nhơn thừa thì những thừa khác sẽ không bao giờ được thiết lập. Giống như xây nhà lầu, nếu không có nền trệt làm cơ bản vững chắc, thì không một ai có tài sức nào mà có thể xây dựng được những tầng lầu kế tiếp. Nhưng muốn cho những tầng trên được vững chắc, bảo đảm, thì ta cần phải xây đúc nền móng cho thật kiên cố. Cũng thế, nhơn thừa là căn bản làm nền tảng nhân bản. Phật dạy tu nhơn thừa lấy ngũ giới làm căn bản. Người Phật tử tại gia chỉ cần gìn giữ đúng năm giới cấm Phật dạy, đó là yếu tố căn bản để xây dựng tròn phẩm giá nhơn cách trong hiện tại và mai sau. Đồng thời nó cũng là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình và xã hội. Thiếu sự hành trì năm giới hay năm nguyên lý đạo đức này thì, gia đình sẽ mất hạnh phúc và xã hội sẽ không bao giờ có được đời sống an bình. Vì thế, người Phật tử tại gia muốn bảo vệ hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội thì, mỗi người phải hạ quyết tâm gìn giữ năm điều răn cấm: "*Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu, cờ bạc, hút sách nghiện ngập v.v...*" Sự tu học, tham gia xây dựng và phát triển Phật giáo của người cư sĩ Phật tử trong thời hiện đại cũng như trong tương lai.

Hơn ai hết, người Phật tử đến với đạo Phật là

phải đến bằng trí tuệ, vì đạo Phật là đạo giác ngộ. Bản thân của Đức Phật là con người giác ngộ hoàn toàn. Thế nên, đã mệnh danh là Phật tử, con của đấng giác ngộ, thì ít nhiều gì chúng ta cũng phải có chất giác ngộ. Muốn thế thì chúng ta cần phải gia công nghiên tâm học hỏi. Văn, tư, tu đó là ba yếu tố hệ trọng mà người Phật tử dù tại gia hay xuất gia cũng không thể nào thiếu được. Sau khi trang bị cho mình có tuệ giác sắc bén rồi, từ đó, chúng ta mới tham gia vào những công việc phụng sự Phật pháp. Sự tham gia xây dựng phát triển Phật giáo có rất nhiều cách để người Phật tử tại gia thực hiện. Việc tham gia xây dựng và phát triển Phật giáo của người cư sĩ Phật tử, như trên đã nói, đã có từ thời Phật, khi Giáo đoàn đã phát triển lớn mạnh thành lực lượng Giáo hội, thì việc góp sức bằng tinh thần và vật chất của người Phật tử tại gia đương nhiên là phải có. Lịch sử Phật giáo nước ta cũng đã nêu ra chứng minh: có rất nhiều vị cư sĩ hộ pháp đắc lực, nhất là ở vào hai thời đại Lý, Trần, phần lớn các vua quan là những cư sĩ đóng góp tích cực trong công việc xây dựng và phát huy Phật giáo lớn mạnh. Rồi đến thời cận đại qua những phong trào chấn hưng Phật giáo, nhiều vị cư sĩ đã tận lực góp công vào việc xây dựng và phát triển này. Tiêu biểu như: Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Thiệu Chửu v.v... còn và còn rất nhiều vị khác nữa.

Nói tóm lại, sự tu học, tham gia xây dựng và phát triển Phật giáo, thời nào cũng có những Phật tử cư sĩ đóng góp tích cực, nổi bật. Tuy nhiên, dù đóng góp xây dựng, phát triển dưới dạng thức nào, việc trước tiên là đòi hỏi chính mình phải tu học, có lợi ích thiết thực trong đời sống thực tế, rồi sau đó, mới nói đến việc lợi người. Tinh thần vị tha là tinh thần cần phải có và luôn được hun đúc phát triển đối với người Phật tử. Dù hiện tại hay mai sau cũng thế. Nhưng phương pháp lợi tha như thế nào? Đó là điều mà chúng ta cần tìm hiểu biết rõ sau đây:

Phương pháp tự lợi và lợi tha của người cư sĩ Phật tử noi theo công hạnh Bồ tát.

Đạo Phật luôn chủ trương tự lợi và lợi tha phải song hành. Xét trên thực tế, trong khi tự lợi đã

ngầm chứa lợi tha. Thí dụ, một người giữ giới không trộm cướp, bản thân của họ được lợi lạc là không bị tù tội giam cầm, mà xã hội, những người chung quanh cũng được lợi lạc an ổn, vì không phải lo sợ về hành vi xấu ác của họ. Đó là xét trên phương diện tiêu cực. Tích cực hơn, không những mình lo tự lợi mà còn phải luôn nghĩ đến phải làm lợi ích cho mọi người, đó là công hạnh của Bồ tát. Để noi theo công hạnh, việc làm thiết thực của Bồ tát, người Phật tử xuất gia và tại gia nói chung, đặc biệt là người Phật tử tại gia nói riêng, cần phải áp dụng bốn phương pháp nhiếp hóa sau đây.

A. Bồ Thí

Bồ thí là cho khắp, không phân biệt thân sơ. Bồ thí là ngược lại lòng ích kỷ. Xã hội rối loạn, xấu xa, không an bình, phần lớn là do lòng ích kỷ hẹp hòi của con người mà ra. Bồ thí đòi hỏi con người phải có tình thương không vụ lợi. Một thứ tình thương xuất phát từ tấm lòng từ bi. Thương mà còn nghĩ đến mình, đến những người thân thuộc của mình, thì tình thương đó có ý mưu đồ và quá ích kỷ, đó là ái kiến chớ không phải lòng từ bi.

Đạo Phật là đạo từ bi, có nghĩa là cho vui và cứu khổ. Nỗi khổ của con người, nói theo Tục đế thế gian thì không thể nói hết. Nếu nói gọn thì chỉ có hai nỗi khổ: Tinh thần và vật chất. Hai thứ này có ảnh hưởng tác động lẫn nhau rất lớn. Muốn có đời sống tinh thần thoải mái, con người không thể quá thiếu thốn về vật chất. Cho nên, việc bố thí vật chất cho những người đói thiếu, nghèo khổ, đói khát, bệnh tật... cũng là một việc làm rất hữu ích cần thiết. Vì vậy, trong nhà Phật có nêu ra ba cách bố thí: "tài thí, pháp thí và vô úy thí".

Tài thí gồm có tiền của (ngoại tài), và thân mạng (nội tài). Người bố thí tùy theo khả năng và tài vật của mình mà cho. Tuy nhiên, đây cũng là cách tạm xoa dịu phần nào trong cơn đói khổ, yếu đau, túng thiếu mà thôi. Nó chưa phải là cách làm cho người ta hoàn toàn dứt khổ.

Vì vật chất không biết máy cho vừa. Bởi lòng tham của con người không đáy. Muốn cho họ

dứt khổ, bên cạnh tài thí, ta cần phải cho họ pháp thí nữa. Chỉ có pháp thí mới nhổ được gốc khổ của họ. Đây là phương cách nhổ gốc khổ cho họ, chẳng những trong hiện đời mà mãi mãi về sau nữa. Cho nên pháp thí rất là quan yếu trong việc giáo hóa. Tài thí không cần phải đối cơ, nhưng thật hành pháp thí thì cần phải đối cơ. Tùy trình độ hiểu sâu hay hiểu cạn giữa người nói và người nghe. Chúng ta không nên có mặc cảm là mình không hiểu Phật pháp thâm sâu làm sao bố thí. Chúng ta đừng quên chúng sinh đa bệnh, Phật pháp đa pháp hay đa môn. Chúng ta có thể đem những việc bình thường như tụng kinh, lễ Phật, ăn chay, niệm Phật v.v... ra chỉ dạy cho mọi người được hiểu biết, hành trì, thế cũng là bố thí pháp rồi. Muốn thực hiện việc pháp thí này được lợi ích cho nhiều căn cơ sai biệt, người Phật tử tại gia cần phải gia công nghiên tâm học hỏi giáo pháp của Phật nhiều hơn nữa. Thí pháp càng lan rộng thì người xu hướng về với Phật pháp càng nhiều mà hễ theo về càng nhiều thì cõi đời này càng bớt đi đau khổ.

Ngoài việc pháp thí, vô úy thí cũng không kém phần quan trọng. Bồ thí vô úy là cho mọi người cái không sợ. Cái sợ nhứt của con người là sợ chết. Người tu học Phật khá vững chắc sau khi nhận hiểu lý vô ngã, vô thường, sanh diệt của Phật dạy, rồi đem ra chỉ dạy cho mọi người, không phải chết là mất hẳn. Người tu Phật mà còn sợ chết là chưa hiểu gì về đạo Phật cả. Sau khi nhận hiểu thiết thực rồi, họ không còn sợ chết nữa. Chết đã không sợ thì thử hỏi trên đời này còn có thứ gì làm cho người ta phải lo sợ nữa chớ! Đó là bố thí vô úy vậy.

B. Ái Ngữ

Ái ngữ là lời nói nhã nhặn, dịu dàng, êm ái, khiêm tốn. Tục ngữ có câu: "*Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*". Người Phật tử tại gia khéo ứng dụng lời nói mềm mỏng, ngọt ngào, hiền hòa, ai nghe lại không thích. Cũng một lời nói ra, người ta có cảm tình với mình liền. Ngược lại, có người vừa thốt ra lời nói, thì người nghe thiếu điều muốn bịt cái lỗ tai lại. Vì họ không thể chịu nổi những lời nói cay cú, châm biếm, bươi

móc mĩa mai của người nói. Thế nên, muốn cảm hóa người khác nghe theo mình, nhứt là trong việc hướng dẫn dắt người ta trở về với con đường chơn chánh, mà mình không áp dụng phương pháp ái ngữ Phật dạy này, thì không thể nào nhiếp hóa được ai. Đời vốn dĩ đã khổ nhiều rồi, họ rất cần những lời ái ngữ của chúng ta để đem lại sự an vui tươi mát cho họ.

C. Lợi Hành

Lợi hành cũng là một phương cách rất thực tiễn trong việc nhiếp hóa. Làm lợi ích cho người với một công tâm không vụ lợi, ai lại không thích. Thuở xưa, Ngài Trì Địa Bồ Tát suốt đời Ngài đi gánh từng gánh đất để đắp đường, hoặc bắt cầu để cho khách đi đường được tiện lợi. Thấy người già gánh nặng, Ngài thay thế gánh giúp họ, hoặc phụ người đẩy những cỗ xe lên dốc cao v.v... bất luận việc nhỏ hay việc lớn gì, Ngài cũng không từ nan, miễn sao làm cho mọi người được an vui là Ngài đã mãn nguyện rồi. Đây là một tấm gương hành thiện mà chúng ta cần phải noi theo.

Việc làm lợi ích cho tha nhân là đem lại một niềm vui thiết thực cho ta và người. Điều này nếu chúng ta chịu khó chiêm nghiệm lại thì sẽ thấy rất rõ. Tuy nhiên, điều quan trọng mà ta cần phải lưu tâm là làm lợi lạc cho người, từ ý nghĩ đến hành động, nhất thiết ta không nên để tâm dính mắc vào việc làm của ta. Có thể thì việc làm lợi người mới có kết quả tốt đẹp. Bằng ngược lại, có đôi khi ta bị bản ngã làm lu mờ và tác dụng có thể làm trái ngược lại.

D. Đồng Sự

Đồng sự nhiếp là một phương pháp rất hữu hiệu trong việc cảm hóa tha nhân. Cùng làm một việc, hay một nghề thì dễ dàng cảm thông với nhau hơn. Có nhiều người dù họ chưa học hỏi qua hạnh đồng sự nhiếp này, nhưng chính bản thân của họ cũng đã thực hiện công hạnh này một cách rất tự nhiên và có một kết quả rất tốt đẹp. Họ không dùng lời nói cao siêu thuyết giảng để chiết phục tha nhân, mà họ chỉ cần lẫn xả vào làm chung một công việc và điều

quan trọng là họ làm trong một ý thức trong sáng. Nhờ thế mà họ chóng gây cảm tình với bạn đồng nghiệp một cách dễ dàng. Khi đã có cảm tình rồi, từ đó là cơ hội tốt để họ hướng dẫn những người bạn mới trở về con đường chánh đạo. Cho nên, đồng sự nhiếp là một cách rất dễ cảm hóa mọi người, nhưng đòi hỏi chúng ta phải có chất lượng của một người luôn tinh thức. Muốn cảm hóa người, trước hết, chúng ta phải chuyển hóa khắc phục tánh xấu của mình. Có thế, thì chúng ta mới thành công trong công hạnh độ sanh của Bồ tát. Về điểm này, người cư sĩ Phật tử có nhiều cơ hội tốt hơn để hướng dẫn người khác tu hành trong chiều hướng an vui giải thoát.

Tóm lại, bất luận thời nào, vai trò và trọng trách của người cư sĩ Phật tử cũng rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy Phật giáo. Nếu chỉ có giới tăng già không thôi, thì không thành ý nghĩa Giáo hội Phật giáo.

Ngoài bốn phạm tu học tự lợi cho mình ra, người Phật tử tại gia còn phải năng nổ trong việc tham gia xây dựng và phát triển Phật giáo, tùy theo khả năng và hoàn cảnh xã hội mà mình đang sống. Sự hỗ trợ trong việc phụng trì Phật pháp giữa hàng xuất gia và tại gia rất quan thiết như thuyền với nước. Thiếu một trong hai yếu tố này, thì ta không thể nào đến Niết bàn, Đức Phật đã di huấn rõ ràng cho bốn chúng "Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni, Cư sĩ nam và Cư sĩ nữ". Về việc duy trì mạng mạch Phật pháp, mỗi chúng đều có một trách nhiệm. Trách nhiệm của giới tăng già là hành trì tinh nghiêm giới luật và luôn hoằng pháp lợi sinh. Đó là trách nhiệm: "*Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự*". *Phò trì mạng mạch, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức*".

Bên cạnh đó, người Phật tử tại gia, Phật cũng đã nêu rõ trọng trách, ngoài việc tự tu, còn phải có trách nhiệm ủng hộ cúng dường tăng già, để giúp cho giới tăng già có đủ phương tiện để hoàn thành sứ mạng: "*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*". Có thế thì Phật pháp mới được truyền lưu trên thế gian này để lợi lạc cho khắp cả chúng sanh.

Tịnh Đức

Dòng Tâm Thức



Mặt trời đang dần dần khuất dạng sau lưng đồi. Một ngày sắp hết. Ngày bình thản đến và an nhiên ra đi trong tĩnh lặng. Vài cánh chim bay lượn trên bầu trời bao la, tiễn đưa ánh nắng cuối ngày mỗi lúc một nhạt dần, vàng úa. Tiếng chim gọi đàn về tổ, vang rền cả một không gian tĩnh mịch, như một bản nhạc hòa tấu với nhiều tiết điệu khác nhau, nhưng lại quyện lẫn vào nhau thành một bài trường ca vời vợi như lời ru của mẹ. Lời ru của mẹ ngàn đời là nguồn sống dạt dào, đầy nâng niu, ấp ủ, dịu dàng, chặt chiu.

À ơi! Con ngủ đi con
Mẹ ru con ngủ cho tròn tuổi thơ
Ru con ấp ủ mộng mơ
Ru con! Vật đời sao đời vẫn ru.

Hạnh phúc thay lời ru của mẹ! Hạnh phúc thay tiếng chim gọi đàn. Chim còn biết thương nhau, sao người nữ phụ phàng, nữ nhữ tâm tranh giành giết hại lẫn nhau. Danh lợi! Tham vọng! Tài sắc! Tất cả cuối cùng chỉ là phù phiếm mà thôi. Biết bao giờ nhân loại mới thực sự thức tỉnh, tuân theo lời Phật dạy, tu tánh chuyển tâm, lánh dữ làm lành, để thế giới thực sự có được bình yên, sướng vui và an lạc.

Lá vàng từng chiếc rơi lững lơ trong gió. Gió thổi hoa buồn nhẹ lay. Cảnh vật sao mà giống thế. Người xa xứ dạ luống ngẩn ngơ bồi hồi, nhớ nhà da diết. Nhiều năm rồi lưu lạc, từ tóc xanh đến tóc điểm sương. Hoài bão thời thanh xuân theo ngày tháng phai nhạt trở thành dĩ vãng. Bầu nhiệt huyết từng đêm, từng đêm lặng lẽ nguội dần trong ray rút. Nỗi đau thâm lặng. Cầu nguyện cho đồng bào, dù sống trong tận cùng thống khổ, vẫn giữ được thanh lương. Người biết thương người, dắt dìu nhau vượt qua cơn sóng gió, đến được bến bờ an vui, cùng nắm chặt tay nhau hát vang bài ca tươi sáng.

Người ơi! Đừng tuyệt vọng. Vì cuối tận cùng tuyệt vọng là tin yêu sáng lạn, giữa muôn trùng

nghiệt ngã có một góc bình an. Cây vẫn thẳng sau cơn giông bão, hoa vẫn nở dù mưa gió phủ phàng. Nhân loại dẫu trầm luân trong bể khổ, nhưng nụ cười Bồ Tát và ánh mắt Như Lai vẫn hằng hiện hữu bao trùm khắp cả mười phương, chiếu sáng không sót một ai.

Tôi không viết nữa những vần thơ sầu muộn, vì cuộc đời không chỉ có thương đau. Tôi không viết nữa những vần thơ khóc than sanh ly tử biệt, vì cuộc đời vốn dĩ vô thường. Khô! Hận! Tham! Ái! Tất cả chỉ là ý niệm. Gió thổi mây tan thì trăng sáng vàng vọt, thoang thoang đâu đây mùi kinh kệ trầm hương giúp người thoát tục. Tôi sẽ viết những bài thơ ca ngợi sự sống mãnh liệt của dân tộc, những tấm gương hy sinh cao cả và oanh liệt. Tất cả chỉ vì sự tồn vong của dân tộc và đất nước. Một ngàn năm nô lệ, một trăm năm thuộc địa, hai mươi năm nội chiến, bốn mươi năm tù đầy dưới bạo quyền thống trị. Người người nằm xuống cho nhân thế yêu thương. Người người đứng lên cho hạnh phúc, tin yêu và tình thương trở về trên đất nước tang hoang đổ nát, cho ánh sáng quang vinh tái hiện xưa tan đêm dài tăm tối.

Ánh nắng cuối ngày đã tắt. Màn đêm buông xuống. Tôi vẫn còn nấn ná bên con sông nhỏ. Nước sông chậm chậm lặng lẽ trôi chảy, không gian vắng lặng, cảnh vật yên tĩnh, nhưng lòng tôi lại đầy đầy những cơn sóng nhỏ. Tôi bùi ngùi tự hỏi: Tôi là ai? Tại sao tôi có mặt nơi này?

Để làm gì? Tôi đang sống hay chết? Đây là quê hương đích thực của tôi? Đây là cội nguồn tâm linh để tôi nương tựa? Bao nhiêu đời rồi tôi vẫn còn là chiếc lá vàng lững lơ, chỉ cần một cơn gió thoảng, chiếc lá sẽ rơi. Lá vàng

roi rồi lá xanh mọc. Rồi lại vàng rơi, rồi xanh mọc. Cứ thế tuần hoàn, thay đổi đổi thay, nhưng tựu trung vẫn là chiếc lá. Một chiếc lá mỏng manh, dễ tan dễ vỡ giữa giông bão cuồng phong.

Bao nhiêu kiếp rồi, tôi vẫn còn là con thuyền chứa đầy những tạp vật, lênh đênh giữa đại dương mênh mông, phiêu dạt bèo bồng không bến đỗ. Thuyền cứ mãi trôi, trôi mãi, xuôi ngược, ngược xuôi, lòng vòng lẩn quẩn, tạp vật mỗi lúc mỗi nhiều. Thuyền nặng quá rồi. Chỉ cần một cơn sóng dữ, thuyền sẽ không còn. Thuyền nặng bị nước nhận chìm sâu dưới đáy đại dương. Thật nhanh như người gây quá nhiều ác nghiệp, nhất là phạm tội ngũ nghịch, vừa qua đời là đọa ngay vào địa ngục.

Con sông nhỏ trước mắt tôi đây, có chăng, sẽ xuôi ra đại dương rồi trở về nguồn. Trăm sông đổ về biển. Thật chẳng? Chỉ có những con sông lớn có lưu lượng mạnh mới đủ sức vượt ghềnh vượt thác ra đại dương mênh mông, hòa nhập vào thế giới rộng lớn bao la, để sông là biển, trong biển có sông. Còn những con sông, con lạch nhỏ, nếu không có được sự khai mở thì muôn đời cứ xuôi chảy trong phạm vi hạn hẹp nhỏ nhoi. Rồi cũng có lúc khô cạn trở thành vũng lầy như nhớt.

Tôi là con sông nhỏ hay lớn đây? Nếu muốn là con sông lớn, tôi phải tập buông xả, giảm thiểu lòng tham ái, thực hành hạnh từ bi để chuyển hóa thăng hoa cuộc sống, nhất là lãnh vực tâm linh. Đường về nhà vẫn còn xa lắm. Nhưng tôi tin chắc rằng, nếu tôi hành trì đúng theo lời Phật dạy thì đường tôi đi sẽ có hoa nở dưới chân, chim hót trên đầu. Con đường vang vọng tràn đầy lời kinh chú nguyện, giúp tôi rời xa hồng trần, thoát khỏi biển mê. Quê hương là tôi. Tôi là cội nguồn tâm linh.

Mùa Phật đản lại về. Phật tử khắp năm châu hân hoan thiết lễ mừng ngày Phật thị hiện giúp chúng sanh Tri Kiến Phật. Ngày Phật ra đời, dưới chân sen nở, trên trời nhạc vang, mười phương vang động. Vạn vật cùng nhau ca hát vui mừng đón điềm lành. Phật thị hiện vì đời, rồi vì đời mà xa đời tầm đạo. Đắc đạo rồi trở lại đời truyền bá giáo pháp cứu độ chúng sanh.

Đạo và đời chưa hề chia cách. Và vì đạo và đời tương ứng nên giáo lý Phật dạy luôn luôn tỏa sáng, dù đã qua hơn 25 thế kỷ vẫn hợp khế lý khế cơ. Bốn mươi chín năm chuyển pháp luân, với đôi chân trần, Đức Thế Tôn đã vượt muôn dặm đường xa, không hề ngăn ngại. Tất cả chỉ vì lòng từ thương xót chúng sanh trầm luân trong phiền não khổ đau, sáu nẻo luân hồi.

Cúi lạy Đức Thế Tôn! Con chí tâm đánh lễ Đức Như Lai. Lạy thứ nhất: con tôn kính Ngài là bậc xả ly tham dục hoàn toàn trọn vẹn. Lạy thứ hai: con tôn kính Ngài là bậc giác ngộ viên mãn. Lạy thứ ba: con tôn kính Ngài là bậc có lòng từ bi vô lượng vô biên, pháp thí bình đẳng. Lạy thứ tư: con nguyện tu theo lời Ngài dạy.

Tôi nhẹ bước ra về, sau lưng là con sông nhỏ. Thế gian vô thường. Về đi thôi, đừng ngại ngừng nói lời biệt ly. Cám ơn ánh chiều tà. Cám ơn tiếng chim gọi đàn. Cám ơn mùa Phật Đản. Cám ơn tất cả.

Tịnh An





Buổi sáng mùa thu tại Dame Phyllis Frost Centre

Mỗi một mùa trong năm đều mang một vẻ đẹp riêng do thiên nhiên tạo ra. Nhưng với tôi có lẽ mùa Thu trong lành và đẹp nhất. Mùa Thu nơi đây bắt đầu từ tháng ba đến tháng năm. Dấu hiệu đầu tiên của mùa Thu đến là những chiếc lá đã bắt đầu chuyển mình để chuẩn bị đổi màu, không khí trở nên mát mẻ hơn, làm dịu đi cái nắng gay gắt của mùa hạ chói chang. Sáng nay, gió thu nhẹ nhàng thổi, ánh nắng ban mai dịu dịu sưởi ấm cho tất cả muôn loài. Sáng hôm nay không khác những sáng thứ Bảy khác, tôi chậm chậm dừng xe và đậu vào car park của Dame Phyllis Frost Centre, một trại tù nữ của tiểu bang Victoria, Australia.

Nơi đây, tôi vẫn nhớ như in cái cảm giác của tôi những năm về trước khi tôi mới bắt đầu với công việc này, cảm giác xáo trộn trong tôi, một chút hồi hộp, một chút lo lắng, ưu tư hoà lẫn với cảm giác hạnh phúc. Hồi hộp vì tôi chưa bao giờ đặt chân tới nơi đây, không biết những Chị Em nơi đây nghĩ gì về công việc của tôi. Lo lắng ưu tư vì không biết tôi có thể chia sẻ phần nào trong nỗi đau của các Chị Em nơi đây. Hạnh phúc vì tôi thực hiện được ước mơ của mình, ước mơ mang sự hiểu biết hạn hẹp về Phật Pháp để chia sẻ cho những người hữu duyên để họ có thể đem những lời dạy của Đức Phật áp dụng vào cuộc sống nơi đây hầu xoa dịu những nỗi khổ đau và tìm được chút bình yên trong thân tâm của mình.

Thấm thoát mà đã mấy mùa Thu trôi qua kể từ ngày đầu tiên tôi đến nơi đây và bắt đầu với công việc Tuyên Úy Phật Giáo này, công việc này giờ đây không còn lạ lẫm với tôi nữa mà nó đã rất quen thuộc, tôi cảm thấy có một sự gắn bó với nơi này và với công việc của mình. Nhìn đồng hồ đã 8:30, tôi check lại những tài

liệu về Phật Pháp cần mang vô để chia sẻ cùng các Chị Em nơi đây, tài liệu Tiếng Việt và cả tiếng Anh. Ra khỏi xe, tôi chậm chậm bước vào cửa check in của DPFC, đầu đó có tiếng chim đang líu lo như để chào mừng một buổi sáng đẹp, một buổi sáng mùa thu trong lành và mát mẻ. Tôi cảm thấy thân tâm mình khoan khoái, một cảm giác thật bình an. Không khí trong lành pha lẫn chút mùi thơm của cỏ tươi làm cho tôi thật dễ chịu, tôi khoan thai hít thở nhẹ nhàng. Bao giờ cũng vậy, khi bước vào cổng để làm thủ tục check in, khi các Nhân Viên ở đây biết công việc của tôi là Tuyên Úy Phật Giáo, họ đều nở một nụ cười rất thân thiện và thăm hỏi về chương trình trong ngày của tôi, điều đó là một niềm động viên lớn cho tôi, làm cho tôi cảm thấy vui hơn với công việc của mình và biết rằng trong mắt của các nhân viên nơi đây, công việc của tôi thật sự có ích và mang lại niềm vui và sự bình yên trong tâm hồn cho các Chị Em nơi đây.

Sau khi check in, tôi lấy chìa khoá của chapel, đó là nơi mà các Chị Em nơi đây gọi là Chùa, trước mặt tôi là cánh cửa của ngôi chùa ở DPFC, gần 9h sáng nhưng có vài người đã ngồi chờ, vài Chị người Úc và một vài Chị Em người Việt ngồi trước cửa chùa, mọi người nở nụ cười chào đón tôi, tôi cười đáp lại sự chào đón của mọi người và thăm hỏi các Chị Em về một tuần qua. Tôi tra chìa khoá vào ổ khoá và mở cửa. Chúng tôi bước vào, cùng nhau sắp xếp chỗ ngồi, chung bày bàn thờ Phật. Chẳng mấy chốc, 3 tượng Phật, chuông mõ đã được sắp xếp ngay ngắn trên bàn thờ. Những chiếc bồ đoàn được xếp ra theo 4,5 hàng dài. Tôi thắp một nén hương, Chị Em bắt đầu ngồi xuống trên chiếc bồ đoàn và hướng về bàn thờ Phật.

Gần 9:30, một số Chị Em nữa đến, sáng hôm

nay, các Chị Em đến khá đông, gần 30 người, trong đó gần 20 người Việt Nam và 10 người của các Sắc Tộc khác.

Các Chị Em đến Chùa hay mang theo một cái gì đó, có người mang theo một bình hoa mà các Chị đã hái được ở khu vườn của mình, có Chị mang tới những đĩa bánh và xôi thật thơm ngon do chính tay các Chị đã dậy thật sớm để làm, đem vào dâng lên cúng Phật, các Em tay cầm những đĩa trái cây, một bọc bánh tây để lên bàn thờ. Khuôn mặt các Chị Em mỗi người một vẻ, ưu tư, lo lắng, vui mừng nhưng đâu đó ánh mắt lo âu và nỗi nhớ nhà, nhớ người thân và niềm ao ước được về với người thân và gia đình không thể che giấu được. Các Chị Em đã tâm sự với tôi mỗi khi bước chân vào ngôi Chùa này và nhìn được bức tượng Phật, lòng các Chị Em cảm thấy an lạc nhẹ nhàng, nỗi lo lắng ưu tư được vơi đi chút xíu. Tôi cảm nhận được một sự trang nghiêm trên khuôn mặt của tất cả các Chị Em khi bước vào ngôi chùa. Tôi nhìn lên bức tượng Đức Phật một hình ảnh thanh tịnh, nét từ bi bao dung, đầy tình thương của Ngài với tất cả chúng sanh. Tôi thấy mọi người và tôi như tắm mát trong tình thương bao la và lòng từ bi của Đức Phật. Tôi nhìn xung quanh xem các Chị Em đã sẵn sàng cho buổi lễ công phu sám hối chưa. Đúng 9:30 chúng tôi bắt đầu buổi sáng bằng một thời kinh sám hối bằng tiếng Việt. Một số Chị Em người Úc hoặc những sắc tộc khác không biết tiếng Việt ngồi im lặng, nhắm mắt và theo dõi hơi thở, hòa mình vào những âm thanh trầm lắng và tiếng chuông mõ. Những lời kinh của các Chị Em vang lên, tiếng tụng kinh lúc trầm lúc bổng làm cho tôi cùng những người nơi đây cảm nhận một cảm giác thật an lành, mọi nỗi buồn như tan biến vào hư không, một sự bình yên trong lòng mọi người. Mùi thơm của hoa lá đưa đến cùng với mùi hương thơm của những nén nhang quyện lại nhau như đem những ưu tư, buồn phiền bay theo những cơn gió. Ngoài kia xung quanh ngôi chùa, tiếng gió thì thổi trên những ngọn cây như lời giảng dạy của Đức Mâu Ni hơn 2000 năm còn vọng lại, tiếng chuông ngân nga nhịp nhàng hòa theo gió rồi tan dần trong không gian lặng lẽ như đem lòng từ bi của Đức Phật chan rải khắp trần gian, một sự bình an vô biên trải dài

trong tâm hồn tôi cùng những người xung quanh.

Sau buổi lễ công phu sám hối, tôi và các Chị Em cùng đi kinh hành, những bước chân của các Chị Em nơi đây không còn xa lạ mà trở nên rất quen thuộc trong việc đi kinh hành này. Hơn 20 người chúng tôi nối đuôi nhau đi theo một vòng tròn trong tiếng niệm Phật A Di Đà. Giây phút đó, đối với tôi là Tịnh Độ, là Niết Bàn, là những giây phút mà chúng tôi đã tìm được sự bình an và hạnh phúc ngay trong hiện tại và nơi chính mình.

Nhiều hôm trong lúc tụng kinh hay đi kinh hành, có vài Chị ngồi nhắm mắt hay bước những bước đi kinh hành nhưng hai hàng nước mắt lăn dài trên đôi má và khuôn mặt in hằn những nỗi khổ niềm đau của Chị. Sau khi buổi tụng kinh và kinh hành kết thúc, Chị vừa lau vội những giọt nước mắt, Chị vừa chia sẻ với tôi rằng dù không hiểu một lời của bài kinh sám hối hay câu niệm A Di Đà Phật trong lúc đi kinh hành vì Chị không phải là người Việt nhưng Chị cảm thấy tâm hồn mình thật bình an, một cảm giác mà đã lâu lắm rồi Chị đã không hề cảm nhận được bởi vòng quay của cuộc sống, bởi bất phong của cuộc đời. Khi đến nơi đây, ngôi chùa này, Chị đã hòa mình vào những lời kinh và câu niệm Phật, Chị đã tìm lại được chính mình nên Chị đã chia sẻ đó là những giọt nước mắt của bình an và hạnh phúc.

Sau buổi kinh hành chúng tôi cùng nhau ngồi xuống dùng những cái bánh, miếng xôi, trái cây mà các Chị Em đã mang đến cúng Phật, có nhiều Chị Em phải vội vã đi làm hoặc có những cuộc thăm nuôi của gia đình, những người còn lại chúng tôi cùng nhau chia sẻ Phật Pháp. Phần này đặc biệt là các Chị Em người Úc rất thích, có khi họ là những người của các Đạo khác hoặc không có một niềm tin gì về tôn giáo. Các Chị Em đưa ra những câu hỏi và thắc mắc hoặc muốn tìm hiểu về Đạo Phật, trong những buổi thảo luận và chia sẻ như thế này tôi đã luôn cố gắng trả lời theo sự hiểu biết ít ỏi của mình, cũng có khi tôi chỉ chia sẻ những mẫu chuyện nhỏ nhỏ mà tôi sưu tầm được nhưng có những ý nghĩa thật sâu sắc

hoặc mang một ý nghĩa Phật Giáo để giúp tinh thần của các Chị Em trong cuộc sống hàng ngày. Sau đó các Chị Em cùng tôi thu xếp gọn gàng lại ngôi chùa. Các Chị Em chia tay tôi hẹn gặp tôi vào tuần sau trong khuôn mặt vui tươi, tâm hồn nhẹ nhàng và hoan hỉ.

Phần còn lại trong ngày của tôi là gặp riêng các Chị, Em. Cuộc gặp gỡ riêng chỉ có tôi và Chị, Em làm cho họ thoải mái hơn để chia sẻ với tôi. Chị, Em muốn được gặp riêng tôi có khi vì đang khổ đau và cần một lời khuyên, hay để chia sẻ những niềm đau mà các Chị Em đang phải đối diện, những xung đột với người thân và gia đình hoặc những điều mà các Chị Em đã áp ủ trong lòng và ray rứt nhưng chưa được cơ hội giải tỏa. Các Chị Em đến tìm gặp tôi trong tâm trạng đau buồn, có khi là bế tắc. Trong những cuộc nói chuyện, có khi chỉ toàn là nước mắt, có khi là những kỷ niệm và những hạnh phúc nhỏ nhoi trong quá khứ mà Các Chị Em muốn chia sẻ với tôi. Đôi khi, tôi không có câu trả lời hay một giải pháp nào cho các Chị Em nhưng sự hiện diện, lắng nghe để chia sẻ những nỗi khổ niềm đau đó có một ý nghĩa lớn đối với các Chị Em. Có khi tôi cũng dùng những hiểu biết của mình trong Phật Pháp như là một vài lời dạy của Đức Phật hay một câu kinh nào đó để an ủi, động viên và giúp cho các Chị Em có thêm niềm tin và nghị lực để vượt qua được những ngày tháng khó khăn nơi này. Sau những buổi nói chuyện, khuôn mặt các Chị Em có phần nào được vui hơn, được nhẹ nhàng hơn, lau vội đi những giọt nước mắt còn đọng lại trên khuôn mặt của mình và nở nhẹ một nụ cười trên môi trước khi chúng tôi nói lời chia tay. Đưa Chị ra cửa, nhìn dáng Chị xa dần cửa chùa để trở về “nhà” của Chị, trong bộ đồng phục chung nơi đây, tôi cảm thấy lòng mình quặn thắt. Tôi quay trở vào Chùa, có khi lặng người, ngồi xuống chiếc bồ đoàn, nhắm mắt lại, theo dõi hơi thở của mình để tìm lại được sự bình an trong tâm hồn. Tôi nguyện với lòng mình sẽ cố gắng cuộc hành trình này, một đóng góp thật nhỏ nhoi để xoa dịu những nỗi khổ, niềm đau cho những người hữu duyên với mình.

Tôi cảm thấy mình thật may mắn, còn gì sung sướng bằng khi tôi đã được học hỏi và trao đổi

giáo lý của Đức Phật. Tôi cảm ơn các Chị Em đã tạo điều kiện cho tôi được chia sẻ kiến thức Phật Pháp hạn hẹp của mình, các Chị Em là những người đã thúc đẩy tôi phải học hỏi và tìm hiểu nhiều hơn nữa để tôi tiếp tục chia sẻ. Tôi cảm ơn các Chị Em nơi đây đã yêu thương tôi, chấp nhận tôi và tin tưởng tôi, đã mở lòng ra và chia sẻ với tôi những điều mà các Chị Em đã chưa bao giờ chia sẻ được với ai. Tôi cảm ơn các Chị Em đã cho tôi cơ hội để mỗi buổi sáng Thứ bảy hàng tuần tôi được tụng một bài kinh sám hối cho lòng mình được nhẹ nhàng, những giờ phút đi kinh hành thật sự mang lại an lạc cho bản thân tôi. Tôi cảm ơn các Chị Em nơi đây đã tạo điều kiện cho tôi hiểu biết thêm những kinh nghiệm sống, học hỏi những kinh nghiệm này giúp cho tôi rèn luyện thêm nghị lực để tôi có thể tiếp tục bước tiếp trên hành trình nhiều thử thách này.

Rất nhiều người hỏi tôi động lực gì đã làm cho tôi chọn một việc làm với nhiều thử thách như thế này và động lực gì để tôi có thể tiếp tục bước đi..

Động lực để tôi chọn công việc này là vì tôi có niềm tin mãnh liệt vào giáo lý của Đức Phật, tôi tin tưởng rằng nếu chúng ta học Phật và áp dụng được giáo lý của Ngài thì chúng ta sẽ có được cuộc sống an lạc dù cho ta đang sống ở nơi đâu và trong hoàn cảnh như thế nào. Tôi cũng tin tưởng rằng mỗi chúng ta sinh ra đều có Phật tánh như lời Đức Phật đã nói “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Tôi tin rằng với lòng yêu thương và sự cảm thông chúng ta có thể giúp cho sự chuyển hóa để mọi người thấy được Phật tánh của mình.

Động lực để tôi tiếp tục bước đi trên con đường này dù cho có bao nhiêu thử thách đó là những lá thư và những lời chia sẻ của các Chị Em đã nói hoặc viết để lại cho tôi trước khi rời nơi đây và được trở về với gia đình, có khi chỉ là vài dòng viết tay ngoằn ngoèo trong vội vã bằng tiếng Anh hay có khi là một lá thư dài 3,4 trang của các Chị Em người Việt, đó là những lời cảm ơn thật chân thành, những lời cầu chúc cho tôi có đầy đủ sức khỏe để tôi có thể tiếp tục vào với các Chị Em còn ở lại, đó là những lời các Chị Em cảm ơn tôi đã mang lại cho họ

những giây phút bình an bằng những lời động viên, an ủi, những buổi tụng kinh và đi kinh hành đã giúp các Chị Em tìm về với cuộc sống tâm linh của mình, như là những giọt nước mưa rơi tưới tẩm lên mảnh đất thật khô cằn, để giúp cho các Chị Em có thêm niềm tin và sức mạnh, để các Chị Em có thể tiếp tục bước đi trong hoàn cảnh mà họ phải đối diện với bao nhiêu khó khăn và thử thách ở nơi đây.

Những buổi sáng sau khi rời DPFC, một đoạn đường thật dài, tôi lái xe trở về nhà, đâu đó tiếng "Cô" thân thương mà mọi người đã dành cho tôi vẫn còn vang vọng bên tai tôi, tiếng "Cô" đó chỉ là một ngôn từ rất bình thường của thế gian, nhưng đối với tôi nó chứa đựng cả một tình thương thật bao la, tiếng "Cô" đó đã cho tôi thêm nhiều sức mạnh để tôi bước tiếp, để tôi tiếp tục thực hiện mơ ước của mình, ước mơ đem lại niềm vui, sự bình an và đem chút hiểu biết Phật Pháp của mình để xoa dịu những nỗi khổ niềm đau cho các Chị Em nơi đây.

Cuối cùng con xin được cảm ơn Thầy Thích Phước Thái, Thầy đã động viên và khuyến khích con rất nhiều trong công việc này, Thầy cũng đã động viên con viết lên bài viết này, để nói lên những công việc con đã và đang làm để cùng chia sẻ với mọi người. Nếu không có sự động viên của Thầy thì con không bao giờ có ý nghĩ sẽ viết một bài viết như thế này và có lẽ những công việc con đã và đang làm cũng là sự âm thầm và lặng lẽ như bao nhiêu năm vừa qua. Những bài giảng và hàng trăm câu hỏi Phật Pháp của Thầy đã và sẽ là công cụ giúp cho con trên con đường tìm hiểu và trao dồi kiến thức Phật Pháp của mình. Xin Thầy nhận nơi con lòng thành kính và tri ân Thầy.

Dame Phyllis Frost Centre - Mùa Thu 2016

Hoa Vô Ưu

*Phật đản đã về rồi đó anh
Chị ơi! dâng cúng một tâm thành
Về chùa lễ Phật thành tâm nguyện
Nguyện cõi nhơn gian hết chiến tranh*

*Phật đản đã về rồi đó em
Xe hoa lễ hội đón mừng xem
Hương thơm phảng phất mùa sen nở
Tiếng gọi tình thương chẳng nệ hèn*

*Phật đản đã về rồi đó ba
Từ bi trải rộng khắp chan hòa
Gương xưa đạo hạnh xa mùi tục
Đạo quả viên thành Tất Đạt Đa*

*Phật đản đã về rồi đó con
Vô ưu hoa nở mãi vẫn còn
Ngàn xưa vạn vật đều thay đổi
Tâm thể vĩnh hằng dạ sắc son*

P. T.



Phật Đản

Nhất Đại Sư Nhân Duyên

Chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sư nhân duyên cố xuất hiện u thế. Chư Phật Thế Tôn dục linh chúng sanh khai Phật tri kiến sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện u thế. Dục thị chúng sanh Phật tri kiến cố, xuất hiện u thế. Dục linh chúng sanh ngộ Phật tri kiến cố, xuất hiện u thế. Dục linh chúng sanh nhập Phật tri kiến cố, xuất hiện u thế.

Kinh Pháp Hoa (Phật Cáo Xá Lợi Phất)

Khi Đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật tại thành Vương Xá thể theo thỉnh nguyện của chư Bồ Tát và đệ tử để tuyên giảng Kinh Pháp Hoa, thì có năm ngàn vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di tức thì cùng đứng dậy, đánh lễ Đức Thế Tôn mà lui ra bởi vì họ đều là những vị “chưa được đắc mà đã tự cho được đắc, chưa chứng mà tự cho đã chứng”, tự tin rằng mình đã đạt đến cảnh giới cứu cánh viên mãn, không muốn nghe lại những lời hướng dẫn về “pháp Nhất Thừa” do đó họ đứng dậy bỏ đi vậy.

Kinh điển có ghi, khi thấy những vị này quay lưng bỏ đi mà đức Phật “mặc nhiên không cản ngăn”, sau đó, Ngài nhìn Xá Lợi Phất mà nói: “Ngã kim thử chúng, vô phục chi diệp, thuần hữu chơn thật. Xá Lợi Phất, như thị tăng thượng mạn nhân, thoái diệp giai hỷ!”. (Đại hội của Như Lai nay không còn trấu lép mà chỉ toàn là những hạt chắc, tăng thượng mạn những người kia lui ra cũng tốt).

Tôi lúc nào cũng thích đoạn kinh văn trên, nó biểu đạt hết tính dân chủ phi phạm mà đạo Phật có đủ cùng với tấm lòng tự do tôn giáo, nó là tính tự chủ mà không phải là tính quyền uy, nó chú trọng nhơn duyên mà không là sự giáo hóa cưỡng bách. Tất cả năm ngàn vị gồm cả Tăng, Ni xuất gia và những cư sĩ tại gia đều là những người đã từng theo Phật tu học nhiều năm, trong giờ phút chót lại quay lưng bỏ đi, đức Phật không những không can gián, ngược lại nói: “Thoái diệp giai hỷ”!, thật là sự giáo hóa tốt đẹp nhất đối với chúng ta, khi đi trên

con đường tu hành tìm cầu cõi thanh tịnh là hoàn toàn do sự lựa chọn của chính mình, sự lựa chọn này đều có liên quan đến nhơn duyên, ta không cách nào ép uổng nó được.

Từ sự kiện này khiến chúng ta liên tưởng đến câu chuyện hai vị Cao Tăng hiện đại, có một lần Ngài Đệ Nhân đến một cửa tiệm sửa đồng hồ, ông thợ sửa đồng hồ nói với Ngài: “Người thế gian ai ai cũng đều có phận sự cả, như kim chỉ giờ, kim chỉ phút và kim chỉ giây đều có nhiệm vụ chuyển động không ngừng, duy chỉ có những người xuất gia như ông là không làm gì cả, nếu mọi người đều đi xuất gia thì thế giới này sẽ bị tiêu diệt.”. Ngài Đệ Nhân nói, người xuất gia như trục tâm đồng hồ, khi vui không bị nhiễm, khi khổ không bị nghiêng động, bề mặt thì không thấy có vận chuyển, trên thực tế nó đang duy trì trật tự cho những cây kim giờ, phút và giây này, chỉ có những người khi nhìn đồng hồ mà không thấy trục tâm đồng hồ mà thôi.

Còn một lần, có một anh quân nhân hỏi đến Ngài Từ Hàng “Thế gian này nếu ai ai cũng xuất gia học Phật, thế giới sẽ bị hủy diệt mất”. Ngài Từ Hàng nói: “Đúng rồi, cũng như nếu mọi người đều là quân nhân cả, thì thế giới này cũng bị hủy diệt; thế giới nếu hoàn toàn là người buôn bán, thế giới này cũng sẽ bị hủy diệt. Thế giới ta ở vốn có nhu cầu nhiều hạng người khác nhau, thế giới mới chuyển động được”.

Suy nghĩ kỹ về hai câu chuyện trên, nó cho chúng ta biết nhơn duyên thật là bất khả tư nghì, chúng ta không cần phải cưỡng cầu thế giới này, đương nhiên càng không thể cưỡng cầu chúng sanh trong thế giới mà chúng ta đang ở, mỗi chúng sanh đều nương vào nhơn duyên mà tồn tại ở thế gian, trên con đường chơn đạo, chúng ta chỉ cần nắm chặt nhơn duyên của mình, đúng như câu “Vô phục chi diệp, thuần hữu chơn thật” thì đã tốt lắm rồi.

Sau khi năm ngàn vị quay lưng bỏ đi, đức Phật mới khai diễn bài pháp của Ngài ở tầng thứ cao nhất trong Kinh Pháp Hoa, trước khi vào Kinh Ngài nói bài kệ dẫn trên, nói lý do tại sao Phật Bồ Tát xuất hiện thế gian này, nói đơn giản đó chính là chữ: Khai, Thị, Ngộ, Nhập.

Trong quá trình “Khai, Thị, Ngộ, Nhập” có hai sự kiện đáng cho chúng ta suy nghĩ, một là “khai diễn” cùng “thị hiện” mặc dù là chuyện của Phật Bồ Tát, nhưng “chứng ngộ” cùng “Khế nhập” thì không thể không do sự nỗ lực của chúng sanh mà được. Hai là sự giáo hóa của đức Phật là chỉ có Nhất thừa mà không có sự phân biệt Nhị thừa hay Tam thừa, Đại thừa, Tiểu thừa, Thanh văn, Duyên giác đều là theo phương tiện quyền nghi mà nói, đều là do “khai, thị, ngộ, nhập” lập nên. Đó là do đức Phật biết “chư chúng sanh hữu chủng chủng dục, thâm tâm sở trước, tùy kỳ tâm tánh, dĩ chủng chủng nhơn duyên tỉ dụ ngôn từ phương tiện lực vi thuyết pháp, như thử giai vi đặc nhất Phật thừa nhất thiết chủng trí cố”. Hay cũng chính vì “kiếp trước loạn thời, chúng sanh cấu trọng, kiên tham kỳ đồ, thành tựu chư bất thiện căn cố, chư Phật dĩ phương tiện lực, ư nhất Phật thừa, phân biệt thuyết tâm”.

Đang ở trong một pháp hội trang nghiêm, những vị Tăng, Ni, Cư sĩ dám đứng dậy bỏ đi, họ cũng đâu phải là hạng tầm thường, nhiều vị đã chứng đắc quả vị A La Hán, chỉ vì họ cho rằng mình đã chứng đắc cứu cánh sau cùng của Phật đạo, đã được Niết Bàn chơn thật rồi, không còn muốn lập chỉ cầu vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thôi. Đây là họ từ trong pháp khởi phân biệt, mà không phải trong Phật đạo có sự phân biệt vậy! Trong kinh điển có nói : “Thị nhân hoàng đạo, phi đạo hoàng nhân”, người biết về pháp Nhất thừa, bất luận từ phương pháp khế nhập nào cũng đều được cứu cánh của đạo, nếu như không có phong cách của tấm lòng vĩ đại và khôi hoành của Nhất thừa, thì dù có chứng đắc A La Hán cũng “Vô hữu thị xứ” mà thôi.

Phật Bồ tát sở dĩ không ngừng trở về thị hiện thế giới ô trược này, là vì muốn chúng sanh được thanh tịnh, khiến cho chúng sanh từ tri

kiến của Phật để tri ngộ Phật tâm của mình, sau đó khế nhập cảnh giới cùng Phật vô nhị, đây chính là “nhất đại nhân duyên” của đạo Phật.

Phật pháp vốn không có phân biệt, chỉ nhìn xem người học Phật có biện pháp gì để vén sạch những gai nhọn lẫn lộn trong cỏ thơm mà tiến vào cánh đồng thoáng rộng Bồ đề, người học Phật chúng ta nên nhận thức sâu sắc rằng đây là một đại sự nhân duyên để cho chúng ta không lọt vào trong sự phân biệt phiền não. Khi đức Phật nói: “Chư Phật Thế tôn dục linh chúng sanh khai Phật tri kiến sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện ư thế” chúng ta tỉnh tể thể hội được câu này, ta sẽ có được một trí huệ thâm sâu vi diệu cùng sự thấm thiết vô lượng của đại bi vậy./.

Tâm Hòa suu tâm



Tự Thấn

*Hơn bảy mươi năm sống ở đời
Hồi đầu nhìn lại giống trò chơi
Anh em cha mẹ đâu còn nữa
Bạn cũ người xưa cũng vắng thôi!
Thế sự vô thường trò mộng ảo
Công danh cái thế áng mây trôi
Sao bằng tỉnh thức lo tu niệm
Sớm kệ chiều kinh dạ thanh thoi.*

Thanh Trì

Rời Hoàng Cung



*K*hi Đức Thế Tôn ở Xá Vệ, một vị trời đi đến, vị ấy đặt câu hỏi :
“ Nội triền và ngoại triền ,
Chúng sanh bị triền phược.
Con hỏi Gotama,
Ai thoát khỏi triền này?”
Triền là lưới tham. Chúng sanh trong cõi ta bà bị vướng mắc tham ái, như những cây tre trong bụi tre⁽¹⁾

*Từ những việc ta nghe ,
Từ mùi hương ta ngửi
Lục vị qua chiếc lưới
Cảm giác sờ vật thực
Điều ta nghĩ là thực
Việc này sẽ xảy ra
Việc này sẽ xảy ra⁽²⁾*

Vị trời đã hỏi Gotama là tộc tánh của Đức Phật khi còn là vị Hoàng tử đầy uy quyền của Vương quốc Sākyas . Một đấng siêu việt, một đấng tối cao đầy đủ trí tuệ để trả lời câu hỏi của vị trời đầy quyền lực.
Vậy thì Đấng Tối Cao là nhân vật lịch sử đã có mặt trên quả địa cầu này trên hơn 2600 năm qua. Nguyên do nào khiến Ngài rời bỏ cung vàng điện ngọc để tìm đến đời sống giải thoát rồi đạt đến giác ngộ.

Ta hãy cùng nhau điem qua đoạn cuối của cuộc đời vị Hoàng Tử trước khi xuất gia tầm đạo.

Cung thành vương quốc Sākyas vào một buổi chiều Xuân...

Cung đàn diu đặt bắt đầu trong cung điện lộng lẫy của Thái tử Sĩ Đạt Đa. Đây những cảnh vui chơi dục lạc. Thái tử diu bước công nương Da Du Đa La vào dự cuộc vui. Nhưng cuộc vui chơi nào lại chẳng có lúc tàn. Những bước chân phiêu du của những điệu vũ quay cuồng, những điệu nhạc đầy quyến rũ , như mời gọi, như đón chào nhưng không lôi cuốn được chàng. Trái tim của ngàn đời được tôi luyện, xin trở về lần chót để mong cứu độ chúng sinh. Tìm về chánh niệm, niệm thân diệt trừ những cảm thọ sai lầm. Rồi chàng cảm nhận

*Những việc ta làm là
Ta mong tìm khoái lạc
Từ những gì nhìn thấy*

Quán tưởng về sự thật cuộc đời nên mọi việc đối với chàng dường như là ảo mộng. Điều này khiến chàng dần bước ra ngoài vòng thành cung điện, nơi chàng chứng kiến Bốn Đau Hiệu của lão, bệnh, tử và đời sống thánh thiện. Muốn tìm chân lý cuộc đời với những nhận thức sai lầm vì bị đóng khung thì con đường vẫn vòng vòng mà không ra lối thoát. Leonard De Vinci triết gia, khoa học gia của thế kỷ 15-16 cũng đã từng nói với học trò mình rằng :
“*Các con hãy tự mang giày đinh, trèo núi cao, đi xuống đồng bằng, thung lũng sâu hay đến tận hang cùn ngõ hẹp, để chính tự mình tìm hiểu và chứng kiến tận mắt những sự kiện rồi hãy đưa ra kết luận.*” Với Leonard De Vinci , ông muốn tái tạo hoàn cảnh sống của quả địa cầu trong thời quá khứ. Tính nhân bản của ông là muốn tìm ra sự thật thì tự chính mình phải trải nghiệm sự kiện rồi phân tích và kết luận. Điều này tuy không đồng nghĩa với lời kinh Kalama⁽²⁾, nhưng cùng ý tương tự. Tôi không có quyền so sánh Đức Thế tôn với một ai cả. Bởi vì hai việc không đồng bản thể , tuy nhiên, hai nhận thức đều có tính triết lý, khoa học và nghệ thuật. Leonard De Vinci cũng nói thêm rằng : “*Hiện tại là chìa khóa của quá khứ*”. Nó cũng lại cho thấy việc này không quá xa với cơ sở căn bản của luật nhân quả.

Tính nhân bản của Sĩ Đạt Đa là thành kiến về giai cấp trong xã hội Ấn Độ, không có chỗ đứng trong tim của chàng. Nhưng việc quan trọng, tối cần của chàng là mang hết năng lực, trí tuệ để tìm ra con đường giải thoát, cứu độ

chúng sinh. Cuộc hành trình đầy gian lao này nếu không có ngọn đao của trí tuệ được mài giũa qua con đường thiền định thì bờ giải thoát hãy còn xa. Trí tuệ một đời hay trí tuệ của ngàn đời được đúc kết và công hiến cho nhân loại.

*Để hiểu ra chân lý cuộc đời
Trong hoàng cung hay ở bên ngoài,
Việc có khác hay là không khác?
Đời là thế hay còn hơn thế?
Điều chưa đủ, ta chưa biết đủ?
Như ngục tù, vây kín quanh ta
Cảm giác rằng ràng buộc nơi ta.
Cảm giác ấy mãi còn vương vấn
Hiện thực phải chăng là chân thực?
Sao ta mãi hãy còn vương vấn,
Sự thực này, vẫn muốn tìm ra,
Ngoài hoàng cung, sau bốn bức tường.
Ta vẫn muốn tìm ra sự thực,
Để rõ ra chân lý cuộc đời? ⁽³⁾*

Hạt giống gieo trồng từ ngàn đời đã nảy mầm rồi vươn cao thành những cây đại thụ đơm hoa rồi kết quả. Sự ra đi tìm chân lý của chàng là sự nở rộ của ngàn hoa từ muôn kiếp xa xưa nào đó. Bị tác động sâu xa bởi những gì đã nhìn thấy từ bên ngoài bốn cửa thành, chàng quyết định từ bỏ những thú vui trần thế, hướng tới sự nhận biết chân lý tối thượng.

*Sự già nua cùng tuổi tác
Thoảng đi qua trong chốc lát,
Từng sát na, tế bào sinh,
Mang bệnh khổ, rồi già chết,
Từng sát na, vô thường đến
Không bảo nó thôi đừng đến,
Tuổi nào là tuổi không qua,
Tuổi già nua, rồi tuổi chết,
Trải qua cho hết đoạn đường,
Tôi, anh cùng hết mọi người.
Sinh biệt ly, già có chết
Đây chính là con đường Thánh,
Hạnh phúc chân thường là chánh,
Thoát vòng bi lụy đau thương,
Tìm ra chân lý cuộc đời,
Mọi người sống, đời đáng sống ⁽³⁾*

Vì vậy, chàng già từ cuộc sống vương giả và dẫn mình vào đường tu của một nhà khổ hạnh, để mong tìm sự giác ngộ. Cố Văn sĩ Võ Đình Cường trong cuốn “Thử Hòa Diệu Sống” đã

viết: “*Lý tưởng định hướng thuyền đời và làm nảy hoa cuộc sống.*” Một lý tưởng đã uơm mầm từ muôn kiếp nay trở thành hiện thực của thế gian. Nó là nguồn di sản vô cùng tận mà Đấng Thiện Thế đã để lại cho chúng ta.

*Ta sẽ sống trong sanh, già, bệnh, chết
Sống để rồi chết thì sống làm chi?
Để diệt trừ khổ não đến có khi.
Ta phải cố tìm cho ra chân lý?
Ồ! Hãy trông xa kia là bậc thánh
Thật an nhiên thanh thản và hiền hòa.
Cõi ta bà đã tìm ra lối thoát,
Tâm tĩnh lặng sống an hoà thư thái
Chân lý đó làm nảy hoa cuộc sống
Tâm thanh tịnh vốn là chơn tự tánh.
Tìm ra chưa Chân Lý của cuộc đời? ⁽³⁾*

Một khoảng không gian âm u mờ tối trong cung vàng điện ngọc, một khoảng không mà trí tuệ mở rộng trong một môi trường tôi luyện đầy gian lao cực khổ, trải qua nhiều khổ hạnh chôn rừng già, ăn từng hạt mè để sống,

Sự ra đi của Thái tử Sĩ Đạt Đa có hay không có lời từ giã với Công nương Gia Du Đà La thì chưa ai biết được, nhưng cuộc chia tay với Xa Nặc là một huyền sử.

*Hỡi Da Du Đa La cùng con thơ dại!
Giờ đã đến, thôi ta xin tạm biệt.
Còn những việc tối cần, em nên biết,
Ta rời em mang trọng trách này đây,
Lòng nhân ái, trao ai còn đau khổ,
Lo tha nhân và lo cả muôn loài,
Từ khi biết em và con đầy đủ.
Ta ra đi là tạm biệt từ đây.
Lời tạm biệt mong mang nguồn hạnh phúc*

*Xa Nặc hỡi! Ta ra đi giờ đã điếm,
Mọi buồn vui xin gởi lại nơi này.
Đây thanh kiếm, y trang và mớ tóc,
Theo chân người về đến chốn hoàng cung.
Trao tận tay phụ hoàng dùm ta nhé,
Áo khô hạnh từ nay ta nguyện khoác,
Với thời gian cùng tâm huyết của mình.
Bờ giải thoát là nơi ta nguyện đến,
Danh Hoàng tử, từ nay xin giã biệt.
Chưa đến bờ, chưa trở lại nơi đây,
Nhấn gởi mẹ già, vợ yếu, con thơ,
Rằng ta nay vẫn hãy còn khỏe mạnh,
Đừng trông chờ, đừng tìm kiếm ta chi.*

*Thời gian đến ta sẽ tìm trở lại,
Thôi tạm biệt từ nay xin tạm biệt,
Lời tạm biệt mong mang nguồn hạnh phúc.* ⁽³⁾

Đã cùng nhau trở lại những giờ phút khó quên trong lịch sử nhân loại mà chúng nhân cũng có thể là chúng ta. Đương thời, ta có thể là những cành cây ngọn cỏ, những hòn sỏi viên đá, những dòng suối mát hay một vũng nước trong, một vài loại chim muông hay loài bò sát hoặc loại côn trùng cùng muôn thú nào đó. Chúng ta đã nghe được lời Thánh nguyện thủa xa xưa, để rồi ngày nay có dịp trời đất trở lại kiếp người để hưởng lại những dòng Thánh Pháp của Đấng Đạo Sư cao cả qua lời giáo huấn của các bậc thầy, các vị thiện hữu tri thức.

Con xin đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Thế Tôn Ba Ga Va. Ngài là Bạc A la Hán cao thượng đã chứng quả Chánh biến tri. Do ngài tự ngộ không thầy chỉ dạy ⁽⁴⁾

Ngày hôm nay chúng con là những Phật tử từ chùa Quang Minh do hai nguồn xuất phát: một từ Gia đình Phật Tử Đại Hoan Hỷ; hai là quý Liên viên Phật tử trong Liên hữu, Liên Xã Quang Minh Đạo tràng, đã cùng quý Phật tử chùa Sakyamuni Sambuddha Vihara dùng cung đàn tiếng nhạc, các điệu múa thô thiển tầm thường của thế gian làm sống lại một phần nào lịch sử của những giờ phút thiêng liêng cao quý của bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác đầy lòng từ bi cao cả đã cứu độ chúng sanh mà nhân loại hằng ngưỡng mộ. Với lòng thành, chúng con kính dâng chút quà mọn đến với Đấng Từ Phụ trong ngày Đại Lễ Phật Đản Vesak theo Liên Hiệp Quốc năm 2016. Xin Ngài chứng tri cho chúng con.

Diệu Thông

Ghi Chú:

(1) Bốn câu kệ trên nguyên bản tiếng Pali được cố Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch, ngoài ra còn có 04 câu kệ trả lời của Đức Thế Tôn nhưng không cần thiết để đề ra theo ý của bài. Chúng con không biết có từ trong tạng kinh nào vì nguồn từ các trang web.

Ngày 11/04/16 Thầy Phước Tấn có giảng về Thức thực và có đề cập về nội triền và ngoại triền nhưng không nhấn mạnh lắm.

(2) Kinh Kalama có trong Tăng Chi Bộ Kinh; phân đoạn 65 do cố Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch

(3) Chuyển ngữ theo những bài hát của nhạc sĩ kiêm ca sĩ Andrew Williams mà các Phật tử chúng con đã dùng để diễn múa

(4) Theo lời dịch của Sư cả Sen Then, Trụ trì chùa Khmer Buddhist Centre of Victoria từ câu kinh tiếng Pali: *Namo tassa bhagavato arahato samma sambuddhassa*



Buông gánh

*Lưu luyến thêm chi khổ lụy nhiều
Đường trần gánh nặng mỗi chân xiêu
Trắng lạnh mây sâu thối vương vấn
Bóng hạc qua mau tuổi xế chiều*

*Chung bước ta đi một con đường
Tìm về bến cũ dứt tơ vương
Sau lưng bỏ lại niềm mơ ước
Chỉ có trăng vàng một chữ thương*

*Nặng nợ đường trần đã mấy thu
Ra vào khổ lụy gót phong lưu
Thuyền đời trôi mãi từ bao kiếp
Buông gánh cho rồi trọn kiếp tu*

P.T.

Hoàng Ngọc Thanh Tịnh

(Phèo non chiên giòn)



1. Vật liệu:

- ♦ 4 miếng tàu hũ ky
- ♦ 3 trái cà, ớt, ngò
- ♦ Tiêu, muối, bột ngọt, dầu ăn
- ♦ 50g bột mì
- ♦ 200g xà lách xoong

2. Chuẩn bị:

- Tàu hũ ky: vẩy nước lạnh cho tàu hũ ky vừa mềm, cắt bỏ bì cứng.
- Bột mì: quậy với nước lạnh sền sệt.
- Xà lách xoong: rửa sạch.
- Cà: thái mỏng.
- Ớt: thái khoanh mỏng.
- Ngò: rửa sạch để ráo.

3. Cách làm:

- Trái miếng tàu hũ ky lên thớt, rải gia vị lên đều, phết bột mì lên bề mặt miếng tàu hũ ky, cuộn tròn lại, đem hấp 15 phút, lấy ra để ráo.
- Chảo dầu nóng cho tàu hũ ky vào chiên vàng, giòn.

4. Trình bày:

Cắt xéo miếng tàu hũ ky vừa ăn, xếp lên đĩa xà lách xoong và cà xắt mỏng, rắc ngò, tiêu lên trên, dùng với nước tương, ớt xắt mỏng, dùng chung với cơm.

Tâm Hòa soạn

LỊCH SINH HOẠT NGÀY THỨ BẢY & CHỦ NHẬT HÀNG TUẦN TẠI TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

1. Khóa tu Bát Quan Trai

- Chủ Nhật

- 09:00 Thọ giới Bát Quan Trai
- 09:30 tụng kinh Pháp Hoa, niệm Phật, cầu siêu, cúng Ngọ
- 11:30 Thọ trai – Kinh hành, niệm Phật
- 13:30 Niệm Phật
- 15:45 Giải lao
- 16:00 Mông Sơn Thí Thực hoặc Pháp thoại
- 17:00 Xả giới hoàn mãn



2. Các lớp học

- Lớp Căn bản Internet và MS Office học từ 14.30 – 16:30 vào trưa thứ Bảy
- Lớp Đàm thoại Hoa ngữ căn bản và trung cấp học từ 9:00 đến 14:00 chiều thứ Bảy
- Lớp Việt ngữ học từ 9 giờ 30 – 11 giờ 30 sáng Chủ Nhật
- Lớp Phật Pháp căn bản dành cho các em thiếu nhi học từ 11 giờ 30 – 12 giờ 30 trưa Chủ Nhật
- Lớp Anh Văn đàm thoại căn bản học từ 9 giờ 00 đến 11 giờ 30 sáng Chủ Nhật

3. Lịch Sám Hối

- Hằng nửa tháng đều có Lễ Sám hối và Kiểm giới Bồ Tát Tại Gia vào tối 14, sáng rằm Bồ tát chúng xuất gia.
 - Tháng đủ Sám hối và Kiểm giới cho Phật tử tại gia vào ngày 29, sáng 30 Bồ tát chúng xuất gia.
 - Tháng thiếu Sám hối và Kiểm giới cho Phật tử tại gia vào ngày 28, sáng 29 Bồ tát chúng xuất gia.
- **Quý đồng hương, Phật tử được mời dùng cơm chay đạo vị với Chùa vào lúc 12 giờ trưa mỗi Thứ Bảy và Chủ Nhật**

DANH SÁCH ỦNG HỘ ĐẠI TÒNG LÂM PHẬT GIÁO

HỘ TRÌ TAM BẢO: SC Phước Tâm (tháng 6,7,8,9/2015) (400), Logan Trần (trọn year 2016) (60), Trí Chánh (trọn year 2016) (60), Viên Ngộ (trọn year 2016) (60), Diệu Hạnh (trọn year 2016) (60), Huệ Chiêu (trọn year 2016) (60), Trương Đình Hoạt (trọn year 2016) (60), Phạm Đình Phùng (trọn year 2016) (60), Viên Đạo (trọn year 2016) (60), SC Phước Tâm tháng 1/2016 (100), SC Phước Nghiêm trọn year 2016 (120), SC Phước Thanh trọn year 2016 (240), Nguyễn Thị Hương pd Huệ Trí (60) (trọn year 2016), Nguyễn Tấn Phát (trọn year 2016) (60), Chúc Ứng (trọn year 2016) (60), SC Phước Tâm (tháng 10, 11, 12/2015) (300), SC Phước Tâm (tháng 1/2016) (100), Khuru Thị Kim Hồng (trọn năm 2016) (60), Thân Phần+Ngọc Tuyết (1,2,3,4,5,6/ 2016) (60), Lữ Ngọc Huỳnh (trọn năm 2016) (60), Bành Thị Lúí pd Diệu Quý (trọn năm 2016) (60), Tâm Hương (trọn năm 2016) (60), Diệu Yên+Giác Tâm (1,2,3,4,5,6,/2016) (60), Cường +Vân+Đức (trọn năm 2016) (180), Dung +Vân Linh (trọn năm 2016) (180), Phước Thọ+Viên Hương+Viên Thủy (trọn năm 2016) (180), Ngọc Lầu+Ngọc Thiên+Viên Hảo (trọn năm 2016) (180), Jimmy+Allenna+Ethan (trọn năm 2016) (180), Cô An pd Chúc Thêm (trọn năm 2016) (60), Nhật Thành +Nhật Quả (trọn năm 2016) (120), Tạ Xuân Mai (trọn năm 2016) (60), Thang Lê Trân (trọn năm 2016) (60), Diệu Huệ (Thanh) (trọn năm 2016) (120), Hồng+Bi (trọn năm 2016) (120), Diệu Quả (trọn năm 2016) (120), Gđ Diệu Thiện (Anh chị Mo) (trọn năm 2016) (120), Jenny Phạm (trọn năm 2016) (60), Trịnh Tinh An (trọn năm 2016) (60), Trương Chí Võ (trọn năm 2016) (60), Minh Châu+Thái Minh (trọn năm 2016) (120), Ngọc Trang (trọn năm 2016) (60), Chúc Thêm pd Cô An (1-6/2017) (30), Tịnh Duyên (12 tháng/2016) (120), Tịnh Thủy (12 tháng/2016) (120), Ong Phuôi (12 tháng/16) (60), Phở Điền (1-4/16) (120), Quách Lê Sơn pd Minh Kiên (12 tháng/16) (60), Tâm Hiệp (12 tháng/16) (120), Thái Phần & Ngọc Tuyết (6-12/16) (60), Viên Toàn (6-12/16) (60), Diệu Hòa (Phi) (12 tháng) (60), Diệu Yên & Giác Tâm (6-12/16) (60), Ngọc Đăng & Huyền Phong (12 tháng/16) (120),

CÚNG DƯỜNG: Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Kim Nga Nguyễn (100), Gđ Dương Thanh Thi (300), Đặng Kim Lan pd Tâm An (50), Thầy Phước Đạo & SC Phước Đức (500), Phan Anh Tuấn Rusland (100), Lê Thị Kim Tiến pd Viên Hạnh (50), Gđ Trần Thị Khánh pd Diệu Lạc (100), Ân danh (876.89), Ân danh (366.20), Ân danh (113.20), Ân danh (1218.12), Ân danh (1196.10), Ân danh (795.71), Minh Ân & Diệu Di (200), Gđ Nguyễn Đức Trí pd Huệ Ngạn (800), Gđ h/l Nhâm Dung (800), Kenneth Văn (200), NS Thảo Nguyễn (100), Kim Nga Nguyễn (100), Ân danh (1180.42), Ân danh (26.42), Ân danh (656.36), Ân

đanh (200.65), Ân danh (1104.17), Ân danh (622.12), Ân danh (1508.66), Gđ h/l Võ Thị Hai (800), Gđ h/l Trương Thị Phước (500), Kenneth Văn (400), Gđ h/l Lê Viết Bình pd Thiện Niệm (200), Gđ h/l Nguyễn Thị Song (200), Gđ h/l Hoàng Ngọc Sứu (900), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Kim Nga Nguyễn (100), Bán bánh Trung Thu năm 2014 (680.05), Minh Tâm (250), Gđ cổ Đại Đức Thích Phước Tạng (400), Gđ h/l Võ Tấn Thành (730), Nguyên Hoa cúng sửa Tịnh Xứ Hòa Thượng (500), Minh Tâm (50), Ân danh (256.36), Ân danh (1180.42), Ân danh (26.42), Ân danh (656.36), Ân danh (200.65), Ân danh (1104 17), Ân danh (622.12), Ân danh (1508.66), Ân danh (137.01), Ân danh (576), Ân danh (349.93), Ân danh (168), Ân danh (1032.11), Ân danh (748.69), Ân danh (512.54), Ân danh (392.78), Ân danh (781,95), Ân danh (392.79), Ân danh (687.86), Gđ h/l Nguyễn Văn Khương (400), Kenneth Văn (300), Gđ Diệu Ngọc (50), Trần thị Lan pd Diệu An (50), Gđ h/l Lê Quyết Tiến pd Nguyên Thành (100), Minh Ân & Diệu Di (NZ\$200), Trần thị Đào pd Diệu Khiêm (50), Diệu Thành (500), Gđ h/l Lê Quyết Tiến (500), Phương Nguyễn (100), Lâm Sanh (50), Gđ h/l Trần Đức Hưng (70), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Kim Nga Nguyễn (100), Ân danh (714), Ân danh (227,13), Ân danh (719.27), donation Tết Bính Thân 2016 (315.10), Ban Tổ chức hành hương cúng ĐTL (1000), Nguyễn Hùng Anh (50), Bác Thăng (100), Ngụy Mỹ Dung (50), Ngụy Thượng Đức (50), Ngụy Thượng Vân (50), Ngụy Mỹ Vân (50), Ngụy Thượng Cường (50), Ngụy Mỹ Linh (50), Minh Tâm (50), Minh Tâm (100), Gđ h/l Bùi Vĩnh Nghiệp (100), Gđ h/l Lu Linh Anh (600), Gđ h/l Trần Thị Khánh pd Diệu Lạc (150), Gđ h/l Hà Thế Chinh (50), Gđ h/l Hoàng Việt Hoàn (400), Bé Huệ Trân pd Viên Tường (50), Gđ h/l Ngô Thị Mỹ Anh pd An Nhiên (50), Gđ h/l Châu Mỹ Ngọc (300), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Gđ Nguyễn Thanh Tân pd Minh Đăng (500), Tịnh Quán (50), Gđ h/l Hoàng Việt Hoàn +Châu Mỹ Ngọc (200), Minh Tâm (100), Bán trái thanh long ĐTL (560), Gđ h/l Trần Văn Hùng pd Thanh Tịnh An (50), Phạm Ngọc Yên pd Tâm Thông (4), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Gđ h/l Nhan Xương Phụng (200), Gđ h/l Hoàng Vũ Anh (200), David Huỳnh (100), (Janet T.Pham-Rimele pd Viên Lộc) (100), Gđ h/l Lê Quyết Tiến (200), Gđ h/l Lương Phước Sơn (150), Gđ h/l Lê Quyết Tiến (150), Nguyễn Ngọc Bàn (200), Gđ h/l Huỳnh Thị Thơm pd Diệu Hương (100), Tâm Tiên (Melbourne) (100), Tâm Nguyễn (Melb.) (200).

Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật Đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tận tình tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Phật Đản 2640

Thầy Phước Quảng	50	Tâm Nghiêm	30
Thầy Phước Lạc	50	Chơn Huyền Hiền	10
Thầy Phước Nghĩa	50	Chơn Chất	20
Thầy Phước Viên	50	Tùng Ngọc	10
Sư cô Phước Sinh	50	Tâm Như Lộ	20
Sư cô Phước Ngọc	50	Huệ Linh	20
Sư cô Phước Chí	50	Tâm Hiệp	10
Sư cô Phước Bình	50	Diệu Trang	15
Sư cô Phước Tâm	50	Tâm Thông	10
Sư cô Phước Chiêu	50	Tâm Hoa	10
Sư cô Phước Thọ	50	Diệu Ngọc	10
Sư cô Phước Lạc	50	Chúc Nhuận	20
Sư cô Phước Hương	50	Logan Trần	10
Sư cô Phước Lễ	50	Quang Thuận	10
Sư cô Phước Trường	20	Tâm Thạnh	20
Sư cô Phước Thanh	20	Thọ Nhựt	20
Sa di ni Diệu Kính	50	Ngọc Thiền	20
Quincy Trí Việt	30	Viên Quang	10
Phạm Ngọc Yên pd Tâm Thông	20	Trí Dũng	20
Minh Châu & Thái Minh	200	Tịnh Thủy	10
Minh Quang & Diệu Huệ	50	Ngọc Trang	10
Janet Thủy Phan pd Viên Lộ	50	Huỳnh Joshua	10
Huệ Trí	10	Đức Ngọc	10
Diệu Hạnh	10	H/h cầu siêu hl. Huỳnh Việt Sử	100
Diệu Tánh	10	H/h cầu siêu hl. Nguyễn Thị Bê	100
Tâm An	10		
Diệu Tính	10	Đóng góp chi phí làm chả giò	
Chúc Ứng	10	Minh Quang & Diệu Nguyệt	100
Quảng Thanh	20		
Diệu Thuận	10		
Diệu Hồng	10		

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 63

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| - Nhà thuốc tây Mai | - Huyện Motor Repair |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Tiệm vàng Kim Thâu |
| - Tran's Aquarium | - Công ty kế toán Bùi Thanh Lân |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | |
| - All-Villa Print | |
| - Fairfield Funerals of Distinction | |
| - Gạo thơm Hoàng Gia | |
| - Nha sĩ Phương Thảo | |
| - Thực phẩm Á Châu Tường Phát | |

